

MỤC LỤC

MỤC LỤC ..... 1

DANH MỤC BẢNG BIỂU..... 4

LỜI MỞ ĐẦU ..... 5

**CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP** ..... 6

**1.1. Sự cần thiết của tổ chức kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp** .... 6

**1.1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của nguyên vật liệu**..... 6

            1.1.1.1. Khái niệm nguyên vật liệu ..... 6

            1.1.1.2. Đặc điểm nguyên vật liệu ..... 6

            1.1.1.3. Vai trò của nguyên vật liệu ..... 7

**1.1.2. Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu trong doanh nghiệp** ..... 7

**1.1.3. Nhiệm vụ hạch toán nguyên vật liệu** ..... 9

**1.2. Phân loại và đánh giá nguyên vật liệu**..... 10

**1.2.1. Phân loại nguyên vật liệu** ..... 10

            1.2.1.1. Nếu căn cứ vào vai trò, tác dụng của nguyên vật liệu trong sản xuất kinh doanh, nguyên vật liệu được chia thành các loại ..... 10

            1.2.1.2. Căn cứ vào nguồn hình thành nguyên vật liệu được chia thành ..... 11

            1.2.1.3. Căn cứ vào mục đích, công dụng của nguyên vật liệu có thể chia nguyên vật liệu thành..... 11

**1.2.2. Đánh giá nguyên vật liệu**..... 12

            1.2.2.1. Đánh giá nguyên vật liệu theo giá thực tế..... 12

                1.2.2.1.1. Giá thực tế nguyên vật liệu nhập kho ..... 12

                1.2.2.1.2. Tính giá nguyên vật liệu xuất kho ..... 15

            1.2.2.2. Đánh giá nguyên vật liệu theo giá hạch toán..... 18

**1.3. Thủ tục quản lý nhập - xuất - tồn kho nguyên liệu, vật liệu và các chứng từ kế toán liên quan**..... 19

**1.3.1. Các chứng từ kế toán sử dụng** ..... 19

**1.3.2. Thủ tục nhập kho** ..... 20

**1.3.3. Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu** ..... 20

**1.4. Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu trong doanh nghiệp**..... 21

**1.4.1. Phương pháp thẻ song song** ..... 22

**1.4.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển** ..... 23

**1.4.3. Phương pháp sổ số dư** ..... 24

**1.5. Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp**..... 25

<b>1.5.1. Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên</b> .....	26
1.5.1.1. Tài khoản sử dụng .....	26
1.5.1.2. Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	27
<b>1.5.2. Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ</b> .....	29
1.5.2.1. Tài khoản sử dụng .....	29
1.5.2.2. Phương pháp hạch toán.....	30
<b>1.6. Kế toán dự phòng giảm giá nguyên vật liệu tồn kho</b> .....	32
<b>1.7. Đặc điểm tổ chức sổ kế toán tổng hợp về nguyên vật liệu theo các hình thức sổ sách kế toán</b> .....	35

## **CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HAPACO H.P.P** .....

<b>2.1. Đặc điểm, tình hình tổ chức và quản lý sản xuất kinh doanh tại Công ty ảnh hưởng đến công tác kế toán nguyên, vật liệu</b> .....	36
2.1.1. <i>Quá trình hình thành và phát triển của Công ty cổ phần HAPACO H.P.P</i> .....	36
2.1.2. <i>Những thuận lợi, khó khăn của doanh nghiệp trong quá trình xây dựng và phát triển</i> .....	38
2.1.2.1. Thuận lợi.....	38
2.1.2.2. Khó khăn .....	38
2.1.3. <i>Thành tích công ty đạt được trong những năm qua</i> .....	39
2.1.4. <i>Quy trình công nghệ, nguồn nguyên vật liệu</i> .....	40
2.1.5. <i>Đặc điểm về cơ cấu tổ chức và quản lý của Công ty</i> .....	40
2.1.6. <i>Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty</i> .....	43
2.1.6.1. <i>Tổ chức bộ máy kế toán</i> .....	43
2.1.6.2. <i>Chế độ kế toán áp dụng tại công ty</i> .....	45
2.1.6.3. <i>Trình tự ghi sổ kế toán của công ty</i> .....	46
<b>2.2. Tình hình thực tế công tác kế toán nguyên, vật liệu ở Công ty CP HAPACO H.P.P</b> .....	48
2.2.1. <i>Phân loại nguyên vật liệu và đặc điểm công tác quản lý tại Công ty CP HAPACO H.P.P</i> .....	48
2.2.1.1. <i>Phân loại nguyên vật liệu</i> .....	48
2.2.1.2. <i>Đặc điểm công tác quản lý</i> .....	50
2.2.2. <i>Tính giá nguyên vật liệu tại Công ty CP HAPACO H.P.P</i> .....	51
2.2.2.1. <i>Giá nguyên vật liệu nhập kho</i> .....	51

2.2.2.2. Giá nguyên vật liệu xuất kho .....	53
<b>2.2.3. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty CP HAPACO H.P.P .....</b>	<b>55</b>
2.2.3.1. Thủ tục nhập – xuất nguyên vật liệu.....	55
2.2.3.2. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty CP HAPACO H.P.P ...	69
<b>2.2.5. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại Công ty CP HAPACO H.P.P ....</b>	<b>76</b>
2.2.5.1. Chứng từ sử dụng .....	76
2.2.5.2. Tài khoản sử dụng .....	76
2.2.5.3. Quy trình hạch toán .....	77
<b>2.2.6. Công tác kiểm kê nguyên vật liệu.....</b>	<b>87</b>

**CHƯƠNG 3: MỘT SỐ NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HAPACO H.P.P .....**

<b>3.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác quản lý sử dụng nguyên vật liệu</b>	<b>89</b>
<b>3.2. Nhận xét và đánh giá khái quát công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty CP HAPACO H.P.P.....</b>	<b>90</b>
3.2.1. Ưu điểm .....	91
3.2.2. Những mặt hạn chế còn tồn tại.....	96
<b>3.3. Một số biện pháp góp phần hoàn thiện công tác quản lý, sử dụng kế toán nguyên vật liệu tại Công ty CP HAPACO H.P.P .....</b>	<b>97</b>
3.3.1. Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ.....	98
3.3.2. Khâu thu mua, vận chuyển .....	99
3.3.3. Hoàn thiện việc lập danh điểm vật tư .....	99
3.3.4. Hoàn thiện thủ tục nhập, xuất kho nguyên vật liệu .....	100
3.3.5. Hoàn thiện lập bảng phân bổ vật liệu .....	101
3.3.6. Áp dụng công nghệ thông tin vào tổ chức công tác kế toán nói chung và kế toán nguyên vật liệu nói riêng .....	102
3.3.7. Cần thiết phải có sự nghiên cứu, tìm hiểu thị trường .....	103
3.3.8. Xác định mức dự trữ tối thiểu và tối đa cho từng loại nguyên vật liệu .....	103
3.3.9. Công tác kiểm kê nguyên vật liệu.....	104
3.3.10. Hoàn thiện việc tổ chức, phân tích tình hình sử dụng nguyên vật liệu .....	104

**KẾT LUẬN .....** 107

**TÀI LIỆU THAM KHẢO .....** 108

**DANH MỤC BẢNG BIỂU**

1. Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT số AR/2010E 0000893.....	58
2. Biểu số 2.2: Biên bản kiểm nghiệm vật tư .....	59
3. Biểu số 2.3: Phiếu nhập kho số 12/01 .....	60
4. Biểu số 2.4: Hóa đơn GTGT số AR/2010E 0000905.....	61
5. Biểu số 2.5: Biên bản kiểm nghiệm vật tư .....	62
6. Biểu số 2.6: Phiếu nhập kho số 12/04 .....	63
7. Biểu số 2.7: Phiếu xin lĩnh vật tư số 12/01.....	65
8. Biểu số 2.8: Phiếu xin lĩnh vật tư số 12/04.....	66
9. Biểu số 2.9: Phiếu xin lĩnh vật tư số 12/04.....	67
10. Biểu số 2.10: Phiếu xuất kho số 12/04 .....	68
11. Biểu số 2.11: Thẻ kho Giấy lẻ OCC (nội) tháng 12/2010.....	71
12. Biểu số 2.12: Sổ chi tiết vật liệu Giấy lẻ tháng 12/2010.....	72
13. Biểu số 2.13: Thẻ kho vật liệu Giấy lẻ ONP (nội) tháng 12/2010 .....	73
14. Biểu số 2.14: Sổ chi tiết vật liệu Giấy lẻ ONP (nội) tháng 12/2010 .....	74
15. Biểu số 2.15: Bảng tổng hợp nhập xuất tồn vật liệu tháng 12/2010 .....	75
16. Biểu số 2.16: Trích Sổ nhật ký chung tháng 12 .....	79
17. Biểu số 2.17: Sổ Cái TK 152 tháng 12/2010.....	80
18. Biểu số 2.18: Sổ Cái TK 331 tháng 12/2010.....	81
19. Biểu số 2.19: Sổ Cái TK 111 tháng 12/2010.....	82
20. Biểu số 2.20: Sổ Cái TK 621 tháng 12/2010.....	83
21. Biểu số 2.21: Sổ Cái TK 133 tháng 12/2010.....	84
22. Biểu số 2.22: Sổ chi tiết thanh toán với người bán tháng 12/2010 .....	85
23. Biểu số 2.23: Bảng tổng hợp thanh toán với người bán tháng 12/2010.....	86
24. Biểu số 2.24: Biên bản kiểm kê vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa.....	88

## LỜI MỞ ĐẦU

Cùng với xu hướng phát triển của thế giới, trong những năm vừa qua kinh tế Việt Nam có nhiều chuyển biến khởi sắc. Trong điều kiện kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, các doanh nghiệp được phép hoạt động kinh doanh, cạnh tranh lành mạnh trong khuôn khổ pháp luật. Để có thể khẳng định chỗ đứng của mình thì bất kể doanh nghiệp nào cũng cần phải có những chính sách đường lối cũng như các công cụ quản lý đặc lực.

Về bản chất, kế toán là một hệ thống đo lường xử lý và truyền đạt những thông tin có ích cho quyết định kinh doanh. Sự hỗ trợ của công tác hạch toán kế toán trong doanh nghiệp là hết sức cần thiết bởi hạch toán kế toán là công cụ có vai trò quan trọng trong sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.

Là một trong những yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, nguyên vật liệu là tư liệu lao động chủ yếu cấu thành nên thực thể sản phẩm, đồng thời còn ảnh hưởng trực tiếp đến giá thành và chất lượng sản phẩm. Thực hiện tốt công tác kế toán, đặc biệt là công tác kế toán nguyên vật liệu sẽ hạn chế được những thất thoát lãng phí và là cơ sở để giảm chi phí, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp, đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp trong hiện tại và tương lai.

Xuất phát từ tầm quan trọng của kế toán nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp sản xuất, trên cơ sở đã được học ở nhà trường và thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần HAPACO H.P.P, em đã đi sâu tìm hiểu về phân hành kế toán nguyên vật liệu và chọn đề tài ***“Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần HAPACO H.P.P”*** làm khóa luận tốt nghiệp của mình.

Ngoài lời mở đầu và kết luận, khóa luận của em gồm 3 chương:

***Chương 1: Cơ sở lý luận về tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.***

***Chương 2: Thực trạng công tác kế toán kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần HAPACO H.P.P.***

***Chương 3: Một số nhận xét và kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần HAPACO H.P.P.***

Do thời gian và trình độ có hạn nên khóa luận của em không tránh khỏi thiếu sót. Em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

***Em xin chân thành cảm ơn!***

## CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP

### **1.1. Sự cần thiết của tổ chức kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp:**

#### **1.1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của nguyên vật liệu:**

##### **1.1.1.1. Khái niệm nguyên vật liệu:**

Theo chuẩn mực số 02 “Hàng tồn kho” là những tài sản:

- Được giữ để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường.
- Đang trong quá trình sản xuất, kinh doanh dở dang.
- Nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ để sử dụng trong quá trình sản xuất, kinh doanh hoặc cung cấp dịch vụ.

☞ Nguyên vật liệu là một bộ phận của hàng tồn kho, là một trong những yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh, tham gia thường xuyên và trực tiếp vào quá trình sản xuất sản phẩm, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng của sản phẩm.

##### **1.1.1.2. Đặc điểm nguyên vật liệu:**

Trong quá trình tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh nguyên vật liệu có đặc điểm sau:

- Về mặt hiện vật: Nguyên vật liệu chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất kinh doanh nhất định. Khi tham gia vào quá trình sản xuất, kinh doanh dưới tác động của lao động, nguyên vật liệu bị tiêu hao toàn bộ hoặc thay đổi hình thái vật chất ban đầu để tạo thành thực thể của sản phẩm.
- Về mặt giá trị: Khi tham gia vào một chu kỳ sản xuất nguyên vật liệu dịch chuyển một lần toàn bộ giá trị của chúng vào sản phẩm mới.

Trong doanh nghiệp sản xuất thì nguyên vật liệu là đối tượng lao động do doanh nghiệp sản xuất mua ngoài, tự sản xuất ... dùng cho mục đích sản xuất kinh doanh. Như vậy nguyên vật liệu có một giá trị quan trọng không thể phủ nhận được trong quá trình sản xuất.



**1.1.1.3. Vai trò của nguyên vật liệu:**

Nguyên vật liệu có vai trò là cơ sở vật chất hình thành nên sản phẩm, là một trong ba yếu tố không thể thiếu trong quá trình sản xuất kinh doanh. Việc cung cấp nguyên liệu vật liệu có kịp thời hay không, số lượng chủng loại có phù hợp hay không, điều này ảnh hưởng trực tiếp tới quá trình sản xuất kinh doanh. Mặt khác chi phí nguyên liệu vật liệu thường chiếm tỷ trọng rất lớn trong tổng chi phí sản xuất. Vì vậy trong quá trình sản xuất kinh doanh cần phải theo dõi quản lý chặt chẽ nguyên liệu vật liệu về cả mặt hiện vật và giá trị ở tất cả các khâu mua sắm dự trữ, bảo quản và sử dụng.

- Ở khâu mua hàng phải quản lý việc thực hiện kế hoạch mua hàng về số lượng, khối lượng, chất lượng, qui cách, phẩm chất, chủng loại, giá mua, chi phí mua cũng như đảm bảo đúng tiến độ thời gian đáp ứng kịp thời nhu cầu của sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Ở khâu bảo quản phải tổ chức tốt kho tàng bên bãi, trang bị đầy đủ các phương tiện đo lường cần thiết, tổ chức và kiểm tra việc thực hiện chế độ bảo quản với từng loại nguyên liệu vật liệu tránh hư hỏng, mất mát đảm bảo an toàn tài sản.

- Ở khâu sử dụng đòi hỏi phải sử dụng hợp lý, tiết kiệm chấp hành tốt các định mức dự toán nhằm tiết kiệm chi phí nguyên liệu vật liệu góp phần quan trọng vào việc hạ giá thành sản phẩm, tăng doanh thu và tích lũy cho đơn vị.

**1.1.2. Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu trong doanh nghiệp:**

Xuất phát từ khái niệm, đặc điểm ta thấy rằng nguyên vật liệu là tài sản dự trữ kinh doanh, thường xuyên biến động. Để hoạt động kinh doanh diễn ra bình thường, doanh nghiệp phải thường xuyên mua nguồn nguyên vật liệu và xuất dùng cho sản xuất. Nguyên vật liệu được nhập từ nhiều nguồn và giá trị của vật liệu thường xuyên biến động trên thị trường. Do đó để làm tốt công tác quản lý nguyên vật liệu phải theo dõi chặt chẽ ở tất cả các khâu: thu mua, bảo quản, sử dụng và dự trữ. Và để làm được điều đó thì đối với doanh nghiệp có nhiều loại nguyên vật liệu cần xây dựng một hệ thống danh điểm nguyên vật liệu nhằm thống nhất tên gọi,

quy cách, ký hiệu, đơn vị tính, giá hạch toán của từng danh điểm nguyên vật liệu. Hệ thống danh điểm của nguyên vật liệu phải rõ ràng, dễ nhớ, tương ứng với quy cách, chủng loại của nguyên vật liệu.

Trong quá trình này nếu quản lý không tốt sẽ ảnh hưởng tới chất lượng, giá trị sản phẩm. Cụ thể yêu cầu của công tác quản lý vật liệu là:

- Trong khâu thu mua: Phải quản lý về khối lượng, quy cách đúng chủng loại và chất lượng, giá mua, chi phí thu mua của vật liệu phải được đánh giá đầy đủ và chính xác, kế hoạch mua vật liệu phải đúng tiến độ thời gian phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Trong khâu bảo quản: Để tránh mất mát hư hỏng, hao hụt, đảm bảo an toàn vật liệu phải tổ chức kho tàng, bến bãi, thực hiện đúng chế độ bảo quản đối với từng loại nguyên vật liệu. Nếu không thực hiện tốt công tác này sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ và chất lượng công việc.

- Trong khâu sử dụng vật liệu:
  - + Phải thực hiện tốt định mức tiêu hao, sử dụng hợp lý, tiết kiệm trên cơ sở các định mức và dự toán chi phí nhằm phát huy hiệu quả sử dụng vật liệu nâng cao chất lượng và có ý nghĩa quan trọng trong việc hạ thấp chi phí sản xuất, giảm giá thành sản phẩm, tăng thu nhập, tăng tích lũy cho doanh nghiệp.

- + Đồng thời phải thường xuyên hoặc định kỳ phân tích tình hình thực hiện định mức tiêu hao nguyên vật liệu sản xuất, do đó cũng là cơ sở làm tăng thêm sản phẩm cho xã hội. Do vậy trong khâu sử dụng cần phải tổ chức tốt việc ghi chép phản ánh tình hình xuất dùng và sử dụng vật liệu trong sản xuất kinh doanh.

- Trong khâu dự trữ: Để đảm bảo cho quá trình tham gia vào sản xuất kinh doanh được bình thường không ngưng trệ, gián đoạn do cung ứng không kịp thời hoặc gây ra tình trạng đọng vốn do dự trữ quá nhiều đòi hỏi doanh nghiệp phải được xác định mức tối đa, tối thiểu.

- Nhân viên thủ kho phải có trình độ chuyên môn và phải có phẩm chất đạo đức. Không bố trí thủ kho kiêm nhiệm việc tiếp liệu và kế toán nguyên vật liệu,



công cụ dụng cụ.

Như vậy, nguyên vật liệu là yếu tố đầu tiên trong quá trình tạo ra sản phẩm muốn đạt tiêu chuẩn, chất lượng cao và tạo được uy tín trên thị trường nhất thiết phải tổ chức quản lý nguyên vật liệu.

### **1.1.3. Nhiệm vụ hạch toán nguyên vật liệu:**

Trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh gay gắt hiện nay, để có thể tồn tại và phát triển vững chắc một trong những yếu tố quan trọng đòi hỏi các doanh nghiệp phải làm tốt đó là tổ chức quản lý, bố trí, sắp xếp các công việc nhịp nhàng theo guồng máy hoạt động để không bộ phận nào phải dừng. Nguyên vật liệu là yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất, nếu quản lý và sử dụng tốt sẽ tạo cho các sản phẩm đầu ra có chất lượng tốt.

Vì vậy, quản lý chặt chẽ tình hình cung cấp, bảo quản, dự trữ và sử dụng nguyên vật liệu là một trong những nội dung quan trọng trong công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Để góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả quản lý nguyên vật liệu, kế toán vật liệu cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Tổ chức ghi chép, phản ánh kịp thời số liệu về tình hình thu mua, vận chuyển, bảo quản tình hình nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu, tính giá thực tế của nguyên vật liệu thu mua, nhập kho, xuất kho. Kiểm tra chặt chẽ tình hình thu mua vật liệu trên các mặt: số lượng, chất lượng, chủng loại, giá trị và thời gian cung cấp.
- Tính toán và phân bổ chính xác kịp thời giá trị vật liệu xuất dùng cho các đối tượng khác nhau, kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện định mức tiêu hao vật liệu, phát hiện và ngăn chặn kịp thời những trường hợp sử dụng nguyên vật liệu sai mục đích, lãng phí.
- Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện đúng định mức dự trữ vật liệu, phát hiện kịp thời các vật liệu ứ đọng, kém phẩm chất, chưa cần dùng và có biện pháp giải phóng để thu hồi vốn nhanh chóng, hạn chế các thiệt hại.
- Thực hiện kiểm kê vật liệu theo yêu cầu quản lý, lập các báo cáo vật liệu, tham

gia công tác phân tích việc thực hiện kế hoạch thu mua, dự trữ, sử dụng vật liệu.

Như vậy tổ chức kế toán nguyên vật liệu sẽ góp phần thúc đẩy cung cấp kịp thời đồng bộ cho sản xuất, giúp doanh nghiệp hoàn thành vượt kế hoạch đề ra.

## **1.2. Phân loại và đánh giá nguyên vật liệu:**

### **1.2.1. Phân loại nguyên vật liệu:**

Nguyên vật liệu sử dụng trong doanh nghiệp bao gồm nhiều loại có công dụng khác nhau, được sử dụng ở nhiều bộ phận khác nhau, có thể được bảo quản và dự trữ trên nhiều địa bàn khác nhau. Do vậy để thống nhất công tác quản lý vật liệu giữa các bộ phận có liên quan, phục vụ cho yêu cầu phân tích, đánh giá tình hình cung cấp, sử dụng vật liệu cần phải có cách phân loại thích ứng. Vì vậy người ta phân loại nguyên vật liệu như sau:

#### **1.2.1.1. Nếu căn cứ vào vai trò, tác dụng của nguyên vật liệu trong sản xuất kinh doanh, nguyên vật liệu được chia thành các loại:**

- Nguyên liệu, vật liệu chính: là những loại nguyên liệu, vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất thì cấu thành thực thể vật chất, thực thể chính của sản phẩm. Các doanh nghiệp khác nhau thì sử dụng nguyên vật liệu chính không giống nhau: ở doanh nghiệp cơ khí sử dụng nguyên vật liệu là: sắt, thép,...; doanh nghiệp sản xuất đường nguyên vật liệu chính là cây mía còn doanh nghiệp sản xuất bánh kẹo nguyên vật liệu chính là đường, nha, bột,... Có thể sản phẩm của doanh nghiệp này làm nguyên vật liệu cho doanh nghiệp khác.... Đối với nửa thành phẩm mua ngoài với mục đích để tiếp tục gia công chế biến được coi là nguyên vật liệu chính, ví dụ: doanh nghiệp mua sợi về để dệt vải.

- Vật liệu phụ: là những loại vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất không cấu thành thực thể chính của sản phẩm nhưng có thể kết hợp với vật liệu chính làm thay đổi màu sắc, hình dáng bên ngoài, mùi vị tăng thêm chất lượng của sản phẩm hoặc tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm được thực hiện bình thường, hoặc phục vụ cho nhu cầu công nghệ, kỹ thuật, bảo quản đóng gói; phục vụ cho quá trình lao động của công nhân như: thuốc nhuộm, thuốc tẩy, dầu nhờn,

cúc áo, chỉ may, xà phòng,...

- Nhiên liệu: là những thứ có tác dụng cung cấp nhiệt lượng cho quá trình sản xuất, kinh doanh tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm diễn ra bình thường. Nhiên liệu có thể tồn tại ở thể lỏng, rắn và thể khí như: xăng, dầu, than, củi,...

- Phụ tùng thay thế: là những loại vật tư dùng cho việc thay thế, sửa chữa các loại máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, truyền dẫn, công cụ, dụng cụ sản xuất,...

- Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản: là những loại vật liệu và thiết bị sử dụng cho công việc xây dựng cơ bản. Đối với thiết bị xây dựng cơ bản bao gồm cả thiết bị cần lắp, không cần lắp, công cụ, khí cụ và vật kết cấu dùng để lắp đặt vào công trình xây dựng cơ bản.

Việc phân loại vật liệu này giúp doanh nghiệp tổ chức các tài khoản chi tiết theo dõi một cách chính xác và thuận tiện cho từng loại vật liệu, từng thứ vật liệu, xác định tầm quan trọng của chúng đối với doanh nghiệp, đó là cơ sở để tính giá thành sản xuất ra.

#### **1.2.1.2. Căn cứ vào nguồn hình thành nguyên vật liệu được chia thành:**

- Vật liệu mua ngoài.
- Vật liệu tự sản xuất, tự gia công.
- Vật liệu có từ các nguồn khác như: nhận góp vốn, biếu tặng, nhận viện trợ...

#### **1.2.1.3. Căn cứ vào mục đích, công dụng của nguyên vật liệu có thể chia nguyên vật liệu thành:**

- Nguyên vật liệu dùng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh:
  - + Nguyên vật liệu dùng trực tiếp cho sản xuất chế tạo sản phẩm.
  - + Nguyên vật liệu dùng cho quản lý ở các phân xưởng, dùng cho bộ phận quản lý bán hàng, bộ phận quản lý doanh nghiệp.
- Nguyên vật liệu dùng cho nhu cầu khác:
  - + Nhượng bán.
  - + Đem góp vốn liên doanh.
  - + Đem biếu tặng.

Tuy nhiên việc phân loại như trên vẫn mang tính tổng quát mà chưa đi vào từng loại, từng thứ vật liệu cụ thể phục vụ cho việc quản lý chặt chẽ và thống nhất cho toàn doanh nghiệp.

Để phục vụ tốt cho yêu cầu quản lý chặt chẽ và thống nhất các loại vật liệu ở các bộ phận khác nhau, đặc biệt là các bộ phận phục vụ cho yêu cầu sử lý thông tin trên máy tính thì việc lập bảng (sổ) danh điểm vật tư là hết sức cần thiết. Trên cơ sở phân loại vật liệu doanh nghiệp cần tiến hành xác lập danh điểm theo loại, nhóm, thứ vật liệu. Cần phải quy định thống nhất tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, quy cách, đơn vị tính và giá hạch toán của từng thứ vật liệu.

### **1.2.2. Đánh giá nguyên vật liệu:**

Đánh giá vật liệu là việc xác định giá trị của nguyên vật liệu ở những thời điểm nhất định và theo những nguyên tắc quy định chung.

Theo chuẩn mực 02 – “Hàng tồn kho” thì vật liệu phải tuân thủ theo các nguyên tắc sau:

- Nguyên tắc giá gốc.
- Nguyên tắc thận trọng.
- Nguyên tắc nhất quán.
- Sự hình thành trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu được phân biệt ở các thời điểm khác nhau trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Đánh giá nguyên vật liệu có ý nghĩa quan trọng trong việc hạch toán đúng tình hình tài sản cũng như chi phí sản xuất kinh doanh. Có nhiều cách để đánh giá nguyên vật liệu nhập xuất nhưng có hai cách cơ bản sau đây mà các doanh nghiệp thường áp dụng:

- Đánh giá nguyên vật liệu theo giá thực tế (Giá gốc).
- Đánh giá nguyên vật liệu theo giá hạch toán.

#### **1.2.2.1. Đánh giá nguyên vật liệu theo giá thực tế:**

##### **1.2.2.1.1. Giá thực tế nguyên vật liệu nhập kho:**

Theo chuẩn mực số 02, hàng tồn kho được tính theo giá gốc (Trị giá thực tế

tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ). Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh thường trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại:

- Chi phí mua: Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do mua hàng không đúng quy cách, phẩm chất được trừ khỏi chi phí mua.

- Chi phí chế biến: Chi phí chế biến hàng tồn kho bao gồm những chi phí liên quan trực tiếp đến sản phẩm sản xuất, như chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu, vật liệu thành thành phẩm.

- Chi phí liên quan trực tiếp khác: Chi phí liên quan trực tiếp khác tính vào giá gốc hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí ngoài, chi phí mua và chi phí chế biến hàng tồn kho. Ví dụ, trong giá gốc thành phẩm có thể bao gồm chi phí thiết kế sản phẩm cho một đơn đặt hàng cụ thể.

- Chi phí không tính vào giá gốc hàng tồn kho bao gồm:
- + Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công và chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
  - + Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các khoản bảo quản chi phí hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản quy định.
  - + Chi phí bán hàng.
  - + Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Trên thực tế nguyên vật liệu nhập từ nhiều nguồn khác nhau, do đó giá vốn

thực tế cũng được đánh giá khác nhau.

- Giá nguyên vật liệu mua ngoài:

$$\begin{array}{ccccccccc} \text{Giá} & & \text{Giá mua} & & \text{Chi phí thu} & & \text{Các khoản} & & \text{Chiết khấu} \\ \text{nhập} & = & \text{ghi} & + & \text{mua} & + & \text{thuế không} & - & \text{giảm giá} \\ \text{kho} & & \text{trên hóa} & & \text{thực tế phát} & & \text{được hoàn} & & \text{hàng} \\ & & \text{đơn} & & \text{sinh} & & \text{lại} & & \text{mua} \end{array}$$

+ Các khoản thuế:

- Thuế nhập khẩu.
- Lệ phí.
- Thuế tiêu thụ đặc biệt.

+ Chi phí thu mua:

- Chi phí vận chuyển bốc dỡ, lắp đặt, chạy thử.
- Chi phí lưu kho bãi khi mua hàng.
- Chi phí hao hụt tự nhiên trong định mức.

+ Trị giá trên hoá đơn:

- Là giá chưa có VAT ( Doanh nghiệp kế toán VAT khấu trừ).
- Là giá có VAT ( Doanh nghiệp kế toán VAT trực tiếp).
- Đối với nguyên vật liệu mua bằng ngoại tệ thì phải được quy đổi ra

đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ để ghi tăng giá trị nguyên liệu, vật liệu nhập kho.

- Giá nguyên vật liệu tự chế biến:

$$\begin{array}{ccc} \text{Giá trị thực tế vật} & = & \text{Trị giá vật liệu xuất kho} \\ \text{liệu nhập kho} & & \text{để gia công chế biến} \end{array} + \begin{array}{c} \text{Chi phí gia công} \\ \text{thực tế phát sinh} \end{array}$$

- Nhập kho từ nguồn viện trợ, nhận biếu tặng nhận cấp vốn:

$$\begin{array}{ccc} \text{Giá trị thực tế vật} & = & \text{Giá thực tế do hội đồng} \\ \text{liệu nhập kho} & & \text{giao nhận xác định} \end{array} + \begin{array}{c} \text{Chi phí liên quan} \\ \text{đến tiếp nhận} \end{array}$$



- Phế liệu thu hồi nhập kho:

$$\text{Giá trị thực tế phế liệu thu hồi nhập kho} = \text{Giá ước tính có thể sử dụng hoặc bán được}$$

- Giá nguyên vật liệu thuê ngoài gia công chế biến:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá trị thực tế} & & \text{Trị giá thực tế} & & \text{Chi phí vận chuyển} & & \text{Tiền thuê} \\ \text{nguyên vật liệu} & & \text{nguyên vật liệu} & & \text{nguyên vật liệu đến} & & \text{ngoài gia} \\ \text{thuê ngoài gia} & = & \text{thuê ngoài gia} & + & \text{nơi chế biến và từ nơi} & + & \text{công chế} \\ \text{công chế biến} & & \text{công chế biến} & & \text{chế biến về đơn vị} & & \text{biến} \end{array}$$

- Giá nguyên vật liệu nhận góp vốn liên doanh, cổ phần:

$$\text{Giá trị thực tế NVL nhận góp vốn liên doanh, cổ phần} = \text{Là giá trị được các bên tham gia góp vốn liên doanh thống nhất đánh giá chấp thuận}$$

### **1.2.2.1.2. Tính giá nguyên vật liệu xuất kho:**

Theo chuẩn mực số 02 “Hàng tồn kho”, việc tính giá xuất của hàng tồn kho được áp dụng một trong bốn phương pháp.

Do nguyên vật liệu nhập từ nhiều nguồn khác nhau, giá thực tế xuất kho cũng khác nhau. Vì vật khi xuất kho phải tính toán và xác định được giá thực tế xuất kho cho các nhu cầu và đối tượng sử dụng khác nhau. Để tính giá trị thực tế của nguyên vật liệu xuất kho có thể áp dụng một trong các biện pháp sau đây, nhưng doanh nghiệp cần phải lựa chọn phương pháp tính nào phải đảm bảo tính nhất quán trong niên độ kế toán.

#### **❖ Phương pháp thực tế đích danh:**

Nguyên vật liệu được xác định theo đơn chiếc hay từng lô và giữ nguyên từ lúc nhập vào cho đến lúc xuất dùng (trừ trường hợp điều chỉnh). Vì vậy, khi xuất nguyên vật liệu ở lô nào thì tính giá thực tế nhập kho đích danh của lô đó.

Phương pháp này thích hợp với các doanh nghiệp có điều kiện bảo quản riêng từng lô nguyên vật liệu nhập kho với các loại nguyên vật liệu có giá trị cao, phải xây dựng hệ thống kho tàng cho phép bảo quản riêng từng lô nguyên vật liệu

nhập kho.

*Ưu điểm:* công tác tính giá được thực hiện kịp thời, thông qua đó kho kế toán có thể theo dõi được thời gian bảo quản riêng từng loại nguyên vật liệu.

*Nhược điểm:* chi phí lớn cho việc xây dựng kho tàng để bảo quản nguyên vật liệu.

❖ **Phương pháp nhập trước – xuất trước (FIFO):**

Theo phương pháp này nguyên vật liệu được tính giá thực tế xuất kho trên cơ sở giả định là lô nguyên vật liệu nào nhập trước sẽ được xuất trước. Vì vậy, lượng nguyên vật liệu xuất kho thuộc lần nhập nào thì tính theo giá thực tế của lần nhập đó.

*Ưu điểm:* kế toán có thể tính giá nguyên vật liệu xuất kho kịp thời

*Nhược điểm:* Hạch toán chi tiết theo từng loại, từng kho mất thời gian công sức, chi phí kinh doanh không phản ánh kịp thời theo giá thị trường nguyên vật liệu.

Phương pháp này chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp nhỏ, chủng loại nguyên vật liệu ít, số lượng nhập, xuất nguyên vật liệu ít, giá cả thị trường ổn định...

❖ **Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO):**

Theo phương pháp này, nguyên vật liệu được tính giá thực tế xuất kho giả định là lô nguyên vật liệu nào nhập vào kho sau sẽ được dùng trước, xuất hết số nhập sau mới đến số nhập trước. Vì vậy, việc tính giá xuất của nguyên vật liệu được làm ngược lại với phương pháp nhập sau, xuất trước.

*Ưu điểm:* Tính giá nguyên vật liệu xuất kho kịp thời, chi phí kinh doanh của doanh nghiệp được phản ánh kịp thời theo giá thị trường của ngân hàng.

*Nhược điểm:* Phải hạch toán theo chi tiết từng nguyên vật liệu, tốn công.

❖ **Phương pháp bình quân gia quyền:**

$$\frac{\text{Trị giá thực tế của NVL xuất kho}}{\text{NVL xuất kho}} = \frac{\text{Giá bình quân 1 đơn vị NVL}}{\text{đơn vị NVL}} \times \frac{\text{Lượng NVL xuất kho}}{\text{xuất kho}}$$

Trong đó:

- Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:

$$\text{Giá bình quân 1 đơn vị NVL} = \frac{\text{Giá trị NVL tồn đầu kỳ} + \text{giá trị NVL nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng NVL tồn đầu kỳ} + \text{số lượng NVL nhập trong kỳ}}$$

Phương pháp này thích hợp với các doanh nghiệp có ít danh điểm nguyên vật liệu nhưng số lần nhập, xuất của mỗi danh điểm nhiều.

*Ưu điểm:* Giảm nhẹ việc hạch toán chi tiết nguyên vật liệu.

*Nhược điểm:* công việc tính giá nguyên vật liệu vào cuối kỳ hạch toán nên ảnh hưởng đế tiến độ của các khâu kế toán; đồng thời phải tính cho từng loại nguyên vật liệu.

- Phương pháp giá thực tế bình quân sau mỗi lần nhập:

Theo phương pháp này, kế toán phải xác định giá bình quân của từng danh điểm nguyên vật liệu sau mỗi lần nhập:

$$\text{Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Giá trị thực tế NVL (tồn trước khi nhập} + \text{nhập vào lần này)}}{\text{Lượng thực tế NVL (tồn trước khi nhập} + \text{nhập vào lần này)}}$$

Phương pháp này thích hợp với các doanh nghiệp có ít danh điểm nguyên vật liệu và số lần nhập nguyên vật liệu mỗi loại ít.

*Ưu điểm:* Theo dõi thường xuyên, kịp thời, chính xác sự biến động của giá cả.

*Nhược điểm:* Khối lượng công việc tính toán nhiều, thích hợp với những doanh nghiệp áp dụng phần mềm kế toán máy.

- Phương pháp giá thực tế bình quân cuối kỳ trước:

$$\text{Giá đơn vị bình quân cuối kỳ trước} = \frac{\text{Giá thực tế NVL tồn đầu kỳ (hoặc cuối kỳ trước)}}{\text{Lượng NVL tồn đầu kỳ ( hoặc cuối kỳ trước)}}$$

*Ưu điểm:* Đơn giản, giảm nhẹ khối lượng tính toán.

*Nhược điểm:* Không chính xác nếu giá cả nguyên vật liệu trên thị trường có

sự biến động.

Phương pháp này chỉ áp dụng đối với những doanh nghiệp có danh điểm nguyên vật liệu có giá thị trường ổn định.

Mỗi một phương pháp tính giá có ưu, nhược điểm riêng. Trên cơ sở đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp mình mà mỗi doanh nghiệp nên chọn cho mình một phương pháp tính giá thích hợp nhất để đem lại hiệu quả kinh tế cao nhất.

### **1.2.2.2. Đánh giá nguyên vật liệu theo giá hạch toán:**

Trong kỳ doanh nghiệp có thể thực hiện kế toán nhập xuất kho nguyên vật liệu theo giá hạch toán vì việc xác định giá thực tế nguyên vật liệu nhập xuất kho là một công việc tương đối phức tạp doanh nghiệp có thể lựa chọn giá hạch toán nguyên vật liệu theo giá thực tế tồn kho cuối kỳ trước hoặc theo giá dự tính của doanh nghiệp. Vì giá hạch toán không phản ánh chính xác chi phí thực tế về nguyên vật liệu dùng để sản xuất là thành phẩm nói riêng và để sử dụng trong kỳ nói chung nên doanh nghiệp phải điều chỉnh lại giá trị thực tế nguyên vật liệu xuất kho vào thời điểm cuối kỳ.

Giá hạch toán được quy định thống nhất trong phạm vi doanh nghiệp và được sử dụng ổn định trong một thời gian dài, giá hạch toán có thể là giá mua, giá hạch toán, giá bán buôn...

Phương pháp điều chỉnh trên có thể được tiến hành theo hai bước.

- Bước 1: Xác định hệ số chênh lệch giá theo công thức:

$$\text{Hệ số chênh lệch giữa giá thực tế và giá hạch toán của NVL} = \frac{\text{Giá thực tế NVL tồn đầu kỳ} + \text{Giá thực tế NVL nhập trong kỳ}}{\text{Giá hạch toán NVL tồn đầu kỳ} + \text{Giá hạch toán NVL nhập trong kỳ}}$$

- Bước 2: Xác định giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho trong kỳ:

$$\text{Giá thực tế NVL xuất kho trong kỳ} = \text{Giá hạch toán của NVL xuất kho trong kỳ} \times \text{Hệ số chênh lệch giá}$$

Áp dụng đối với doanh nghiệp có nhiều chủng loại nguyên vật liệu, giá cả thường xuyên biến động, nghiệp vụ nhập – xuất nguyên vật liệu diễn ra thường xuyên thì việc hạch toán theo giá thực tế trở nên phức tạp tốn nhiều công sức và nhiều khi không thực hiện được. Do đó, việc hạch toán hàng ngày nên sử dụng giá hạch toán.

Phương pháp này cho phép kết hợp chặt chẽ giữa hạch toán chi tiết và tổng hợp nguyên vật liệu trong công tác tính giá nên công việc tính giá được tiến hành nhanh chóng không bị phụ thuộc vào chủng loại, số lần nhập – xuất nguyên vật liệu. Vì vậy khối lượng công việc ít, hạch toán chi tiết đơn giản hơn. Tuy nhiên, khối lượng công việc dồn vào cuối kỳ.

Phương pháp này có thể tính cho từng loại, từng nhóm, từng thứ nguyên vật liệu chủ yếu tùy thuộc vào yêu cầu và trình độ quản lý.

☞ Trên đây là các cách tính giá nguyên vật liệu xuất kho theo giá vốn thực tế và theo giá hạch toán. Tùy theo tình hình thực tế của từng doanh nghiệp khác nhau về tính chất ngành nghề sản xuất, yêu cầu quản lý và sử dụng vật liệu, trình độ của cán bộ công nhân viên mà các cách đánh giá trên sẽ được áp dụng cho phù hợp.

### **1.3. Thủ tục quản lý nhập - xuất - tồn kho nguyên liệu, vật liệu và các chứng từ kế toán liên quan:**

#### **1.3.1. Các chứng từ kế toán sử dụng:**

##### **- Chứng từ kế toán thống nhất bắt buộc:**

Chứng từ kế toán sử dụng được quy định theo chế độ chứng từ kế toán ban hành theo QĐ số 15/ 2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và các quyết định khác có liên quan, bao gồm:

- + Phiếu nhập kho (Mẫu số 01- VT)
- + Phiếu xuất kho (Mẫu số 02-VT)
- + Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (Mẫu số 03-VT)
- + Biên bản kiểm kê vật tư, sản phẩm, hàng hoá (Mẫu số 08-VT)
- + Hoá đơn kiêm phiếu xuất kho (Mẫu số 02- BH)

+ Hoá đơn GTGT

Đối với các chứng từ bắt buộc sử dụng thống nhất theo quy định của nhà nước, phải lập kịp thời, đầy đủ theo quy định về mẫu biểu, nội dung và phương pháp lập. Doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Ngoài các chứng từ mang tính bắt buộc sử dụng thống nhất theo quy định của Nhà nước, trong các doanh nghiệp có thể sử dụng thêm các chứng từ kế toán mang tính hướng dẫn tùy thuộc vào đặc điểm tình hình cụ thể của từng doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác nhau.

- **Các chứng từ hướng dẫn:**

- + Phiếu xuất kho vật tư theo hạn mức (Mẫu 04-VT)
- + Biên bản kiểm nghiệm vật tư (Mẫu 05- VT)
- + Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ (Mẫu 07-VT)

### **1.3.2. Thủ tục nhập kho:**

Bộ phận cung cấp vật tư căn cứ theo kế hoạch mua hàng và hợp đồng mua hàng đó kí kết, phiếu báo giá để tiến hành mua hàng. Khi hàng về tới nơi, nếu xét thấy cần thiết có thể lập ban kiểm nghiệm để kiểm nhận và đánh giá hàng mua về các mặt số lượng, khối lượng, chất lượng và quy cách, căn cứ vào kết quả kiểm nghiệm ban kiểm nghiệm lập "Biên bản kiểm nghiệm vật tư". Sau đó bộ phận cung cấp hàng lập "Phiếu nhập kho" trên cơ sở hoá đơn, giấy báo nhận hàng và biên bản kiểm nhận giao cho người mua hàng làm thủ tục nhập kho. Thủ kho sau khi cân, đo, đong, đếm sẽ ghi số lượng thực nhập vào Phiếu nhập và sử dụng để phản ánh số lượng nhập và tồn của từng thứ vật tư vào Thẻ kho, trường hợp phát hiện thừa thiếu sai quy cách và phẩm chất Thủ kho phải báo cho bộ phận cung ứng biết và cùng người giao lập biên bản. Hàng ngày hoặc định kỳ Thủ kho chuyển giao Phiếu nhập kho cho kế toán vật tư làm căn cứ để ghi sổ kế toán.

### **1.3.3. Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu:**

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh các bộ phận sử dụng vật tư viết phiếu xin lĩnh vật tư. Căn cứ vào Phiếu xin lĩnh vật tư bộ phận cung cấp vật tư viết



phiếu xuất kho cho giám đốc duyệt. Căn cứ vào Phiếu xuất kho, Thủ kho xuất vật liệu và ghi số thực xuất vào Phiếu xuất, sau đó ghi số lượng xuất và tồn kho của từng thứ vật tư vào Thẻ kho. Hàng ngày hoặc định kỳ, thủ kho chuyển Phiếu xuất kho cho kế toán vật tư, kế toán tính giá hoàn chỉnh Phiếu xuất để lấy số liệu ghi sổ kế toán.

#### **1.4. Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu trong doanh nghiệp:**

Nguyên liệu vật liệu sử dụng trong doanh nghiệp đa dạng, phong phú về chủng loại. Để phục vụ cho công tác quản lý nguyên liệu vật liệu trong doanh nghiệp đảm bảo cho sản xuất kinh doanh được tiến hành nhịp nhàng cân đối, tránh ứ đọng vật tư, đảm bảo an toàn tài sản thì kế toán phải theo dõi chi tiết về mặt giá trị cũng như hiện vật theo từng kho và theo từng loại, nhóm, thứ nguyên liệu vật liệu có giá trị, quy cách, chất lượng riêng biệt.

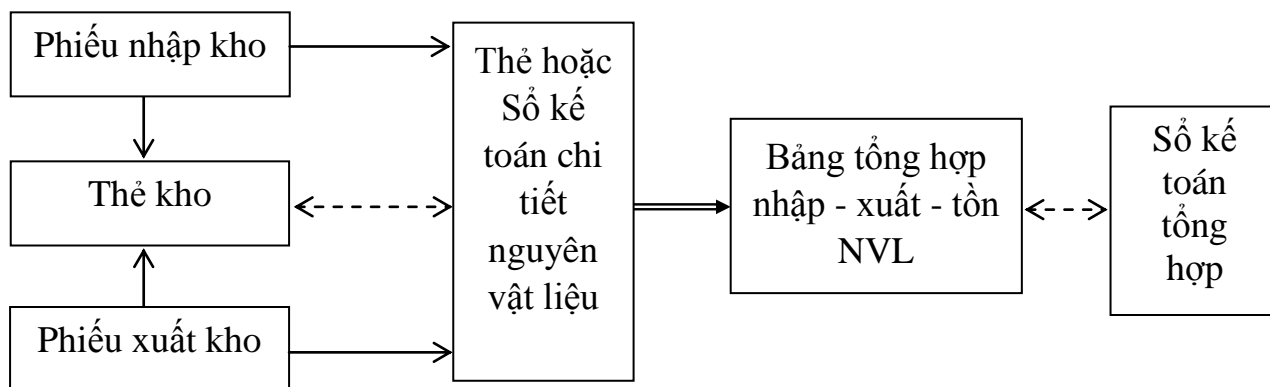
Kế toán của doanh nghiệp phải tổ chức hệ thống chứng từ kế toán, mở sổ kế toán chi tiết có liên quan phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp nhằm phục vụ cho công tác quản lý tài sản nói chung và quản lý nguyên liệu vật liệu nói riêng. Hiện nay chế độ kế toán quy định việc hạch toán chi tiết nguyên liệu vật liệu được thực hiện đồng thời ở kho và ở phòng kế toán được tiến hành theo các phương pháp sau:

- Phương pháp thẻ song song.
- Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.
- Phương pháp sổ số dư.

Mỗi một phương pháp trên đều có những ưu điểm, nhược điểm riêng trong công việc ghi chép, phản ánh, kiểm tra đối chiếu số liệu. Kế toán căn cứ vào điều kiện cụ thể từng doanh nghiệp về quy mô chủng loại vật tư sử dụng, trình độ và yêu cầu quản lý, trình độ của nhân viên kế toán, mức độ ứng dụng tin học trong công tác kế toán nguyên liệu vật liệu để áp dụng phương pháp kế toán chi tiết nguyên liệu vật liệu thích hợp, phát huy hiệu quả của công tác kế toán.

1.4.1. Phương pháp thẻ song song:

**Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp ghi thẻ song song**



Ghi chú:   
 —————> Ghi hàng ngày, định kỳ   
 =====> Ghi cuối tháng   
 <-----> Đối chiếu, kiểm tra

- **Quy trình hạch toán:**

+ **Tại kho:** Hàng ngày, thủ kho căn cứ vào các chứng từ nhập – xuất vật liệu để ghi số lượng thực nhập, thực xuất vào thẻ kho. Thẻ kho được mở theo từng danh điểm nguyên vật liệu. Thủ kho phải thường xuyên đối chiếu số tồn kho trên thẻ kho và số thực tế có trong kho. Hàng ngày hoặc định kỳ sau khi ghi thẻ kho, thủ kho phải chuyển toàn bộ chứng từ nhập, xuất kho về phòng kế toán.

+ **Tại phòng kế toán:** Kế toán vật liệu dựa vào chứng từ nhập – xuất nguyên vật liệu để ghi số lượng và tính thành tiền nguyên vật liệu nhập – xuất vào “Sổ kế toán chi tiết vật liệu” (mở tương ứng với thẻ kho). Sổ này giống như thẻ kho chỉ khác có thêm các giá trị vật liệu. Cuối kỳ, kế toán tiến hành đối chiếu số liệu trên sổ kế toán chi tiết với thẻ kho tương ứng đồng thời từ sổ kế toán chi tiết nguyên vật liệu kế toán lấy số liệu vào bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn nguyên vật liệu theo từng danh điểm nguyên vật liệu để đối chiếu với số liệu kế toán tổng hợp nguyên vật liệu.

- **Phạm vi áp dụng:** Chỉ áp dụng đối với các doanh nghiệp có ít danh điểm nguyên vật liệu, khối lượng chứng từ xuất vật liệu ít, không thường xuyên, trình độ

chuyên môn của kế toán không cao.

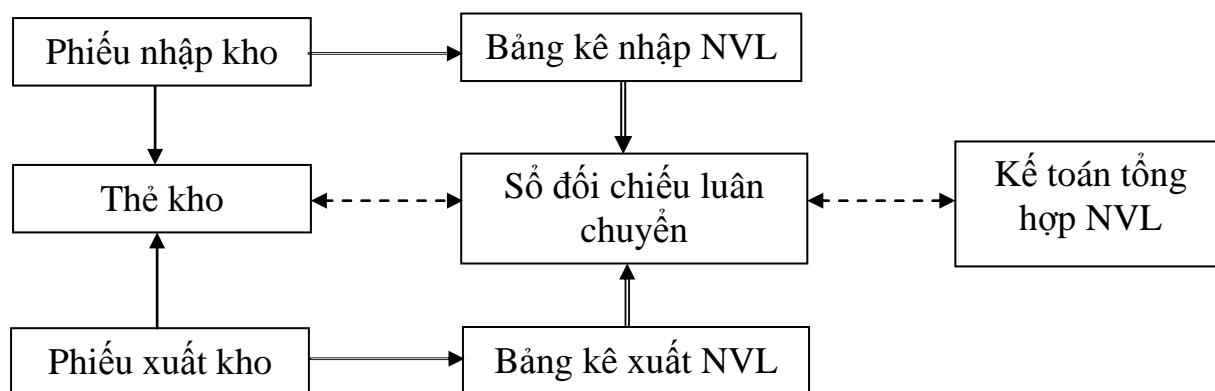
- **Nhận xét:**

+ **Ưu điểm:** đơn giản trong ghi chép, đối chiếu số liệu và phát hiện sai sót đồng thời cung cấp thông tin nhập – xuất – tồn của từng danh điểm nguyên vật liệu kịp thời, chính xác, thích hợp với việc sử dụng máy tính.

+ **Nhược điểm:** Việc ghi chép giữa kho và phòng kế toán còn trùng lặp về số lượng. Hạn chế việc kiểm tra của kế toán do chỉ đối chiếu vào cuối tháng

#### 1.4.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển:

**Sơ đồ 1.2: Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển**



*Ghi chú:* —————> Ghi hàng ngày, định kỳ

=====> Ghi cuối tháng

←-----> Quan hệ đối chiếu

- **Quy trình hạch toán:**

+ **Tại kho:** Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép hàng ngày tình hình nhập, xuất, tồn giống như phương pháp thẻ song song.

+ **Tại phòng kế toán:** Kế toán sử dụng sổ đối chiếu luân chuyển để hạch toán số lượng và số tiền của từng loại nguyên vật liệu theo từng kho. Sổ này ghi mỗi tháng một lần vào cuối mỗi tháng trên cơ sở phân loại, tổng hợp các chứng từ nhập – xuất phát sinh trong tháng của từng loại nguyên vật liệu và theo từng kho kế toán lập bảng kê nhập nguyên vật liệu, bảng kê xuất nguyên vật liệu, dựa vào các bảng kê này để ghi vào sổ đối chiếu luân chuyển vào cuối kỳ. Cuối tháng, khi

nhận được thẻ kho, kế toán nguyên vật liệu tiến hành đối chiếu giữa thẻ kho với sổ đối chiếu luân chuyển và đồng thời đối chiếu với sổ kế toán tổng hợp.

- **Phạm vi áp dụng:** Phương pháp này thích hợp với các doanh nghiệp có ít chủng loại nguyên vật liệu, không có điều kiện ghi chép nhập, xuất hàng ngày.

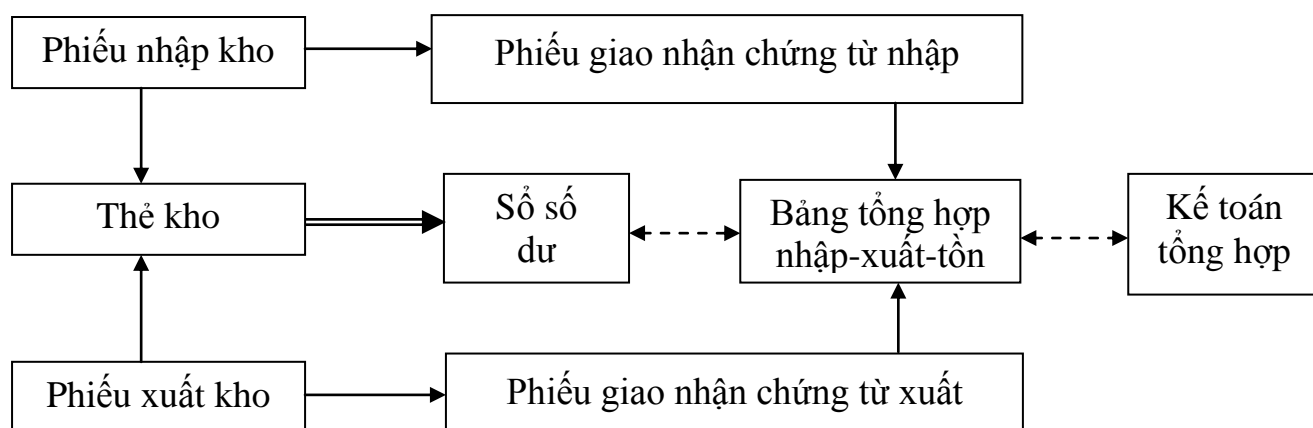
- **Nhận xét:**

+ **Ưu điểm:** Giảm nhẹ việc ghi chép của kế toán do chỉ ghi một lần vào cuối tháng.

+ **Nhược điểm:** Việc kiểm tra giữa kho và phòng kế toán chỉ tiến hành vào cuối tháng nên trong trường hợp số lượng chứng từ nhập, xuất vật liệu của từng danh điểm vật liệu khá lớn thì công việc kiểm tra, đối chiếu sẽ gặp nhiều khó khăn và ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các khâu kế toán khác.

### 1.4.3. Phương pháp sổ số dư:

**Sơ đồ 1.3: Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư**



Ghi chú: —————> Ghi hàng ngày

=====> Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

←-----> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

- **Quy trình hạch toán:**

+ **Tại kho:** Thủ kho ghi vào thẻ kho giống như các phương pháp trên. Ngoài ra thủ kho còn phải tập hợp toàn bộ chứng từ nhập – xuất phát sinh theo từng danh điểm nguyên vật liệu. Sau đó lập phiếu giao nhận chứng từ và chuyển cho kế toán kèm theo các chứng từ nhập, xuất vật liệu. Thủ kho phải phản ánh số lượng vật liệu tồn cuối tháng theo từng danh điểm nguyên vật liệu vào sổ số dư. Sổ

này được kế toán mở cho từng kho và dùng cho cả năm. Trước ngày cuối tháng, kế toán đưa sổ số dư cho thủ kho để ghi vào sổ. Ghi xong thủ kho gửi về phòng kế toán để kiểm tra và tính thành tiền theo giá hạch toán.

+ **Tại phòng kế toán:** Kế toán dựa vào số lượng nhập, xuất của từng danh điểm nguyên vật liệu được tổng hợp từ các chứng từ nhập – xuất mà kế toán nhận được khi kiểm tra các kho theo định kỳ 3, 5 hoặc 10 ngày kèm theo phiếu giao nhận chứng từ và dựa vào giá hạch toán để tính thành tiền nguyên vật liệu nhập – xuất theo từng danh điểm nguyên vật liệu từ đó ghi vào bảng lũy kế nhập – xuất – tồn nguyên vật liệu (lập theo từng danh điểm nguyên vật liệu). Cuối kỳ tính tiền trên sổ số dư do thủ kho chuyển đến và đối chiếu tồn kho ở sổ sách với bảng lũy kế nhập – xuất – tồn. Từ bảng lũy kế nhập – xuất – tồn, kế toán vào bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn nguyên vật liệu để đối chiếu với kế toán tổng hợp về nguyên vật liệu.

- **Phạm vi áp dụng:** Đối với doanh nghiệp có nhiều danh điểm nguyên vật liệu, số lượng chứng từ nhập – xuất của mỗi loại nhiều xây dựng thành hệ thống danh điểm nguyên vật liệu, dùng giá hạch toán để để hàng ngày nắm được tình hình xuất, nhập, tồn, yêu cầu trình độ kế toán tương đối cao.

- **Nhận xét:**

+ **Ưu điểm:** Hạn chế việc ghi chép trùng lặp giữa thủ kho và phòng kế toán, cho phép kiểm tra thường xuyên công việc ghi chép ở kho, đảm bảo số liệu kế toán kịp thời, chính xác.

+ **Nhược điểm:** Khi thực hiện phương pháp này thì phức tạp hơn và phải nhiều bước, nhiều thủ tục.

### **1.5. Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp:**

Để hạch toán nguyên vật liệu nói riêng và các loại hàng tồn kho nói chung có thể áp dụng một trong hai phương pháp: kê khai thường xuyên (KKTX), hoặc kê khai định kỳ (KKĐK).

Việc sử dụng phương pháp nào là tùy thuộc vào đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp, vào yêu cầu sử dụng của công tác quản lý, trình độ kế toán viên

cũng như quy định của chế độ kế toán hiện hành và phải căn cứ vào đặc điểm, tính chất, số lượng, chủng loại vật tư, hàng hóa của doanh nghiệp.

### **1.5.1. Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên:**

#### **1.5.1.1. Tài khoản sử dụng:**

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi và phản ánh tình hình hiện có, biến động tăng, giảm một cách thường xuyên, liên tục trên các tài khoản phản ánh từng loại hàng tồn kho. Vì thế giá trị hàng tồn kho trên sổ kế toán có thể xác định ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán.

Phương pháp này được sử dụng phổ biến ở nước ta vì những thuận lợi của nó. Phương pháp này có độ chính xác cao, thông tin về hàng tồn kho kịp thời, cập nhật, có thể xác định được lượng nhập – xuất – tồn của từng loại hàng tồn kho. Tuy nhiên đối với các doanh nghiệp có nhiều loại hàng tồn kho, chủng loại vật liệu nhiều, có giá trị thấp, nhập – xuất – tồn thường xuyên mà áp dụng phương pháp này rất tốn nhiều công sức, thời gian.

Để hạch toán nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên thì kế toán phải sử dụng các tài khoản sau:

- TK 152: “Nguyên vật liệu” TK này dùng để theo dõi giá trị hiện có, tình hình biến động tăng, giảm của các loại nguyên vật liệu theo giá thực tế. Tài khoản này có thể mở chi tiết theo nhóm, thứ, từng loại vật liệu theo yêu cầu quản lý và phương tiện tính toán.

Tài khoản 152 có kết cấu như sau:

+ Bên Nợ:

- Trị giá vốn thực tế của vật liệu tăng trong kỳ.
- Trị giá nguyên vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê

+ Bên Có:

- Trị giá thực tế của nguyên vật liệu giảm trong kỳ do xuất dùng.
- Số tiền chiết khấu, giảm giá, trả lại nguyên vật liệu khi mua.



- Trị giá nguyên vật liệu thiếu hụt do kiểm kê.
- + Số dư Nợ:
- Phản ánh trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ.
  - Tài khoản 152 có thể mở thành 2 tài khoản cấp 2, cấp 3... để kế toán theo dõi từng thứ, từng loại, từng nhóm vật liệu tùy thuộc vào yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

- TK 151: “Hàng mua đi đường”: tài khoản này sử dụng để theo dõi các loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ mà doanh nghiệp đã mua nhưng cuối tháng hàng chưa về nhập kho.

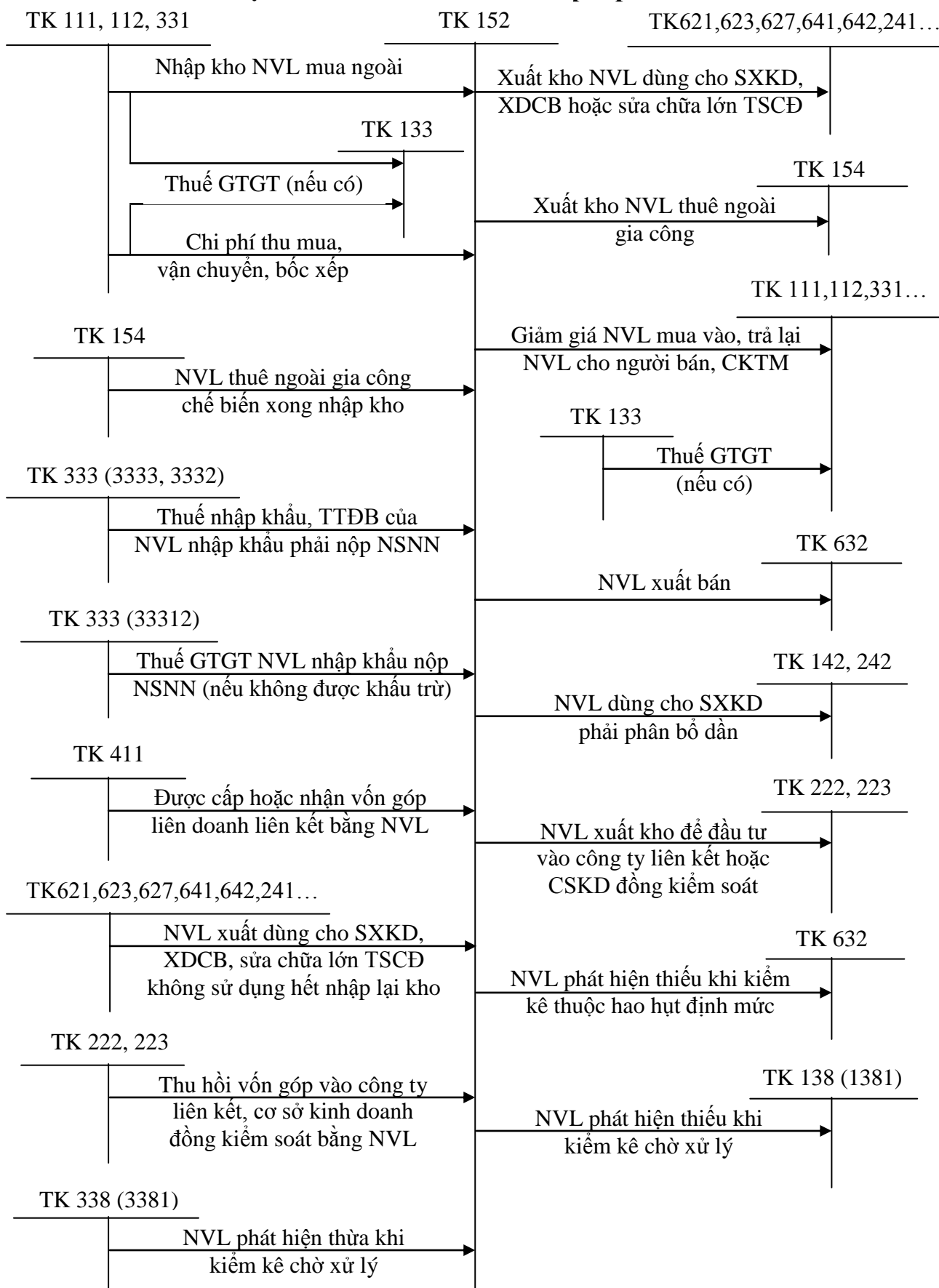
Tài khoản 151 có kết cấu như sau:

- + Bên Nợ: Trị giá vật tư, hàng hoá đang đi đường (hàng đã thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp).
  - + Bên Có: Trị giá vật tư, hàng hoá đang đi đường tháng trước, tháng này đã đưa về nhập kho hay đưa vào sử dụng ngay.
  - + Số dư Nợ: Phản ánh trị giá vật tư, hàng hoá đã mua nhưng còn đang đi đường.
- Ngoài ra, kế toán còn sử dụng một số tài khoản liên quan khác như:
- + TK 331 - Phải trả người bán
  - + TK 133 - Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ
  - + TK 111- Tiền mặt
  - + TK 112 - Tiền gửi ngân hàng
  - + TK 621 - Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
  - + TK 627 - Chi phí sản xuất chung
  - + TK 155 - Thành phẩm
  - + TK 002 - Vật tư hàng hoá giữ hộ, nhận gia công.
  - + Và một số TK liên quan khác.

#### **1.5.1.2. Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên:**

Hạch toán tăng giảm, kết quả kiểm kê nguyên vật liệu được mô tả trong sơ đồ sau:

**Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán NVL theo phương pháp kê khai thường xuyên**



**1.5.2. Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ:****1.5.2.1. Tài khoản sử dụng:**

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp không theo dõi một cách thường xuyên, liên tục về tình hình biến động của các loại vật tư, hàng hoá trên các tài khoản phản ánh từng loại hàng tồn kho mà chỉ phản ánh giá trị tồn đầu kỳ và cuối kỳ của chúng trên cơ sở kiểm kê cuối kỳ, xác định lượng hàng hoá tồn kho thực tế và lượng hàng hoá xuất dùng và sản xuất kinh doanh và các mục đích khác.

Phương pháp này có ưu điểm tiết kiệm thời gian, công sức ghi chép, và thích hợp với các đơn vị sản xuất kinh doanh những vật tư khác nhau, giá trị thấp được xuất dùng thường xuyên

Các TK sử dụng theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

- **TK 611 “ Mua hàng”:** Tài khoản này sử dụng để phản ánh giá trị nguyên liệu, vật liệu mua vào, nhập kho, hoặc sử dụng trong kỳ.

+ **Bên nợ:**

- Kết chuyển giá gốc hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tồn kho đầu kỳ (theo kết quả kiểm kê).
- Giá gốc hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ mua vào trong kỳ, hàng hoá đã bán bị trả lại ...

+ **Bên có:**

- Kết chuyển giá gốc hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tồn kho cuối kỳ (theo kết quả kiểm kê).
- Giá gốc hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất dùng trong kỳ, hoặc giá gốc hàng hóa xuất bán (chưa xác định là đã bán trong kỳ).
- Giá gốc hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ mua vào trả lại cho người bán hoặc được giảm giá.

TK 611 không có số dư cuối kỳ.

TK 611 được chi tiết thành 2 TK cấp 2:

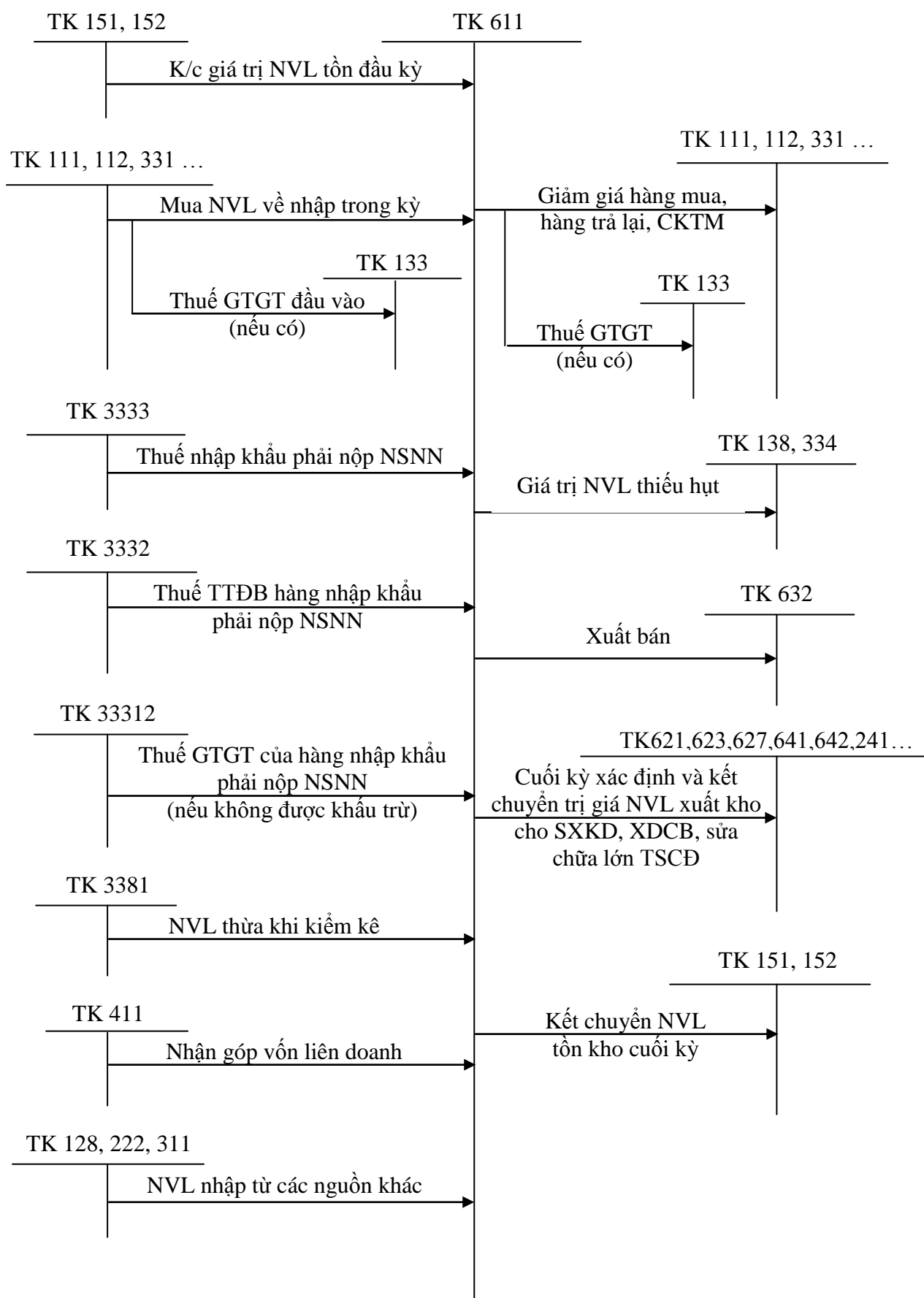
+ TK 6111: Mua nguyên vật liệu

- + TK 6112: Mua hàng hóa
- **TK 152 “Nguyên liệu, vật liệu”**: Dùng để phản ánh thực tế nguyên vật liệu tồn kho, chi tiết theo từng loại.
  - + **Bên Nợ**: Kết chuyển trị giá thực tế của nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ.
  - + **Bên Có**: Kết chuyển trị giá thực tế của nguyên vật liệu tồn kho đầu kỳ.
  - + **Số dư bên Nợ**: Trị giá thực tế của nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ.
- **TK 151 “Hàng mua đang đi đường”**
  - + **Bên Nợ**: Kết chuyển trị giá thực tế của hàng hóa, vật tư đang đi đường cuối kỳ.
  - + **Bên Có**: Kết chuyển trị giá thực tế của hàng hóa, vật tư đang đi đường đầu kỳ.
  - + **Số dư bên Nợ**: Trị giá thực tế của hàng hóa, vật tư đã mua nhưng còn đang đi đường.
- Ngoài ra, trong quá trình hạch toán, kế toán còn sử dụng một số TK133, 331, 111, 112, 311, 621, 627...

#### **1.5.2.2. Phương pháp hạch toán:**

Quá trình hạch toán tổng hợp vật liệu theo phương pháp kê khai định kỳ được tiến hành theo sơ đồ sau:

**Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán NVL theo phương pháp kê khai định kỳ**



**1.6. Kế toán dự phòng giảm giá nguyên vật liệu tồn kho:****❖ Mục đích lập dự phòng:**

Dự phòng là khoản dự tính trước để dựa vào chi phí sản xuất, kinh doanh phần giá trị bị giảm xuống thấp hơn giá trị đã ghi sổ kế toán của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá nguyên vật liệu thực chất là việc ghi nhận trước một khoản chi phí chưa thực chi vào chi phí kinh doanh của niên độ để có nguồn tài chính bù đắp những thiệt hại có thể xảy ra trong niên độ liền sau đó các yếu tố khách quan làm giảm giá vật tư.

Việc lập dự phòng giảm giá nguyên vật liệu nhằm bù đắp các khoản thiệt hại thực tế xảy ra do vật tư tồn kho bị giảm giá; đồng thời cũng để phản ánh đúng giá trị thuần có thể thực hiện của nguyên vật liệu của doanh nghiệp khi lập báo cáo tài chính vào cuối kỳ hạch toán.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của nguyên vật liệu là giá bán ước tính của nguyên vật liệu trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc bán chúng.

**❖ Nguyên tắc xác định:**

- Dự phòng giảm giá nguyên vật liệu được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của nguyên vật liệu nhỏ hơn giá gốc và được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

- Dự phòng giảm giá nguyên vật liệu được lập vào cuối kỳ kế toán năm khi lập báo cáo tài chính. Khi lập dự phòng giảm giá phải được thực hiện theo đúng các quy định của Chuẩn mực kế toán “Hàng tồn kho” và chế độ tài chính hiện hành. Đối với các doanh nghiệp phải lập và công khai báo cáo tài chính giữa niên độ như công ty niêm yết thì khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ (báo cáo quý) có thể xem xét và điều chỉnh số dự phòng giảm giá đã lập cho phù hợp với tình hình thực tế theo nguyên tắc giá trị hàng tồn kho phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được (Nếu giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá trị gốc) của hàng tồn kho.

- Việc lập dự phòng giảm giá nguyên vật liệu phải tính theo từng thứ vật tư. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá phải được tính theo từng loại dịch vụ mức giá riêng biệt.

- Số dự phòng cần phải lập cũng dựa trên số lượng của mỗi loại nguyên vật liệu theo kiểm kê thực tiễn diễn biến giá trong năm có kết hợp với dự báo giá sẽ diễn biến trong niên độ tiếp theo.

Ta có:

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự} \\ \text{phòng giảm} \\ \text{giá vật tư,} \\ \text{hàng hóa} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lượng vật tư,} \\ \text{hàng hóa thực tế} \\ \text{tồn kho tại thời} \\ \text{điểm lập báo cáo} \\ \text{tài chính} \end{array} \times \left( \begin{array}{l} \text{Giá gốc} \\ \text{hàng tồn} \\ \text{kho theo} \\ \text{sổ kế toán} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá trị thuần} \\ \text{có thể thực} \\ \text{hiện được của} \\ \text{hàng tồn kho} \end{array} \right)$$

- Theo quy định chỉ lập dự phòng giảm giá của những nguyên vật liệu thuộc quyền sở hữu doanh nghiệp, có những chứng từ kế toán hợp lệ, hợp pháp, chứng minh giá gốc của chúng.

- Như vậy, về mặt kinh tế cũng như tài chính, hành vi dự phòng cho phép doanh nghiệp luôn thực hiện được những nguyên tắc xác định tài sản theo giá phí gốc, lại vừa có thể ghi nhận trên các báo cáo tài chính của mình giá trị thực tế của tài sản, mặt khác dự phòng tạo lập cho mỗi doanh nghiệp một quỹ tiền tệ đủ sức khắc phục trước mắt những thiệt hại có thể xảy ra trong kinh doanh.

❖ *Phương pháp kế toán:*

- TK sử dụng dùng để theo dõi tình hình trích lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá nguyên vật liệu và các loại hàng tồn kho khác là TK 159 – dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

*\*Kết cấu của TK 159:*

- **Bên Nợ:** Giá trị dự phòng giảm giá nguyên vật liệu được hoàn nhập ghi giảm giá vốn hàng bán trong kỳ.

- **Bên Có:** Giá trị dự phòng giảm giá nguyên vật liệu đã lập tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.



- **Số dư bên Có:** Giá trị dự phòng giảm giá nguyên vật liệu hiện có cuối kỳ.
- ❖ **Phương pháp hạch toán kế toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu:**
  - Cuối kỳ kế toán năm (hoặc quý), khi lập dự phòng giảm giá nguyên vật liệu lần đầu tiên, ghi:

Nợ TK 632 – Giá vốn hàng bán

Có TK 159 – Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

- Cuối kỳ kế toán năm (hoặc quý) tiếp theo:
  - + Nếu khoản dự phòng giảm giá phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay lớn hơn khoản dự phòng giảm giá đã lập ở cuối kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn, ghi:

Nợ TK 632 – Giá vốn hàng bán

Có TK 159 – Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

- + Nếu khoản dự phòng giảm giá phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá đã lập ở cuối kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch nhỏ hơn, ghi:

Nợ TK 159 – Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Có TK 632 – Giá vốn hàng bán

**1.7. Đặc điểm tổ chức sổ kế toán tổng hợp về nguyên vật liệu theo các hình thức sổ sách kế toán:**

Hệ thống sổ kế toán: Mỗi doanh nghiệp chỉ có một hệ thống sổ kế toán cho một kỳ kế toán năm. Sổ kế toán gồm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

- Sổ kế toán tổng hợp gồm: Sổ cái, sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sổ nhật ký...
- Sổ kế toán chi tiết gồm: Sổ, thẻ kế toán chi tiết...

Nhà nước quy định bắt buộc về mẫu sổ, nội dung và phương pháp ghi chép đối với các loại sổ cái, sổ nhật ký... quy định mang tính hướng dẫn đối với các loại sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Theo quyết định 12/2006 QQDD – BTC ban hành ngày 20 tháng 03 năm 2000 có các hình thức kế toán như sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung.
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.
- Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái.
- Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ.
- Hình thức kế toán trên máy vi tính.

Trong mỗi hình thức sổ kế toán có những quy định cụ thể về số lượng, kết cấu, mẫu số, trình tự, phương pháp ghi chép và mối quan hệ giữa các sổ kế toán.

## **CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HAPACO H.P.P**

**2.1. Đặc điểm, tình hình tổ chức và quản lý sản xuất kinh doanh tại Công ty ảnh hưởng đến công tác kế toán nguyên, vật liệu:**

**2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty cổ phần HAPACO H.P.P:**

- Tên tiếng Việt: Công ty cổ phần HAPACO H.P.P
- Tên tiếng Anh: HAPACO H.P.P JOINT-STOCK COMPANY
- Địa chỉ: Xã Đại Bản, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng
- Điện thoại : 84-31-3587115
- Fax : 84-31-3971013
- Email : cuonghapaco@vnn.vn
- Vốn điều lệ : 127.000.000.000 VNĐ
- Giám đốc : Ths. Vũ Xuân Cường
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh các loại giấy làm bao bì công nghiệp; sản phẩm, bao bì, hòm hộp từ giấy; xuất nhập khẩu các sản phẩm và thiết bị máy móc, vật tư, nguyên liệu hoá chất.
- Nhãn hiệu Công ty:



Nhãn hiệu HAPACO đã được Công ty đăng kí nhãn hiệu hàng hóa tại Cục sở hữu Công nghiệp Việt Nam và Hội mã số mã vạch, Giấy chứng nhận đăng kí nhãn hiệu hàng hoá số 861 do Cục sở hữu Công nghiệp Việt Nam cấp.

Công ty có tư cách pháp nhân và chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động kinh doanh của mình. Công ty sử dụng con dấu riêng và mở tài khoản riêng tại Ngân

hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh tại Hải Phòng, Ngân hàng Công thương và Ngân hàng Đông Á. Công ty tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh bảo toàn và phát triển vốn theo quy định của Nhà nước. Công ty thực hiện chức năng kinh doanh theo điều lệ pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế hiện hành.

Công ty Cổ phần HAPACO H.P.P là công ty thành viên của Công ty Cổ phần HAPACO – tiền thân là Xí nghiệp Giấy bìa Đồng Tiến được thành lập ngày 3 tháng 2 năm 1960 trên cơ sở một Phân xưởng sản xuất Giấy nhỏ, theo quyết định của Ủy ban Hành chính Thành phố Hải Phòng. Đầu năm 2002, Công ty Cổ phần HAPACO với bước thăng tiến mang tính đột phá mới đi tiên phong mở đường trên thị trường Chứng khoán Việt Nam, nhằm đa dạng hoá các kênh huy động vốn cho đầu tư. HAPACO đã thành công trong đợt phát hành 1 triệu cổ phiếu phổ thông ra công chúng, huy động nguồn vốn nhàn rỗi từ các Nhà đầu tư nước ngoài và nguồn vốn nhàn rỗi trong các tầng lớp dân cư: Đạt chỉ tiêu huy động vốn 32,360 tỷ đồng cho việc đầu tư phát triển, lợi nhuận tăng cao, cổ phiếu của Công ty luôn luôn được công chúng quan tâm. Và từ nguồn vốn trên Công ty đã đầu tư xây dựng dự án Nhà máy Giấy Hải Phòng – chính là Công ty Cổ phần HAPACO H.P.P sau này, sản xuất giấy bao bì công nghiệp công suất 50.000 tấn/năm, tại khu công nghiệp đường 5 km 17 Xã Đại Bản, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng với tổng số vốn đầu tư trên 104 tỷ đồng. Công trình đã khởi công và đi vào xây dựng giai đoạn một công suất 22.000 tấn/năm. Ngày 25/11/2006, dây chuyền sản xuất giấy Kraft của Công ty Cổ phần HAPACO H.P.P đã cho sản phẩm giấy đầu tiên, đây là nhà máy sản xuất giấy Kraft xuất khẩu lớn nhất miền Bắc và lớn thứ 2 trong cả nước với công suất 22.000 tấn/năm.

Trải qua 5 năm trưởng thành và phát triển, hiện nay Công ty đã khẳng định được vị trí của mình trên thị trường và không phát triển cả về bề rộng và chiều sâu. Công ty đã sử dụng và khai thác có hiệu quả cao các nguồn lực về vốn, lao động và tài nguyên. Đồng thời công ty cũng mở rộng quan hệ với các đơn vị bạn, các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước, đã tạo được lòng tin đối với khách hàng. Bên

cạnh đó Công ty không ngừng hoàn thiện và nâng cao chất lượng, số lượng đội ngũ công nhân viên, phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật phục vụ sản xuất; và kết quả đạt được là lợi nhuận của công ty không ngừng tăng lên hàng năm. Điều đó đã đảm bảo đời sống cho cán bộ, công nhân viên trong Công ty và giúp Công ty phục vụ tái sản xuất. Qua đây cho thấy sự phát triển mạnh mẽ, vượt bậc của Công ty trong thời gian qua và giúp Công ty khẳng định được vị thế, đứng vững trong nền kinh tế thị trường hiện nay.

### **2.1.2. Những thuận lợi, khó khăn của doanh nghiệp trong quá trình xây dựng và phát triển:**

#### **2.1.2.1. Thuận lợi:**

Công ty đã xây dựng được tập thể đoàn kết nhất trí cao giữa Đảng ủy, Ban Giám đốc, Ban chấp hành Công đoàn, Đoàn thanh niên trong mọi chủ trương, chỉ thị, nghị quyết đều được triển khai thực hiện nghiêm túc.

Đội ngũ Cán bộ lãnh đạo và các tổ chức chính trị có năng lực trình độ, nhiệt tình năng động sáng tạo, lăn lộn với sản xuất và bảo vệ thành quả sản xuất.

Có sự quan tâm chỉ đạo giúp đỡ của Thành ủy, HĐND, UBND thành phố, các Bộ Ngành Trung ương, các Sở, Ban, Ngành Thành phố nên mọi vướng mắc khó khăn đều được tháo gỡ giải quyết nhanh chóng.

Công ty có uy tín lớn với thị trường trong nước, thị trường nước ngoài và Ngành Giấy Việt Nam, duy trì sản phẩm truyền thống nhiều năm đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng, chiếm thị phần lớn trên thị trường xuất khẩu và tiêu thụ trong nước.

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc tế ISO 9001:2000 ngày càng phát huy cao hiệu quả trong công tác quản lý, điều hành, tổ chức và thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

#### **2.1.2.2. Khó khăn:**

Bên cạnh những thuận lợi thì cũng có những khó khăn mà lãnh đạo và cán bộ công nhân viên chức trong doanh nghiệp phải đoàn kết cùng nhau vượt qua.

Những khó khăn đó là:

- Sự cạnh tranh trên thị trường ngày càng gay gắt giữa các doanh nghiệp trong nước, giữa doanh nghiệp trong nước với doanh nghiệp nước ngoài.
- Trong năm tài chính 2010, do tình hình kinh tế thế giới cũng như trong nước có nhiều biến động, Công ty vẫn còn những khó khăn rất lớn khi giá nguyên vật liệu, năng lượng tiếp tục tăng cao đã ảnh hưởng lớn đến giá vốn hàng bán của Công ty trong khi đó giá bán trên thị trường không có nhiều biến động.
- Công ty còn gặp phải khó khăn về vấn đề công nghệ. Ngành công nghiệp giấy nước ta so với thế giới đã bị tụt hậu khá xa, Công ty đã không ngừng đầu tư công nghệ trang thiết bị hiện đại mở rộng phát triển sản xuất kinh doanh để hội nhập với nền kinh tế thế giới và các nước trong khu vực.

### **2.1.3. Thành tích công ty đạt được trong những năm qua:**

Đứng trước rất nhiều khó khăn thách thức trong năm qua, công ty đã không ngừng cố gắng vươn lên, và đạt được một số thành tựu.

Theo nguồn tài liệu: Trích Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty CP HAPACO H.P.P, ta có (ĐVT: đồng)

Chi tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Chênh lệch	
			Số tiền	Tỷ lệ (%)
Doanh thu bán hàng	17.953.765.376	19.279.762.198	1.325.996.822	7,4
Tổng lợi nhuận trước thuế	1.995.313.278	2.425.467.257	430.153.979	21
Lương bình quân đầu người	2.325.000	2.782.000	457.000	19,7

Nhìn vào kết quả hoạt động kinh doanh của công ty trong hai năm ta thấy rằng: mặc dù kết quả đạt được không cao nhưng nó đã thể hiện được sự cố gắng của công ty trong những năm qua. Cụ thể: Doanh thu bán hàng tăng 1.325.996.822

đồng, tương ứng với tỷ lệ 7,4 %; Lợi nhuận trước thuế cũng tăng 430.153.979 đồng, tương ứng tỷ lệ tăng 21 %. Đặc biệt mức lương trung bình của công nhân viên trong công ty được cải thiện với mức tăng 457.000 đồng, tương ứng với tỷ lệ 19,7 %, góp phần ổn định đời sống của họ khi tỷ lệ lạm phát nước ta tăng cao. Trên đà này, trong tương lai công ty sẽ không ngừng phát triển và nâng cao uy tín, thương hiệu trên thị trường.

#### **2.1.4. Quy trình công nghệ, nguồn nguyên vật liệu:**

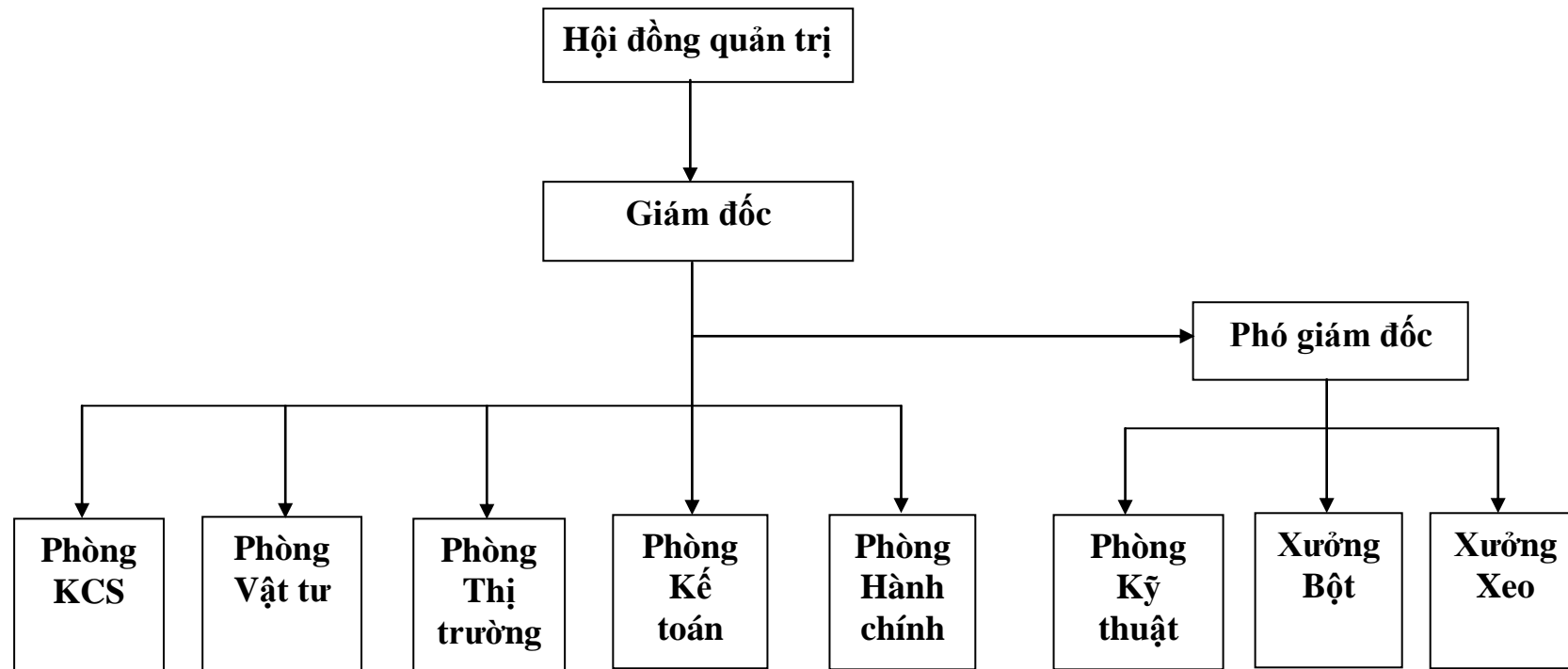
Dây chuyền sản xuất giấy Kraft: Dây chuyền sản xuất giấy Kraft của HAPACO do Trung Quốc sản xuất, đây là một dây chuyền đồng bộ từ khâu xử lý bột nguyên liệu của giấy phế (O.C.C), giấy lè trắng, bột giấy Kraft chưa tẩy (NKP), bột giấy tẩy trắng ISO 90, giấy in báo ONP đưa vào hệ thống xeo giấy, cuộn, bao gói ... tạo hình thành lưu trình sản xuất khép kín.

Nguyên liệu của sản xuất giấy Kraft bao gồm bột giấy tẩy trắng AOCC, bao bì caston sóng cũ OCC, giấy báo cũ ONP, bột tẩy trắng UKB và một số loại hoá chất khác như: nhựa thông, phèn, tinh bột. Bột giấy tẩy trắng AOCC Công ty dự định nhập khẩu, bao bì sóng caston OCC cũ sẽ được tổ chức thu mua trong nước, trường hợp không đủ sản xuất thì sử dụng thêm giấy lè, các phụ kiện hoá chất khác mua tại Việt Nam.

#### **2.1.5. Đặc điểm về cơ cấu tổ chức và quản lý của Công ty:**



**Sơ đồ 2.1: SƠ ĐỒ BỘ MÁY TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY CP HAPACO H.P.P**



Trải qua quá trình hình thành và phát triển, cùng với sự biến đổi Công ty CP HAPACO H.P.P đã tổ chức được một bộ máy quản lý gọn nhẹ và phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

- **Hội đồng quản trị:** Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty. HĐQT có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

- **Giám đốc:** Là người trực tiếp quản lý cao nhất của công ty, là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty; là người đại diện pháp nhân của công ty và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình.

- **Phó giám đốc:** Dưới quyền Giám đốc là Phó giám đốc. Bộ máy quản lý của Công ty có một Phó giám đốc chịu trách nhiệm quản lý và điều hành phòng Kỹ thuật; có trách nhiệm giám sát và quản lý trực tiếp hai phân xưởng sản xuất là xưởng Bột và xưởng Xeo.

- Các phòng ban có chức năng tham mưu và giúp việc cho các phó giám đốc, trực tiếp điều hành theo chức năng chuyên môn và chỉ đạo của phó giám đốc. Công ty hiện có 6 phòng ban với các chức năng nhiệm vụ sau:

+ **Phòng Hành chính:** có chức năng xây dựng phương án kiện toàn bộ máy tổ chức trong công ty, quản lý nhân sự, thực hiện công tác hành chính quản trị.

+ **Phòng Kế toán:** có chức năng trong việc lập kế hoạch sử dụng và quản lý nguồn tài chính của công ty, phân tích các hoạt động kinh tế, tổ chức công tác hạch toán kế toán theo đúng chế độ kế toán thống kê và chế độ quản lý tổ chức của Nhà nước.

+ **Phòng Thị trường:** có nhiệm vụ chào bán hàng, đôn đốc thu hồi công nợ đúng hạn, lập phương án kinh doanh cụ thể từng lô hàng và thảo các hợp đồng kinh tế mua bán nội địa trình ban giám đốc trước khi nhập hàng và bán hàng. Giao

nhận hàng hoá phục vụ khách hàng kịp thời, thường xuyên mở rộng tiếp thị khách hàng trên thị trường trong nước để tạo ra các kênh phân phối hàng hoá của Công ty. Thiết lập mối quan hệ bán hàng trong và ngoài nước. Tìm hiểu nắm bắt thị trường hàng hoá trong nước và nước ngoài. Đề ra chiến lược thích ứng cho từng thời kỳ và dự báo tình hình giá cả lên, xuống của thị trường qua từng năm.

+ **Phòng Vật tư:** có chức năng mua vật tư và cung cấp vật tư cho các xưởng sản xuất sao cho dung, đủ và kịp thời.

+ **Phòng Kỹ thuật:** có chức năng hoạch định chiến lược phát triển khoa học công nghệ ứng dụng khoa học công nghệ mới, nâng cấp hoặc thay thế máy móc thiết bị hiện đại có tính kinh tế cao, tham gia giám sát các hoạt động đầu tư về máy móc, thiết bị của công ty.

+ **Phòng KCS (Phòng Kiểm tra Chất lượng sản phẩm):** là phòng nghiệp vụ thực hiện chức năng tham mưu, giúp việc cho Giám đốc Công ty trong các lĩnh vực công tác nghiệm thu công trình, sản phẩm; kiểm tra, giám sát sự tuân thủ các quy định, quy trình kỹ thuật nhằm đảm bảo chất lượng, quy cách, quy định đối với mọi sản phẩm sản xuất ra.

+ Ngoài ra, công ty còn có hai phân xưởng sản xuất: Xưởng Bột và Xưởng Xeo.

## **2.1.6. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty:**

### **2.1.6.1. Tổ chức bộ máy kế toán:**

#### **– Tổ chức công tác kế toán:**

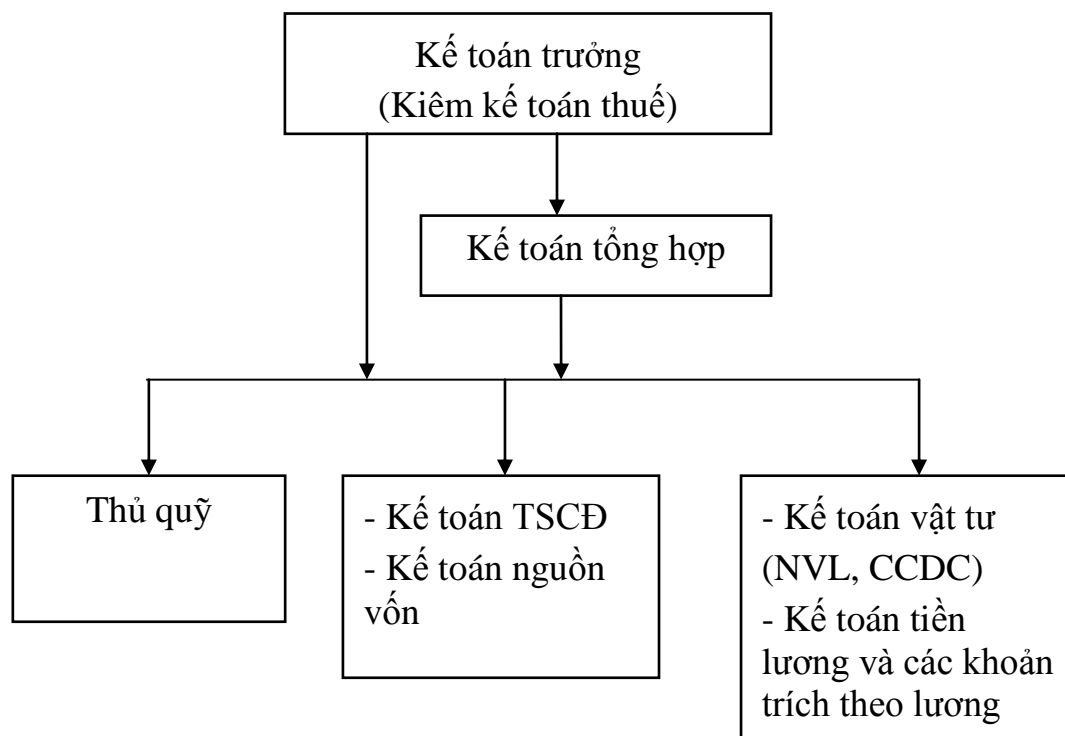
+ Công ty tổ chức công tác kế toán theo mô hình tập trung, không có kế toán riêng ở các bộ phận phân xưởng mà chỉ có thống kê phân xưởng làm nhiệm vụ hướng dẫn, thực hiện hạch toán ban đầu, thu thập, kiểm tra chứng từ và lập kế hoạch định kỳ gửi về phòng kế toán tập trung.

+ Phòng kế toán của Công ty gồm có 5 người (1 Kế toán trưởng và 4 Kế toán viên) đảm nhiệm các phần hành khác nhau, thực hiện hạch toán kế toán hoạt động kinh tế tài chính phát sinh ở các phân xưởng, khối văn phòng cùng với việc

tổng hợp số liệu chung toàn Công ty, lập báo cáo kế toán định kỳ, quản lý toàn bộ công tác kế toán của Công ty.

- **Cơ cấu bộ máy kế toán của công ty được thể hiện qua sơ đồ sau:**

**Sơ đồ 2.2: SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY KẾ TOÁN**



+ Kế toán trưởng (Kiêm kế toán thuế): Là người chịu trách nhiệm chung về công tác kế toán của Công ty, là người điều hành bộ máy kế toán và trợ giúp Giám đốc trong việc cân đối khả năng tài chính, sử dụng vốn kinh doanh có hiệu quả. Xác định các khoản thuế, kê khai thuế và quyết toán thuế với cục thuế theo chế độ quy định; lập Báo cáo tài chính.

+ Kế toán tổng hợp: Chịu trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu các tài liệu, số liệu, do các bộ phận kế toán khác chuyển sang, từ đó lập các bút toán kết chuyển lúc cuối kỳ; tổ chức tập hợp, phân bổ, kết chuyển chi phí sản xuất của toàn công ty và tính giá thành sản phẩm hàng tháng, hàng quý.

+ Kế toán TSCĐ và nguồn vốn: theo dõi chi tiết việc quản lý sử dụng TSCĐ của đơn vị, phản ánh tăng, giảm, tính khấu hao TSCĐ; phân bổ các tài khoản nguồn vốn, các quỹ.

+ Kế toán NVL, CCDC và tiền lương và các khoản trích theo lương: Có trách nhiệm quản lý thống kê, theo dõi số lượng vật tư nhập, xuất, tồn. Kiểm tra đối chiếu từng chủng loại vật tư, kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện mức tiêu hao nguyên vật liệu. Hàng tháng tiến hành ghi sổ các NVL, CCDC nhập vào và xuất ra.

+ Thu quỹ: Thu nhận giao dịch ngân hàng, trả tiền tại quỹ theo các chứng từ thanh toán, chịu trách nhiệm trực tiếp về tính an toàn và đủ các quỹ, trả lương cho cán bộ, công nhân viên.

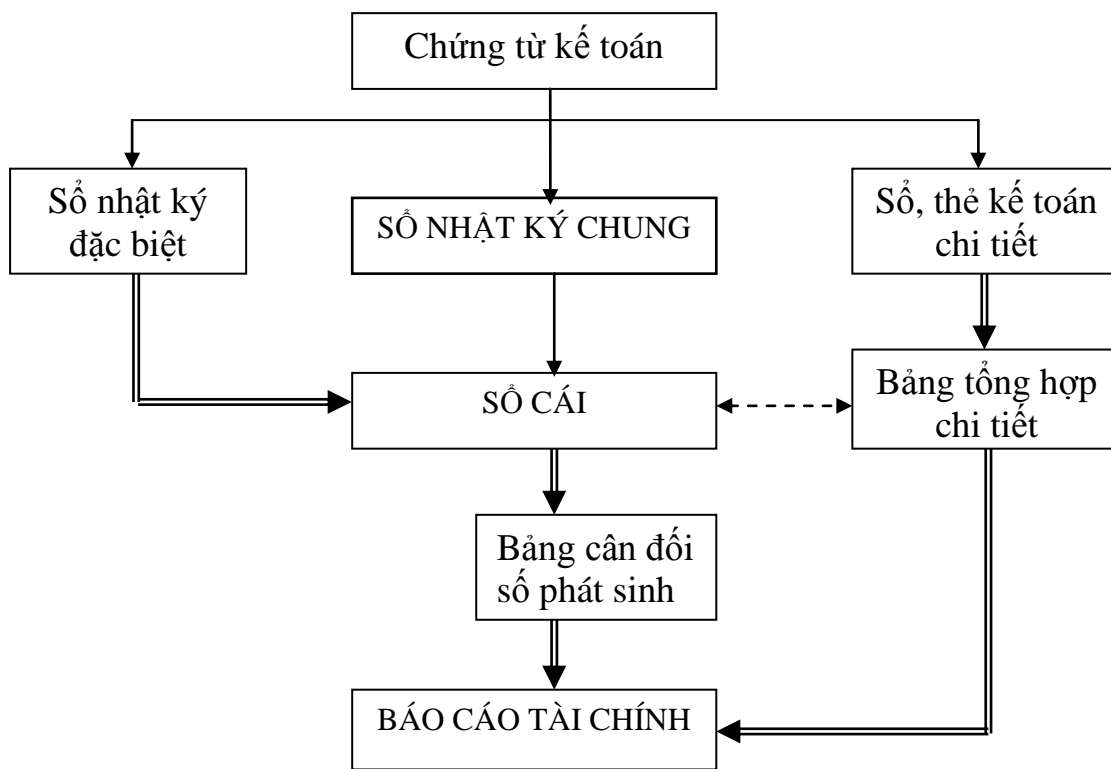
#### **2.1.6.2. Chế độ kế toán áp dụng tại công ty:**

- Chế độ kế toán công ty áp dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC.

- Kỳ kế toán năm bắt đầu từ 01/01 đến hết 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Việt Nam Đồng.
- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.
- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên
  - + Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Ghi theo giá gốc
  - + Phương pháp tính trị giá xuất kho: bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính theo quyết định 203/2009/QĐ-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
- Hệ thống sổ sách kế toán công ty sử dụng bao gồm:
  - + Sổ Nhật ký chung
  - + Sổ Cái các tài khoản
  - + Các thẻ, sổ chi tiết

2.1.6.3. Trình tự ghi sổ kế toán của công ty:

**Sơ đồ 2.3: TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN NHẬT KÝ CHUNG**



Ghi chú: —————> Ghi hàng ngày  
 ==> Ghi định kì (cuối tháng, cuối quý)  
 <-.-.-.-.-> Đối chiếu, kiểm tra

(a) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5, 10... ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản

phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

(b) Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung (hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.



**2.2. Tình hình thực tế công tác kế toán nguyên, vật liệu ở Công ty CP HAPACO H.P.P:****2.2.1. Phân loại nguyên vật liệu và đặc điểm công tác quản lý tại Công ty CP HAPACO H.P.P:****2.2.1.1. Phân loại nguyên vật liệu:**

Tuy công ty sử dụng nhiều nguyên vật liệu khác nhau nhưng do có đặc tính sử dụng và công dụng gần như nhau trong quá trình chế biến nên nguyên vật liệu của công ty được chia thành:

- Nguyên vật liệu chính: Là những loại nguyên liệu và vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất thì cấu thành thực thể vật chất, thực thể chính của sản phẩm. Vì vậy khái niệm nguyên liệu, vật liệu chính gắn liền với từng doanh nghiệp sản xuất cụ thể. Tại công ty, nguyên vật liệu chính là: Giấy lẻ OCC , Giấy lẻ ONP, Lẻ xén trắng, Bột Dip.

- Nguyên vật liệu phụ: Là những loại vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất, không cấu thành thực thể chính của sản phẩm nhưng có thể kết hợp với vật liệu chính làm thay đổi màu sắc, mùi vị, hình dáng bề ngoài, tăng thêm chất lượng của sản phẩm hoặc tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm được thực hiện bình thường, hoặc phục vụ cho nhu cầu công nghệ, kỹ thuật, bảo quản; phục vụ cho quá trình lao động. Như: Bột đá  $\text{CaCO}_3$ , Bột trợ nghiền Repuling, Cao su tổng hợp, Chất bôi trơn, Chất chống thấm ...

- Phụ tùng thay thế: Là những vật tư dùng để thay thế, sửa chữa máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, công cụ, dụng cụ sản xuất. Như: Bánh răng hộp số, Vòng bi 307, Dao cắt cuộn ...

**Bảng thống kê Nguyên vật liệu sản xuất**

STT	Tên quy cách vật tư	Đơn vị tính	Mã số
	<b><i>Nguyên vật liệu chính</i></b>		
1	Giấy lè OCC (nội)	Kg	OCC1
2	Giấy lè ONP (ngoại)	Kg	ONP2
3	Giấy lè ONP (nội)	Kg	ONP1
4	Lề xén trắng (ngoại)	Kg	LEXEN2
5	Lề xén trắng (nội)	Kg	LEXEN1
6	Bột Dip	Kg	DIP
	<b><i>Nguyên vật liệu phụ</i></b>		
1	Bột đá CaCO <sub>3</sub> TD: 03	Kg	CACO303
2	Bột đá CaCO <sub>3</sub> TQ	Kg	BD
3	Bột trợ nghiền Repuling	Kg	BTN
4	Cao su tổng hợp	Kg	CSTH
5	Chất bôi trơn	Kg	CBT
6	Chất Bảo Lưu nước (Neolex 25)	Kg	CBLN
7	Chất chống thấm	Kg	CCT
8	Chất chống thấm (Keo AKD Plus15)	Kg	KEOAKD
9	Chất CMC	Kg	CMC
10	Chất dung môi	Kg	CDM
11	Chất phân tán Trung Quốc	Kg	CPTTQ
12	Chất phân tán Việt Nam	Kg	CPTVN
13	Chất tăng trắng (Tal-D)	Kg	CTT
14	Tinh bột sản (CATIONIC)	Kg	TBS
15	Xút vảy 72%	Kg	TBTH
16	Đất cao lanh	Kg	DCL
17	Dầu diesel	Lit	DEZEL
...	...	...	...
	<b><i>Phụ tùng thay thế</i></b>		
1	Băng dính 2 mặt	Cuộn	BD2M
2	Băng dính trắng	Cuộn	BDT
3	Băng dính vàng	Cuộn	BDV
4	Băng dính điện	Kg	BDD
5	Oxy già	Kg	OXG
6	Bánh răng hộp số	Cai	BRHS
7	Dao cắt cuộn	Cai	DCU
8	Vòng bi 307	Vong	VB307
...	...	...	...

**2.2.1.2. Đặc điểm công tác quản lý:**

Nguyên liệu, vật liệu là những đối tượng lao động, thể hiện dưới dạng vật hóa. Trong các doanh nghiệp vật liệu được sử dụng phục vụ cho việc sản xuất, chế tạo sản phẩm hoặc thực hiện dịch vụ hay sử dụng cho bán hàng, quản lý doanh nghiệp. Đặc điểm của vật liệu là chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất - kinh doanh nhất định và toàn bộ giá trị vật liệu được chuyển hết một lần vào chi phí kinh doanh trong kỳ. Khi tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh, vật liệu bị biến dạng hoặc tiêu hao hoàn toàn. Vật liệu được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau như mua ngoài, tự sản xuất, nhận góp vốn liên doanh, vốn góp của các thành viên tham gia công ty..., trong đó chủ yếu là mua ngoài.

Là công ty sản xuất nên doanh nghiệp sử dụng rất nhiều nguyên vật liệu với số lượng lớn và thường xuyên. Chi phí nguyên vật liệu chiếm 70% - 80% trong giá thành sản phẩm. Chính vì vậy công tác quản lý và sử dụng có hiệu quả sẽ giúp giảm chi phí nguyên vật liệu trong giá thành sản phẩm.

Quản lý vật liệu là khâu quan trọng đầu tiên để đảm bảo cho quá trình sản xuất, việc quản lý nguyên vật liệu ở đây không chỉ về mặt số lượng mà phải quản lý cả về chất lượng nhằm đảm bảo cho nguyên vật liệu không bị biến dạng, giảm giá trị sử dụng.

- *Khâu thu mua của công ty:* Công ty có bộ phận chuyên công tác thu mua, vận chuyển, bốc dỡ. Các bạn hàng, các nhà cung ứng khá uy tín nên công tác thu mua và dự trữ nguyên vật liệu ít bị ngưng trệ.

- *Khâu bảo quản và dự trữ:* Hiện nay tình hình quản lý nguyên vật liệu tại Công ty CP HAPACO H.P.P đã được chú trọng và quan tâm với cách tổ chức sắp xếp gồm 3 kho: kho nguyên vật liệu chính, kho nguyên vật liệu phụ, kho phụ từng thay thế. Việc sắp xếp nguyên vật liệu trong từng kho cũng được thực hiện khá hợp lý, thuận tiện cho quá trình sản xuất.

- *Khâu sử dụng:* Công ty căn cứ vào định mức nguyên vật liệu và kế hoạch tiêu thụ để chủ động có kế hoạch mua vật tư nên lượng tồn kho rất hợp lý, vốn

không ứ đọng.

Công tác quản lý nguyên vật liệu được thực hiện ở phòng vật tư, thủ kho và kế toán.

- *Phòng Vật tư*: có trách nhiệm quản lý, lập kế hoạch thu mua, nhập, xuất nguyên vật liệu trong tháng, tìm hiểu lựa chọn các nguồn cung cấp tốt nhất, có lợi nhất. Định kỳ tiến hành kiểm kê, tham mưu cho giám đốc về các loại nguyên vật liệu cần nhập, các loại nguyên vật liệu còn tồn đọng nhiều ... và các biện pháp giải quyết hợp lý tránh tình trạng cung ứng không đầy đủ vật liệu cho sản xuất hoặc để tồn đọng quá nhiều gây lãng phí, giảm chất lượng nguyên vật liệu.

- *Thủ kho*: là người có trách nhiệm xuất nguyên vật liệu theo phiếu nhập, phiếu xuất, thực hiện đầy đủ thủ tục công ty quy định, tổ chức sắp xếp bảo quản nguyên vật liệu. Hàng ngày tiến hành ghi chép vào thẻ kho, cuối tháng đối chiếu số liệu với kế toán vật tư, đồng thời kết hợp với các cán bộ chuyên môn tiến hành kiểm kê vật liệu thừa thiếu trong tháng.

- *Kế toán vật tư*: là người chuyên theo dõi tình hình nhập – xuất – tồn kho nguyên vật liệu đồng thời hạch toán nguyên vật liệu, cuối kỳ đối chiếu số liệu với thủ kho.

### **2.2.2. Tính giá nguyên vật liệu tại Công ty CP HAPACO H.P.P:**

Tính giá nguyên vật liệu có ý nghĩa quan trọng trong việc hạch toán đúng tình hình tài sản cũng như chi phí sản xuất kinh doanh của công ty.

Tính giá nguyên vật liệu là dùng thước đo tiền tệ để biểu hiện giá trị của nguyên vật liệu theo những nguyên tắc nhất định đảm bảo vấn đề trung thực nhất quán.

#### **2.2.2.1. Giá nguyên vật liệu nhập kho:**

Công ty CP HAPACO H.P.P áp dụng phương pháp tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Tức là thuế GTGT mà doanh nghiệp phải nộp được tính bằng công thức:

$$\text{Thuế GTGT phải nộp} = \text{Thuế GTGT đầu ra} - \text{Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ}$$

Trong đó:

$$\text{Thuế GTGT đầu ra} = \text{Trị giá bán NVL, thành phẩm, hàng hóa} \times \text{Thuế suất thuế GTGT}$$

$$\text{Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ} = \text{Trị giá mua NVL, thành phẩm, hàng hóa} \times \text{Thuế suất thuế GTGT}$$

Nguyên vật liệu của Công ty Cổ phần HAPACO H.P.P chủ yếu là do mua ngoài. Nguyên vật liệu của công ty nhập từ nhiều nguồn khác nhau vào những thời điểm khác nhau lên giá cũng khác nhau. Vì vậy nguyên vật liệu được đánh giá theo giá thực tế, khi nhập kho giá trị nguyên vật liệu được tính như sau:

- Giá thực tế của nguyên vật liệu mua ngoài:

$$\text{Giá thực tế NVL nhập kho} = \text{Giá mua ghi trên hóa đơn} + \text{Chi phí thu mua} - \text{Các khoản giảm trừ}$$

+ Nguyên vật liệu của công ty có một số được nhập ngoại thông qua hoạt động nhập khẩu uỷ thác song công ty thường không tách thuế nhập khẩu để theo dõi riêng mà hoàn toàn tính vào giá mua nguyên vật liệu, đưa vào tài khoản phải trả người bán để theo dõi chung. Do vậy giá mua nguyên vật liệu chính là giá bao gồm cả giá gốc và thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có).

+ Mặt khác, như phần trên đã trình bày, đơn vị tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ nên giá mua nguyên vật liệu là giá không bao gồm thuế GTGT.

+ Trong chi phí thu mua thường bao gồm phí vận chuyển nguyên vật liệu từ nơi mua về kho công ty, phí nhập khẩu uỷ thác (đối với nguyên vật liệu nhập khẩu uỷ thác), chi phí bốc dỡ, bảo quản nguyên vật liệu,... các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc thu mua nguyên vật liệu và số hao hụt tự nhiên trong định mức (nếu có). Chi phí thu mua là giá chưa có thuế GTGT.

- Giá của nguyên vật liệu tự chế biến:

$$\text{Giá nguyên vật liệu do đơn vị tự chế biến nhập kho} = \text{Giá nguyên vật liệu mua về} + \text{Chi phí chế biến}$$

- Giá phế liệu thu hồi nhập kho:

$$\text{Giá phế liệu thu hồi nhập kho} = \text{Giá theo đánh giá thực tế hoặc theo giá bán trên thị trường}$$

### **Ví dụ 2.1:**

Theo Hóa đơn GTGT số AR/2010E 0000893 ngày 01/12/2010, mua giấy lè OCC (nội) của Công ty TNHH Tấn Minh chưa trả tiền, nhập kho Nguyên vật liệu, số lượng 200.578 kg, đơn giá ghi trên hóa đơn 4.379 đồng/kg; thuế suất thuế GTGT 10%.

☞ Giá trị thực tế NVL nhập kho:  $200.578 \times 4.379 = 878.331.062$  đồng

Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ:  $878.331.062 \times 10\% = 87.833.106$  đồng

### **2.2.2.2. Giá nguyên vật liệu xuất kho:**

Về mặt lý thuyết thì có rất nhiều phương pháp tính giá khác nhau để doanh nghiệp có thể lựa chọn. Trên thực tế, các doanh nghiệp thường dựa vào đặc trưng của doanh nghiệp mình mà sử dụng phương pháp tính giá nào cho phù hợp. Công ty CP HAPACO H.P.P là một đơn vị sản xuất kinh doanh có số lượng các nghiệp vụ xuất kho, nhập kho tương đối lớn và nhiều trong một kỳ kinh doanh. Do vậy việc lựa chọn phương pháp tính giá nguyên vật liệu xuất kho ảnh hưởng rất lớn đến tình hình chung về quản lý cũng như hạch toán nguyên vật liệu, từ đó ảnh hưởng rất lớn đến tình hình chung về quản lý cũng như hạch toán nguyên vật liệu đánh giá hoạt động của doanh nghiệp.

Công ty đã lựa chọn phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ để tính giá nguyên vật liệu xuất kho. Có nghĩa là trong một tháng, các nghiệp vụ xuất kho nguyên vật liệu được kế toán vật tư ghi chép về mặt số lượng, đến cuối kỳ, sau khi

tính ra đơn giá nguyên vật liệu thực tế xuất kho, kế toán mới tính ra giá trị nguyên vật liệu xuất kho.

- Đơn giá bình quân nguyên vật liệu xuất kho:

$$\text{Đơn giá bình quân NVL xuất kho} = \frac{\text{Giá trị NVL tồn đầu kỳ} + \text{Giá trị NVL nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng NVL tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng NVL nhập trong kỳ}}$$

- Giá trị nguyên vật liệu xuất kho:

$$\text{Giá trị NVL xuất kho trong kỳ} = \text{Đơn giá bình quân NVL xuất kho} \times \text{Số lượng NVL xuất kho trong kỳ}$$

**Ví dụ 2.2:** Tình hình nhập – xuất – tồn của nguyên vật liệu giấy lè OCC (nội) của công ty trong tháng 12 năm 2010 như sau:

I. Tồn đầu tháng: 520.479 kg, đơn giá: 3.691 đồng/kg.

II. Trong tháng phát sinh các nghiệp vụ sau:

1. Nhập kho trong tháng:

- Ngày 01/12, nhập kho 200.578 kg, đơn giá 4.379 đồng/kg
- Ngày 10/12, nhập kho 300.010 kg, đơn giá 4.575 đồng/kg
- Ngày 21/12, nhập kho 267.792 kg, đơn giá 4.791 đồng/kg

2. Xuất kho trong tháng:

- Ngày 01/12, xuất kho 360.070 kg
- Ngày 08/12, xuất kho 207.580 kg
- Ngày 17/12, xuất kho 212.941 kg
- Ngày 25/12, xuất kho 238.757 kg

☞ **Vậy ta có:**

- Đơn giá bình quân của giấy lè OCC (nội):

$$520.479 \times 3.691 + 200.578 \times 4.379 + 300.010 \times 4.575 + 267.792 \times 4.791$$

---


$$520.479 + 200.578 + 300.010 + 267.792$$

$$= 4.232 \text{ đồng/kg}$$



- Trị giá giấy lẻ OCC (nội) xuất kho:
  - + Ngày 01/12:  $360.070 \times 4.232 = 1.523.816.240$  đồng
  - + Ngày 08/12:  $207.580 \times 4.232 = 878.478.560$  đồng
  - + Ngày 17/12:  $212.941 \times 4.232 = 901.166.312$  đồng
  - + Ngày 25/12:  $238.757 \times 4.232 = 1.010.419.624$  đồng
- Tổng trị giá xuất kho giấy lẻ OCC (nội) trong tháng 12:  
 $1.523.816.240 + 878.478.560 + 901.166.312 + 1.010.419.624$   
 $= 4.313.880.736$  đồng

### **2.2.3. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty CP HAPACO H.P.P:**

#### **2.2.3.1. Thủ tục nhập – xuất nguyên vật liệu:**

##### **❖ *Trình tự nhập nguyên vật liệu:***

##### **- *Đối với nguyên vật liệu mua ngoài:***

Việc quản lý chặt chẽ nguyên vật liệu nhập kho là vấn đề quan trọng, giúp công ty đảm bảo được tình hình cung cấp nguyên vật liệu, đánh giá được việc thương xuyên cung cấp nguyên vật liệu, đánh giá được chi phí đầu vào của công ty. Do đó các chứng từ hóa đơn phải được lưu giữ đầy đủ theo quy định hiện hành.

Các chứng từ sử dụng cho thủ tục nhập kho nguyên vật liệu gồm:

- + Hóa đơn GTGT
- + Biên bản kiểm nghiệm vật tư
- + Phiếu nhập kho

*Trình tự nhập kho:* Căn cứ vào kế hoạch sản xuất của từng tháng, phòng vật tư đi mua về theo đúng yêu cầu chủng loại, kích cỡ, số lượng, mẫu mã,... Khi nguyên vật liệu về đến công ty, phòng kỹ thuật vật tư sẽ kiểm tra tính hợp lệ, hợp lý của các hóa đơn và đối chiếu với hợp đồng đã ký với nhà cung cấp, kiểm tra trực tiếp số lượng, chất lượng của các lô hàng. Sau đó sẽ tiến hành thủ tục nhập kho (thủ kho có trách nhiệm tổ chức bốc xếp nguyên vật liệu vào kho sao cho khoa học hợp lý để đảm bảo yêu cầu quản lý chặt chẽ vật liệu, thuận tiện cho công tác nhập xuất vật liệu).

Biên bản kiểm nghiệm vật tư: Biên bản này dung để xác định số lượng, quy cách, chất lượng vật tư, sản phẩm, hàng hóa trước khi nhập kho, làm căn cứ để quy trách nhiệm trong thanh toán và bảo quản. Biên bản kiểm nghiệm được lập thành 2 bản: 1 bản giao cho bộ phận cung tiêu, 1 bản giao cho bộ phận phòng kế toán. Trong trường hợp vật tư, sản phẩm, hàng hóa không đúng số lượng, quy cách, phẩm chất so với hóa đơn, doanh nghiệp lập thêm 1 liên, kèm theo chứng từ liên quan gửi cho bên cung cấp vật tư, hàng hóa để giải quyết.

Phiếu nhập kho được lập sau khi có đủ chữ ký của các bộ phận có liên quan gồm: bộ phận phụ trách cung tiêu, người giao hàng và thủ kho. Phiếu nhập kho được lập thành 3 liên, đặt giấy than viết một lần:

- + Liên 1: Lưu tại kho, thủ kho giữ làm căn cứ ghi Thẻ kho.
- + Liên 2: Giao cho người giao hàng.
- + Liên 3: Chuyển lên phòng Kế toán làm căn cứ ghi sổ.

- **Đối với nguyên vật liệu xuất dùng không hết nhập lại kho để tái sản xuất**: thủ tục nhập kho chỉ khác là không tiến hành kiểm nghiệm vật tư bằng cách lập biên bản kiểm nghiệm đối với nguyên vật liệu mua ngoài, còn thì thủ kho vẫn viết phiếu nhập kho bình thường.

**Ví dụ 2.3 (Tiếp ví dụ 2.1):**

- Theo Hóa đơn GTGT số AR/2010E 0000893 ngày 01/12/2010, công ty mua giấy lẻ OCC (nội) của Công ty TNHH Tấn Minh chưa trả tiền, nhập kho Nguyên vật liệu, số lượng 200.578 kg, đơn giá ghi trên hóa đơn 4.379 đồng/kg; thuế suất thuế GTGT 10%.
- Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số AR/2010E 0000893 (**Biểu số 2.1**), Phòng Vật tư lập Biên bản kiểm nghiệm vật tư (**Biểu số 2.2**), sau khi kiểm nghiệm xong, thủ kho làm thủ tục nhập kho và lập Phiếu nhập kho 12/01(**Biểu số 2.3**).

**Ví dụ 2.4:**

- Theo Hóa đơn GTGT số AR/2010E 0000905 ngày 03/12/2010, công ty mua giấy lẻ ONP (nội) của Công ty TNHH Tấn Minh trả bằng tiền mặt, nhập kho Nguyên vật liệu, số lượng 80.705 kg, đơn giá ghi trên hóa đơn 5.863 đồng/kg; thuế suất thuế GTGT 10%.
- Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số AR/2010E 0000905 (**Biểu số 2.4**), Phòng Vật tư lập Biên bản kiểm nghiệm vật tư (**Biểu số 2.5**), sau khi kiểm nghiệm xong, thủ kho làm thủ tục nhập kho và lập Phiếu nhập kho số 12/04 (**Biểu số 2.6**).

**Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT số AR/2010E 0000893**

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2: Giao cho khách hàng Ngày 01 tháng 12 năm 2010		Mẫu số:01 GTKT-3LL AR/2010E 0000893			
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Tấn Minh Địa chỉ: Số 189- Nguyễn Văn Linh – Hải Phòng Số tài khoản: ..... Điện thoại:.....MST: <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>					
Họ tên người mua hàng: Mai Ngọc Công Tên đơn vị: Công ty Cổ phần HAPACO H.P.P Địa chỉ: Đại Bản, An Dương, Hải Phòng Số tài khoản: ..... Hình thức thanh toán: MST: <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>					
STT	Tên hàng hoá,dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Giấy lẻ OCC (nội)	Kg	200.578	4.379	878.331.062
Cộng tiền hàng:					878.331.062
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		87.833.106
Tổng cộng tiền thanh toán:					966.164.168
Số tiền viết bằng chữ: <i>Chín trăm sáu mươi sáu triệu một trăm sáu mươi bốn nghìn một trăm sáu mươi tám đồng chẵn.</i>					
Người mua hàng (đã ký)		Người bán hàng (Đã ký)		Thủ trưởng đơn vị (đã ký)	

**Biểu 2.2: Biên bản kiểm nghiệm vật tư**

**BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM VẬT TƯ**      *Mẫu số 05 - VT*  
 Ngày 01/12/2010      QĐ 1141TC/QĐ/CDKT

Đơn vị: Công ty Cổ phần HAPACO H.P.P

Căn cứ vào hoá đơn số AR/2010E 0000893 ngày 01/12/2010 của Công ty TNHH Tấn Minh. Biên bản kiểm nghiệm gồm:

1. Ông Nguyễn Duy Mạnh - Phòng ĐHSX - trưởng ban.
2. Ông Nguyễn Quang - Phòng KCS - Ủy viên
3. Bà Nguyễn Thị Thuý - Thủ kho - Ủy viên.

Đã kiểm nghiệm các loại vật tư sau:

STT	Tên VT	ĐVT	Phương thức KK	Số lượng dtừ	Kết quả kiểm nghiệm			Ghi chú
					Số lượng thực tế kn	Số lượng đúng phẩm chất	Số lượng sai phẩm chất	
1	Giấy lẻ OCC (nội)	kg	cân	200.578	200.578	200.578	0	
	/							

Kết quả kiểm nghiệm: đều đúng quy cách, phẩm chất.

Trưởng ban  
(Đã ký)

Ủy viên  
(Đã ký)

Ủy viên  
(Đã ký)

**Biểu 2.3: Phiếu nhập kho số 12/01**

**Đơn vị: CÔNG TY CP HAPACO H.P.P**  
**Bộ phận: Kho Phế liệu**

**Mẫu số: 01-VT**  
**(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC**  
**Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**

**PHIẾU NHẬP KHO**

Ngày 01 tháng 12 năm 2010  
 Số: 12/01

Nợ: 1521  
 Có: 331

- Họ và tên người giao: Mai Ngọc Công
- Theo HĐ GTGT số AR/2010E 0000893 ngày 01 tháng 12 năm 2010 của Công ty TNHH Tấn Minh
- Nhập tại kho: Nguyên vật liệu chính

Số TT	Tên quy cách vật tư	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
1	Giấy lè OCC (nội)	OCC1	Kg	200.578	200.578	4.379	878.331.062
	/						
	Cộng						878.331.062

- Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Tám trăm bảy mươi tám triệu ba trăm ba mươi một nghìn không trăm sáu mươi hai đồng chẵn.

- Số chứng từ gốc kèm theo: 01 HĐ GTGT AR/2010E 0000893

Ngày 01 tháng 12 năm 2010

**Người lập phiếu**

(Ký, họ tên)

**Người giao hàng**

(Ký, họ tên)

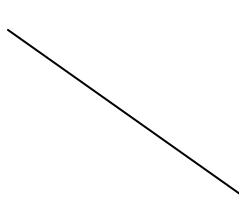
**Thủ kho**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.4: Hóa đơn GTGT số AR/2010E 0000905**

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2: Giao cho khách hàng Ngày 03 tháng 12 năm 2010		Mẫu số:01 GTKT-3LL AR/2010E 0000905			
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Tấn Minh Địa chỉ: Số 189- Nguyễn Văn Linh – Hải Phòng Số tài khoản: ..... Điện thoại:.....MST: <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>					
Họ tên người mua hàng: Mai Ngọc Công Tên đơn vị: Công ty Cổ phần HAPACO H.P.P Địa chỉ: Đại Bản, An Dương, Hải Phòng Số tài khoản: ..... Hình thức thanh toán: MST: <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>					
STT	Tên hàng hoá,dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Giấy lẻ ONP (nội)	Kg	80.705	5.863	473.173.415
					
Cộng tiền hàng:					473.173.415
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		47.317.342
Tổng cộng tiền thanh toán:					520.490.757
Số tiền viết bằng chữ: Năm trăm hai mươi triệu bốn trăm chín mươi nghìn bảy trăm năm mươi bảy đồng chẵn.					
Người mua hàng (đã ký)		Người bán hàng (Đã ký)		Thủ trưởng đơn vị (đã ký)	



**Biểu 2.5: Biên bản kiểm nghiệm vật tư**

**BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM VẬT TƯ**      Mẫu số 05 - VT  
Ngày 03/12/2010      QĐ 1141TC/QĐ/CDKT

Đơn vị: Công ty Cổ phần HAPACO H.P.P

Căn cứ vào hoá đơn số AR/2010E 0000905 ngày 03/12/2010 của Công ty TNHH Tấn Minh. Biên bản kiểm nghiệm gồm:

1. Ông Nguyễn Duy Mạnh - Phòng ĐHSX - trưởng ban.
2. Ông Nguyễn Quang - Phòng KCS - Ủy viên
3. Bà Nguyễn Thị Thuý - Thủ kho - Ủy viên.

Đã kiểm nghiệm các loại vật tư sau:

STT	Tên VT	ĐVT	Phương thức KK	Số lượng dtừ	Kết quả kiểm nghiệm			Ghi chú
					Số lượng thực tế kn	Số lượng đúng phẩm chất	Số lượng sai phẩm chất	
1	Giấy lẻ ONP (nội)	kg	cân	80.705	80.705	80.705	0	
	/							

Kết quả kiểm nghiệm: đều đúng quy cách, phẩm chất.

Trưởng ban  
(Đã ký)

Ủy viên  
(Đã ký)

Ủy viên  
(Đã ký)

**Biểu 2.6: Phiếu nhập kho số 12/04**

**Đơn vị: CÔNG TY CP HAPACO H.P.P**  
**Bộ phận: Kho Phế liệu**

**Mẫu số: 01-VT**  
**(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC**  
**Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**

**PHIẾU NHẬP KHO**

Ngày 03 tháng 12 năm 2010  
 Số: 12/04

Nợ: 1521  
 Có: 111

- Họ và tên người giao: Mai Ngọc Công
- Theo HĐ GTGT số AR/2010E 0000905 ngày 03 tháng 12 năm 2010 của Công ty TNHH Tấn Minh
- Nhập tại kho: Nguyên vật liệu chính

Số TT	Tên quy cách vật tư	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
1	Giấy lè ONP (nội)	ONP1	Kg	80.705	80.705	5.863	473.173.415
	/						
	Cộng						473.173.415

- Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Bốn trăm bảy mươi ba triệu một trăm bảy mươi ba nghìn bốn trăm mười lăm đồng chẵn.
- Số chứng từ gốc kèm theo: 01 HĐ GTGT AR/2010E 0000905

Ngày 03 tháng 12 năm 2010

**Người lập phiếu**  
 (Ký, họ tên)

**Người giao hàng**  
 (Ký, họ tên)

**Thủ kho**  
 (Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
 (Ký, họ tên)

**❖ Trình tự xuất kho nguyên vật liệu:**

Nguyên vật liệu tại công ty được dùng chủ yếu cho sản xuất. Các chứng từ liên quan đến nghiệp vụ xuất phải được phê chuẩn đầy đủ và hợp lệ.

Các chứng từ sử dụng:

- + Phiếu xuất kho
- + Phiếu xin lĩnh vật tư
- + Lệnh sản xuất (nếu có)

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất trong ngày, phân xưởng sản xuất lập Phiếu xin lĩnh vật tư. Phiếu này ghi rõ tên người lĩnh, lý do lĩnh, chi tiết loại vật tư, số lượng. Sau khi đã thông qua phòng cung ứng vật tư xét thấy nhu cầu hợp lý, thủ kho sẽ viết giấy xuất kho theo số lượng yêu cầu của phân xưởng. Phiếu xuất kho có thể được lập riêng cho từng loại vật tư hoặc lập cho nhiều loại cùng kho. Phiếu xuất kho được lập thành 2 liên:

- Liên 1: Thủ kho giữ làm căn cứ ghi vào thẻ kho
- Liên 2: Được gửi lên phòng Kế toán làm căn cứ ghi sổ
- **Trường hợp vật liệu mua về kém phẩm chất không đảm bảo chất lượng sản phẩm:** theo lệnh của giám đốc, phòng Thị trường thoả thuận với khách hàng lập hoá đơn giá trị gia tăng làm 3 liên. Công ty kiểm tra ký duyệt thanh toán rồi đưa liên 2 cho khách hàng. Thủ kho căn cứ vào hoá đơn tiến hành xuất vật tư giao cho khách hàng và cùng khách hàng kí vào liên 3. Liên 1 lưu ở phòng Kt – TT. Liên 3 thủ kho làm căn cứ ghi thẻ kho sau đó chuyển cho kế toán vật tư tính thành tiền và ghi sổ.

**Ví dụ 2.5:** Ngày 01/12/2010, căn cứ vào Phiếu xin lĩnh vật tư số 12/01 (**Biểu số 2.7**), thủ kho ghi Phiếu xuất kho số 12/01 (**Biểu số 2.8**).

**Ví dụ 2.6:** Ngày 03/12/2010, căn cứ vào Phiếu xin lĩnh vật tư số 12/04 (**Biểu số 2.9**), thủ kho ghi Phiếu xuất kho số 12/04 (**Biểu số 2.10**).

**Biểu số 2.7: Phiếu xin lĩnh vật tư số 12/01****PHIẾU XIN LĨNH VẬT TƯ****Số: 12/01**

Người đề nghị: Trần Đức Hiếu – Xưởng Bột

Đề nghị cung cấp vật tư với các chi tiết sau:

STT	Tên hàng hóa, quy cách, chất lượng	Số lượng (Đơn vị tính)	Mục đích sử dụng
1	Giấy lẻ OCC (nội)	360.070 Kg	Xuất cho Xưởng Bột để sản xuất

Ngày 01 tháng 12 năm 2010

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên)**Phòng Vật tư**  
(Ký, họ tên)**Người xin lĩnh**  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.8: Phiếu xuất kho số 12/01**

**Đơn vị: CÔNG TY CP HAPACO H.P.P**  
**Bộ phận:**

**Mẫu số: 02-VT**  
**(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC**  
**Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**

**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 01 tháng 12 năm 2010

Nợ: 6211

Số: 12/01

Có: 1521

- Họ và tên người nhận hàng: Ngô Thị Dung    Bộ phận: Xưởng Bột
- Lý do xuất kho: xuất dùng cho sản xuất sản phẩm
- Xuất tại kho: Phế liệu

Số TT	Tên quy cách vật tư	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Giấy lễ OCC (nội)	OCC1	Kg	360.070	360.070		
	Cộng			360.070	360.070		

- Tổng số tiền (Viết bằng chữ): .....

.....

Ngày 01 tháng 12 năm 2010

**Người lập phiếu**    **Người giao hàng**    **Thủ kho**    **Kế toán trưởng**    **Giám đốc**  
(Ký, họ tên)      (Ký, họ tên)      (Ký, họ tên)      (Ký, họ tên)      (Ký, họ tên)

**Biểu số 2.9: Phiếu xin lĩnh vật tư số 12/04**

**PHIẾU XIN LĨNH VẬT TƯ**

**Số: 12/04**

Người đề nghị: Trần Đức Hiếu – Xưởng Bột

Đề nghị cung cấp vật tư với các chi tiết sau:

STT	Tên hàng hóa, quy cách, chất lượng	Số lượng (Đơn vị tính)	Mục đích sử dụng
1	Giấy lè ONP (nội)	166.122 Kg	Xuất cho Xưởng Bột để sản xuất

Ngày 03 tháng 12 năm 2010

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên)

**Phòng Vật tư**  
(Ký, họ tên)

**Người xin lĩnh**  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.10: Phiếu xuất kho số 12/04**

**Đơn vị: CÔNG TY CP HAPACO H.P.P**  
**Bộ phận:**

**Mẫu số: 02-VT**  
**(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC**  
**Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**

**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 03 tháng 12 năm 2010

Nợ: 6211

Số: 12/04

Có: 1521

- Họ và tên người nhận hàng: Ngô Thị Dung    Bộ phận: Xưởng Bột
- Lý do xuất kho: xuất dùng cho sản xuất sản phẩm
- Xuất tại kho: Phế liệu

Số TT	Tên quy cách vật tư	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Giấy lè ONP (nội)	ONP1	Kg	166.122	166.122		
	Cộng			166.122	166.122		

- Tổng số tiền (Viết bằng chữ): .....

.....

Ngày 03 tháng 12 năm 2010

**Người lập phiếu**    **Người giao hàng**    **Thủ kho**    **Kế toán trưởng**    **Giám đốc**  
 (Ký, họ tên)      (Ký, họ tên)      (Ký, họ tên)      (Ký, họ tên)      (Ký, họ tên)



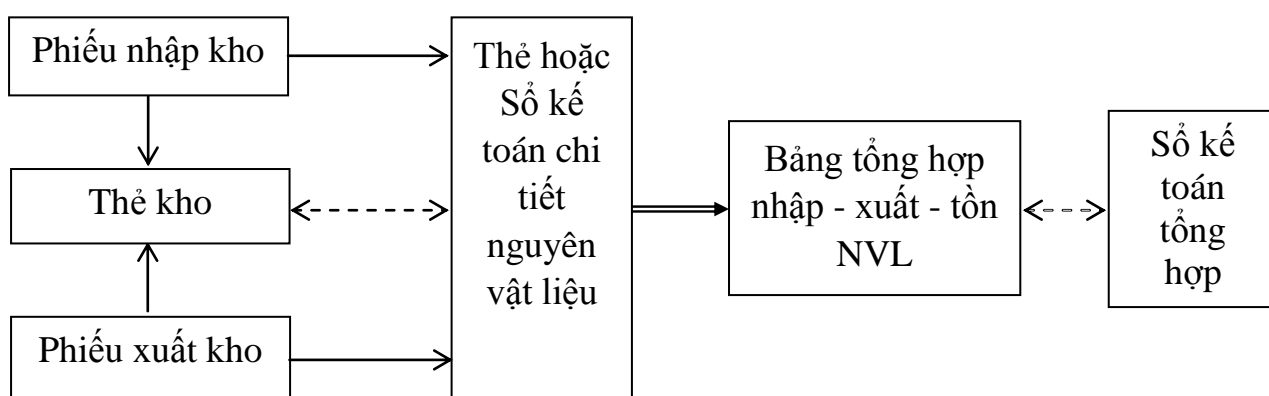
**2.2.3.2. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty CP HAPACO H.P.P:**

Nguyên vật liệu là một trong những yếu tố cơ bản trong quá trình sản xuất kinh doanh, tham gia thường xuyên và trực tiếp vào trong quá trình sản xuất sản phẩm, chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm, nên việc sử dụng nguyên vật liệu đúng mục đích và đúng kế hoạch có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc hạ thấp giá thành sản phẩm và thực hiện kế hoạch sản xuất.

Quá trình nhập – xuất vật liệu tại công ty diễn ra thường xuyên nên công ty đã lựa chọn hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song.

Trình tự kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty được mô tả theo sơ đồ sau:

***Sơ đồ 2.4: Sơ đồ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp ghi thẻ song song***



Ghi chú:      —————> Ghi hàng ngày, định kỳ  
                   ==> Ghi cuối tháng  
                   <-.-.-.-> Đối chiếu, kiểm tra

Kế toán chi tiết nguyên vật liệu được thực hiện song song giữa kho và phòng kế toán trong việc quản lý vật liệu để phản ánh chính xác, kịp thời, đầy đủ sự biến động của vật liệu làm cơ sở cho việc ghi sổ kế toán và kiểm tra, giám sát sự biến động của chúng. Cụ thể như sau:

**Tại kho:**

Việc theo dõi tình hình nhập – xuất – tồn kho do thủ kho tiến hành trên thẻ kho. Mỗi thẻ kho theo dõi một loại nguyên vật liệu và được mở từng tháng. Đầu tháng, thủ kho ghi số lượng tồn đầu kỳ căn cứ vào lượng tồn tháng trước. Hàng

ngày, căn cứ vào các chứng từ nhập, xuất, tồn kho được tập hợp cho từng loại nguyên vật liệu, thủ kho sẽ tiến hành ghi vào thẻ kho về mặt lượng, mỗi nghiệp vụ ghi một dòng trên thẻ kho, cuối ngày tính ra lượng tồn kho trong ngày. Cuối tháng, thủ kho cộng tổng số lượng nhập – xuất – tồn kho trong tháng của từng thứ nguyên vật liệu để đối chiếu với sổ kế toán chi tiết vật liệu do kế toán vật tư lập.

**Tại phòng kế toán:**

Hàng ngày, sau khi nhận được chứng từ do thủ kho chuyển đến, kế toán kiểm tra lại nội dung của chứng từ, xác định giá trị và hoàn chỉnh chứng từ. Sau khi kiểm tra thấy chứng từ đã đầy đủ, hợp lệ, kế toán vào các sổ sách chứng từ liên quan. Kế toán sử dụng các sổ chi tiết vật liệu để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn kho của từng thứ vật liệu theo cả chỉ tiêu số lượng và giá trị, mỗi chứng từ được ghi một dòng.

Cuối tháng, căn cứ vào các sổ chi tiết vật liệu để lập Bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn vật liệu và tiến hành so sánh số liệu giữa sổ kế toán chi tiết vật liệu với thẻ kho của thủ kho, với số liệu kiểm kê thực tế.

**Ví dụ 2.7:** (Tiếp VD 2.3, VD 2.4, VD 2.5 và VD 2.6)

- Ngày 01/12/2010:
  - + Căn cứ vào Phiếu nhập kho số 12/01 (**Biểu số 2.3**) và Phiếu xuất kho 12/01 (**Biểu số 2.8**), kế toán lập thẻ kho (**Biểu số 2.11**).
  - + Căn cứ vào Phiếu nhập kho số 12/01 (**Biểu số 2.3**) và Phiếu xuất kho 12/01 (**Biểu số 2.8**), kế toán ghi Sổ chi tiết vật liệu Giấy lẻ OCC (nội) (**Biểu số 2.12**).
- Ngày 03/12/2010:
  - + Căn cứ vào Phiếu nhập kho số 12/04 (**Biểu số 2.6**) và Phiếu xuất kho 12/04 (**Biểu số 2.9**), kế toán lập thẻ kho (**Biểu số 2.13**).
  - + Căn cứ vào Phiếu nhập kho số 12/04 (**Biểu số 2.6**) và Phiếu xuất kho 12/04 (**Biểu số 2.9**), kế toán ghi Sổ chi tiết vật liệu Giấy lẻ ONP (nội) (**Biểu số 2.14**).
- Cuối tháng, từ Sổ chi tiết kế toán vào Bảng tổng hợp nhập xuất tồn nguyên vật liệu (**Biểu số 2.15**).

**Biểu 2.11: Thẻ kho Giấy lẻ OCC (nội) tháng 12/2010**

Đơn vị: Công ty CP HAPACO H.P.P  
 Địa chỉ: Đại Bản, An Dương, Hải Phòng

Mẫu số S12-DN  
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
 ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**THẺ KHO**

Ngày lập thẻ: 01/12/2010

- Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Giấy lẻ OCC (nội)
- Đơn vị tính: Kg
- Mã số: OCC1

Số TT	NT	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập, xuất	Số lượng			Kỳ xác nhận của kế toán
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
				Tồn đầu tháng				<u>520.479</u>	
				Phát sinh trong tháng					
1	01/12	PN 12/01		Nhập kho giấy lẻ OCC (nội)	01/12	200.578		721.057	
2	01/12		PX 12/01	Xuất kho giấy lẻ OCC (nội) cho X.Bộ	01/12		360.070	360.987	
...	...	...	...	...		...	...	...	
				Cộng phát sinh trong tháng		768.380	1.019.348		
				Cộng cuối tháng				<u>269.511</u>	

**Thủ kho**  
 (Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
 (Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010  
**Giám đốc**  
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.12:** Sổ chi tiết vật liệu Giấy lễ tháng 12/2010

Đơn vị: Công ty CP HAPACO H.P.P  
Địa chỉ: Đại Bản, An Dương, Hải Phòng

Mẫu số S10-DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ**

Tháng 12 năm 2010

Tài khoản: 1521 Tên kho: Kho Phế liệu

Tên, quy cách nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ: Giấy lễ OCC (nội)

Đơn vị tính: Kg

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
SH	NT				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	
		SDDT		3.691					520.479	1.921.414.630	
PN 12/01	01/12	NK giấy OCC (nội)	331	4.379	200.578	878.331.062			721.057	2.799.745.692	
PX 12/01	01/12	XK giấy OCC (nội) cho X.Bột	6211	4.232			360.070	1.523.816.240	360.987	1.275.929.452	
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
		Cộng SPS			768.380	3.533.868.284	1.019.348	4.313.880.736			
		Tồn cuối tháng		4.235					269.511	1.141.402.178	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.13: Thẻ kho vật liệu Giấy lẻ ONP (nội) tháng 12/2010**

**Đơn vị: Công ty CP HAPACO H.P.P**  
**Địa chỉ: Đại Bản, An Dương, Hải Phòng**

**Mẫu số S12-DN**  
**(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC**  
**ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)**

**THẺ KHO**

Ngày lập thẻ: 03/12/2010

- Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Giấy lẻ ONP (nội)
- Đơn vị tính: Kg
- Mã số: ONP1

Số TT	NT	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập, xuất	Số lượng			Kỳ xác nhận của kế toán
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
				Tồn đầu tháng				<u>118.611,5</u>	
				Phát sinh trong tháng					
1	03/12	PN 12/04		Nhập kho giấy lẻ ONP (nội)	04/12	80.705		199.316,5	
2	03/12		PX 12/04	Xuất kho giấy lẻ ONP (nội) cho X.Bột để sản xuất	04/12		166.122	33.194,5	
	....		....	....	....	....	....	....	
				Cộng phát sinh trong tháng		143.635	180.547		
				Cộng cuối tháng				<u>81.699,5</u>	

**Thủ kho**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010  
**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.14:** Sổ chi tiết vật liệu Giấy lẻ ONP (nội) tháng 12/2010

Đơn vị: Công ty CP HAPACO H.P.P  
Địa chỉ: Đại Bản, An Dương, Hải Phòng

Mẫu số S10-DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ**

Tháng 12 năm 2010

Tài khoản: 1521 Tên kho: Kho Nguyên vật liệu chính

Tên, quy cách nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ: Giấy lẻ ONP (nội)

Đơn vị tính: Kg

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
SH	NT				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	
		SDDT		4.820					118.611,5	572.518.952	
PN 12/04	03/12	NK giấy ONP (nội)	111	5.863	80.705	473.173.415			199.316,5	1.045.692.367	
PX 12/04	03/12	XK giấy ONP (nội) cho X.Bột	6211	5.444			166.122	904.385.937	33.194,5	141.306.430	
		....			....	....	....	....	....	....	
		Cộng SPS			143.635	855.265.000	180.547	982.976.352			
		Tồn cuối tháng		5.440					81.699,5	444.807.600	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.15:** Bảng tổng hợp nhập xuất tồn nguyên vật liệu tháng 12/2010

**BẢNG TỔNG HỢP NHẬP XUẤT TỒN**

**Tài khoản: 152**

Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010

Tên NVL	Đơn vị tính	Đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ	
		Số lượng	Tiền	Số lượng	Tiền	Số lượng	Tiền	Số lượng	Tiền
<b>NVL chính</b>			<b>3.089.099.284</b>		<b>8.011.493.394</b>		<b>6.880.666.273</b>		<b>4.219.926.405</b>
Giấy lẻ OCC (nội)	Kg	520.479	1.921.414.630	768.380	3.533.868.284	1.019.348	4.313.880.736	269.511	1.141.402.178
Giấy lẻ ONP (nội)	Kg	118.611,5	572.518.952	143.635	855.265.000	180.547	982.976.352	81.699,5	444.807.600
....		....	....	....	....	....	....	....	....
<b>NVL phụ</b>			<b>3.055.461.332</b>		<b>2.734.614.033</b>		<b>3.540.907.349</b>		<b>2.249.168.016</b>
Bột đá CaCO3 TD: 03	Kg	16.623	16.505.144	13.000	13.236.366	21.802	21.889.220	7.821	7.852.290
....		....	....	....	....	....	....	....	....
<b>Tổng cộng</b>			<b>6.480.270.829</b>		<b>10.754.937.427</b>		<b>10.499.543.071</b>		<b>6.735.665.185</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Người lập**

(Đã ký)

**Kế toán trưởng**

(Đã ký)



**2.2.5. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại Công ty CP HAPACO H.P.P:**

Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu là việc phản ánh một cách tổng quát tình hình nhập xuất nguyên vật liệu thông qua các tài khoản kế toán.

Công ty CP HAPACO H.P.P sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên. Theo phương pháp này, tình hình biến động nhập – xuất – tồn kho nguyên vật liệu tại công ty được ghi chép, phản ánh một cách thường xuyên liên tục. Vì vậy, giá trị nguyên vật liệu của công ty trên sổ kế toán có thể được xác định ở bất cứ thời điểm nào trong kỳ hạch toán.

**2.2.5.1. Chứng từ sử dụng:**

Công ty áp dụng hệ thống chứng từ do Bộ tài chính ban hành sử dụng trong hạch toán nguyên vật liệu bao gồm các loại: Hóa đơn GTGT, phiếu nhập kho, phiếu xuất kho và các chứng từ khác có liên quan.

**2.2.5.2. Tài khoản sử dụng:**

- Tài khoản 152: Nguyên liệu, vật liệu.
  - +Tài khoản 1521: Nguyên vật liệu chính
  - +Tài khoản 1522: Nguyên vật liệu phụ
  - +Tài khoản 152 : Phụ tùng thay thế
- Các tài khoản liên quan: TK 111, TK 112, TK 133, TK 331, TK 141, TK 627, TK 632, TK 641, TK 642,...

**Tài khoản 152 – Nguyên liệu, vật liệu:** Tài khoản này dùng để phản ánh giá thực tế nguyên liệu, vật liệu nhập – xuất – tồn.

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 152:

**Bên Nợ:**

- Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu nhập kho do mua ngoài, tự chế biến, thuê gia công chế biến, nhận góp vốn hoặc từ các nguồn khác.
- Trị giá nguyên vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê.

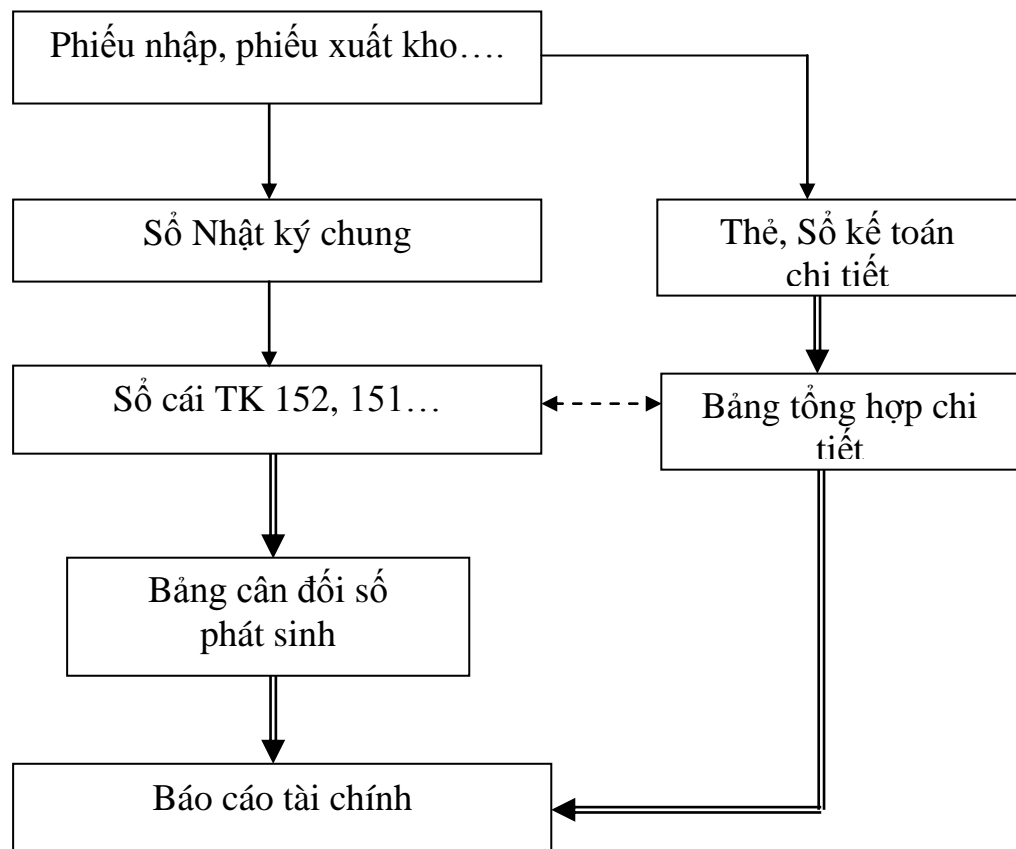
**Bên Có:**

- Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu xuất kho dùng vào sản xuất, kinh doanh, để bán, thuê gia công chế biến hoặc đưa đi góp vốn.
- Trị giá nguyên vật liệu trả lại người bán hoặc được giảm giá người mua.
- Chiết khấu thương mại nguyên vật liệu khi mua được hưởng.
- Trị giá nguyên vật liệu hao hụt, mất mát phát hiện khi kiểm tra.

**Số dư bên Nợ:** Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu trong kho cuối kỳ.

**2.2.5.3. Quy trình hạch toán:**

**Sơ đồ 2.5: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung**



**Ghi chú:**

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi cuối tháng
- ←- - - -> Quan hệ đối chiếu

**Ví dụ (Tiếp theo các ví dụ trên):**

- Ngày 01/12/2010, căn cứ vào Phiếu nhập kho số 12/01 (**Biểu số 2.3**) và Phiếu xuất kho 12/01 (**Biểu số 2.8**), kế toán ghi chép nghiệp vụ vào Sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.16**).
- Ngày 03/12/2010, căn cứ vào Phiếu nhập kho số 12/04 (**Biểu số 2.6**) và Phiếu xuất kho 12/04 (**Biểu số 2.9**), kế toán ghi chép nghiệp vụ vào Sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.16**).
- Từ Sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.16**), kế toán vào sổ:
  - + Sổ Cái TK 152 (**Biểu số 2.17**)
  - + Sổ Cái TK 331 (**Biểu số 2.18**)
  - + Sổ Cái TK 111 (**Biểu số 2.19**)
  - + Sổ Cái TK 621 (**Biểu số 2.20**)
  - + Sổ Cái TK 133 (**Biểu số 2.21**)
  - + Sổ chi tiết thanh toán với người bán (**Biểu số 2.22**)
  - + Bảng tổng hợp thanh toán với người bán (**Biểu số 2.23**)

**Biểu số 2.16:** Trích Sổ nhật ký chung tháng 12

Đơn vị: Công ty CP HAPACO H.P.P

Địa chỉ: Đại Bản, An Dương, Hải Phòng

Mẫu số S03a1-DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÍ CHUNG**

Tháng 12 năm 2010

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi Sổ Cái	STT dòng	SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
01/12	PN 12/01		Mua giấy OCC (nội) của công ty TNHH Tấn Minh, chưa trả tiền			1521 133 331	878.331.062 87.833.106	966.164.168
01/12		PX 12/01	Xuất kho giấy OCC (nội) cho X.Bộ sản xuất			6211 1521	1.523.816.240	1.523.816.240
...	...	...	...	...	...	...	...	...
03/12	PN 12/04		Mua giấy OCC (nội) của công ty Tấn Minh, trả bằng TM			1521 133 111	473.173.415 47.317.342	520.490.757
03/12		PX 12/04	Xuất kho giấy ONP (nội) cho X.Bộ sản xuất			6211 1521	904.385.937	904.385.937
...	...	...	...	...	...	...	...	...
			Cộng chuyển sang trang sau				6.598.736.000	6.598.736.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

**Biểu 2.17: Sổ Cái TK 152 tháng 12/2010**

**Đơn vị: Công ty CP HAPACO H.P.P**  
**Địa chỉ: Đại Bản, An Dương, Hải Phòng**

**Mẫu số S03b-DN**  
**(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC**  
**ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)**

**SỔ CÁI**  
**Tháng 12 năm 2010**  
**Tên tài khoản: Nguyên vật liệu**  
**Số hiệu: 152**

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SH TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		TS	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng				<u>6.480.270.829</u>	
			Số phát sinh trong tháng					
01/12	PN 12/01		Nhập kho giấy OCC (nội)			331	878.331.062	
01/12	PX 12/01		Xuất kho giấy OCC (nội) cho X.Bột			6211		1.523.816.240
...	...	...	...	...	...	...	...	...
03/12	PN 12/04		Nhập kho giấy ONP (nội)			111	473.173.415	
03/12	PX 12/04		Xuất kho giấy ONP (nội) cho X.Bột			6211		904.385.937
...	...	...	...	...	...	...	...	...
			Cộng số phát sinh tháng				10.754.937.427	10.499.543.071
			Số dư cuối tháng				<u>6.735.665.185</u>	

**Người ghi sổ**  
 (Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
 (Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010  
**Giám đốc**  
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.18:** Sổ Cái TK 331 tháng 12/2010

Đơn vị: Công ty CP HAPACO H.P.P  
Địa chỉ: Đại Bản, An Dương, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tháng 12 năm 2010

Tên tài khoản: Phải trả người bán

Số hiệu: 331

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SH TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		TS	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng					<u>98.675.090</u>
			Số phát sinh trong tháng					
01/12	HĐ AR/2010E 0000893		Mua giấy lẻ OCC của Công ty TNHH Tấn Minh			1521 133		878.331.062 87.833.106
...	...	...	...	...	...	...	...	...
			Cộng số phát sinh tháng				3.000.723.667	3.728.925.405
			Số dư cuối tháng					<u>826.876.828</u>

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010  
Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.19:** Sổ Cái TK 111 tháng 12/2010

Đơn vị: Công ty CP HAPACO H.P.P  
Địa chỉ: Đại Bản, An Dương, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tháng 12 năm 2010

Tên tài khoản: Phải trả người bán

Số hiệu: 111

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SH TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		TS	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng				<u>68.544.683</u>	
			Số phát sinh trong tháng					
03/12	HĐ AR/2010E 0000905		Mua giấy lễ ONP của Công ty TNHH Tấn Minh			1521		473.173.415
...	...	...	...	...	...	...	...	...
			Cộng số phát sinh tháng				703.051.000	661.820.000
			Số dư cuối tháng				<u>109.775.683</u>	

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010  
Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



**Biểu 2.20:** Sổ Cái TK 621 tháng 12/2010

Đơn vị: Công ty CP HAPACO H.P.P

Địa chỉ: Đại Bản, An Dương, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tháng 12 năm 2010

Tên tài khoản: Phải trả người bán

Số hiệu: 621

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SH TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		TS	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng				-	-
			Số phát sinh trong tháng					
01/12	PX 12/01	01/12	Xuất kho giấy OCC (nội) cho X.Bột sản xuất			1521	1.523.816.240	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
03/12	PX 12/04	03/12	Xuất kho giấy ONP (nội) cho X.Bột sản xuất			1521	904.385.937	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
31/12			Chi phí sản xuất dở dang			154		6.651.485.107
			Cộng số phát sinh tháng				6.651.485.107	6.651.485.107
			Số dư cuối tháng				-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.21:** Sổ Cái TK 133 tháng 12/2010

Đơn vị: Công ty CP HAPACO H.P.P  
Địa chỉ: Đại Bản, An Dương, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**  
Tháng 12 năm 2010  
Tên tài khoản: Thuế GTGT đầu vào  
Số hiệu: 133

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SH TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		TS	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng				83.544.683	
			Số phát sinh trong tháng					
01/12	HĐ AR/2010E 0000893		Mua giấy lễ OCC của Công ty TNHH Tấn Minh			331	87.833.106	
03/12	HĐ AR/2010E 0000905		Mua giấy lễ ONP của Công ty TNHH Tấn Minh			111	47.317.342	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
			Cộng số phát sinh tháng				672.051.060	599.820.000
			Số dư cuối tháng				155.775.743	

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010  
Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.22:** Sổ chi tiết thanh toán với người bán tháng 12/2010

Đơn vị: Công ty CP HAPACO H.P.P  
Địa chỉ: Đại Bản, An Dương, Hải Phòng

Mẫu số S31-DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN**

Tài khoản: 331-TM

Đối tượng: Công ty TNHH Tấn Minh

Loại tiền: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Thời hạn được chiết khấu	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ						<u>100.256.971</u>
			Số phát sinh trong kỳ						
01/12	HĐ AR/2010E 0000893	01/12	Mua giấy lẻ OCC của Công ty TNHH Tấn Minh	1521 133			878.331.062 87.833.106		
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
			Cộng số phát sinh			2.397.211.054	2.533.143.306		
			Số dư cuối kỳ						<u>236.189.223</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.23:** *Bảng tổng hợp thanh toán với người bán tháng 12/2010*

Công ty Cổ phần HAPACO H.P.P

**BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN**

*Tháng 12 năm 2010*

STT	Tên người bán	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Công ty CP Sơn Hải Phòng	-	2.567.800	5.000.000	5.335.090	-	2.902.890
2	Công ty TNHH Tấn Minh	-	100.256.971	2.397.211.054	2.533.143.306	-	236.189.223
3	Công ty TNHH TM Phúc Long	-	13.392.000	-	-	-	13.392.000
4	Công ty TNHH Thuận Phát Hưng	-	38.500.000	30.000.000	14.600.000	-	23.100.000
	....	....	....	....	....	....	....
	<b>Cộng</b>	-	<b>2.357.675.982</b>	<b>3.102.898.258</b>	<b>2.945.987.554</b>	-	<b>2.200.765.278</b>

**Người ghi sổ**  
*(Ký, họ tên)*

*Ngày 31 tháng 12 năm 2010*  
**Kế toán trưởng**  
*(Ký, họ tên)*

**2.2.6. Công tác kiểm kê nguyên vật liệu:**

Mục đích của việc kiểm kê vật liệu là để xác định lại số lượng, giá trị và chất lượng của vật tư trong kho, phát hiện chênh lệch giữa sổ sách với thực tế nhằm bảo vệ tài sản và chấn chỉnh công tác quản lý vật tư ở công ty.

Cũng như các doanh nghiệp khác, theo quy định của Nhà nước mỗi năm Công ty CP HAPACO H.P.P tiến hành kiểm kê hàng tồn kho và các tài sản khác một lần vào cuối mỗi năm. Trước mỗi lần kiểm kê, được sự thông báo của hội đồng kiểm kê, thủ kho phải hoàn tất thẻ kho để tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm kê. Đồng thời, ở phòng kế toán, các sổ kế toán về vật tư đều được khóa sổ sau khi kế toán tính ra giá trị tồn kho của vật tư. Thông qua việc cân, đo, đong, đếm,... hội đồng kiểm kê phát hiện kết quả kiểm kê trên biên bản kiểm kê vật tư. Căn cứ vào biên bản kiểm kê này, giám đốc công ty cùng với hội đồng kiểm kê sẽ có những quyết định thích hợp như: thanh lý, nhượng bán, quyết định đòi bồi thường nếu các cá nhân làm mất hoặc hỏng ... Căn cứ vào các biên bản xử lý kết quả kiểm kê kế toán tiến hành ghi sổ cho niên độ mới tiếp theo.

Biên bản được lập thành 2 bản:

- 1 bản phòng kế toán lưu
- 1 bản thủ kho lưu

Nhìn chung công tác quản lý vật tư của công ty là khá tốt nên không có trường hợp mất mát, chỉ có một vài trường hợp thiếu, bị hư hỏng do nguyên nhân khách quan.

**Ví dụ 9:** Theo kết quả kiểm kê nguyên vật liệu ngày 31/12/2010, hội đồng kiểm kê lập biên bản kiểm kê vật liệu (***Biểu 2.2.22***)

**Biểu 2.24: Biên bản kiểm kê vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa**

**BIÊN BẢN KIỂM KÊ VẬT TƯ, CÔNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA**

- Thời điểm kiểm kê: 8 giờ ngày 31 tháng 12 năm 2010

- Ban kiểm kê gồm:

Ông/ Bà: Hoàng Văn Đông

Chức vụ: Trưởng phòng KCS

Đại diện: Phòng KCS

Trưởng ban

Ông/ Bà: Đặng Thị Phương

Chức vụ: Thủ kho

Đại diện: Phòng Vật tư

Ủy viên

Ông/ Bà: Phạm Thị Hồng

Chức vụ: Kế toán trưởng

Đại diện: Phòng Kế toán

Ủy viên

- Đã kiểm kê kho nguyên vật liệu chính có những mặt hàng dưới đây:

S T T	Tên, nhãn hiệu, quy cách NVL	Mã số	Đơn vị tính	Đơn giá	Theo sổ kế toán		Theo kiểm kê		Chênh lệch				Phẩm chất		
					Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Thừa		Thiếu		Còn tốt 100%	Kém phẩm chất	Mất phẩm chất
									SL	TT	SL	TT			
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Giấy lẻ OCC (nội)	OCC1	Kg	4.256	269.511	1.147.291.174	269.511	1.147.291.174	-	-	-	-			
2	Giấy lẻ ONP (nội)	ONP1	Kg	5.444	81.699	444.807.600	81.699	444.807.600	-	-	-	-			
...	....														
	<b>Cộng</b>					<b>6.735.665.185</b>		<b>6.735.665.185</b>							

Chúng tôi cùng thống nhất với số lượng hàng đã kiểm kê trên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Giám đốc**

(Ý kiến giải quyết số chênh lệch)

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Thủ kho**

(Ký, họ tên)

**Trưởng ban kiểm kê**

(Ký, họ tên)

### **CHƯƠNG 3: MỘT SỐ NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HAPACO H.P.P**

#### **3.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác quản lý sử dụng nguyên vật liệu:**

Nền kinh tế thị trường với những đổi mới thực sự trong cơ chế quản lý tài chính đã khẳng định vai trò vị trí của thông tin kế toán trong doanh nghiệp. Kế toán là một công cụ hữu hiệu nhất để điều hành, quản lý, kiểm tra, tính toán hiệu quả các hoạt động sản xuất, kinh doanh trong doanh nghiệp.

Khi xu thế cạnh tranh ngày càng lành mạnh giữa các doanh nghiệp, giá cả là yếu tố cốt yếu quyết định “số phận” của sản phẩm, lợi nhuận của công ty. Như chúng ta đã biết, nguyên vật liệu thường chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Hạch toán kế toán nguyên vật liệu đầy đủ, chính xác là một trong những yếu tố đảm bảo cho giá thành được phản ánh chân thực. Trên cơ sở đó các nhà quản lý phân tích và tìm cách tiết kiệm nguyên vật liệu để giảm giá thành, tăng năng lực cạnh tranh, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp. Chính vì vậy, công tác hạch toán kế toán nguyên vật liệu là một phần hành không thể thiếu trong các doanh nghiệp sản xuất.

Công ty CP HAPACO H.P.P mặc dù có rất nhiều cố gắng trong tổ chức công tác quản lý, sử dụng và hạch toán kế toán nguyên vật liệu, song vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục để đáp ứng hơn nữa yêu cầu cung cấp đầy đủ, kịp thời và đồng bộ nguyên vật liệu cho sản xuất, dự trữ và sử dụng nguyên vật liệu hợp lý, tiết kiệm, ngăn ngừa các hiện tượng hao hụt, mất mát, lãng phí nguyên vật liệu trong tất cả các khâu của quá trình sản xuất kinh doanh. Từ đó tạo ra những sản phẩm chất lượng cao, giá thành hạ, đáp ứng nhu cầu của thị trường, tăng lợi nhuận cho công ty. Do đó, việc nghiên cứu các biện pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý, sử dụng và hạch toán kế toán nguyên vật liệu tại công ty là vô cùng quan trọng.

**3.2. Nhận xét và đánh giá khái quát công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty CP HAPACO H.P.P:**

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay và đặc biệt là nước ta đã gia nhập các tổ chức kinh tế quốc tế (như WTO, APEC...), việc hội nhập này đòi hỏi tất cả các doanh nghiệp phải thay đổi cách nhìn nhận về một sân chơi mới và có tính chuyên nghiệp cao.

Trước những thách thức và cơ hội này, Công ty CP HAPACO H.P.P đã từng bước khẳng định tính độc lập và tự chủ trong kinh doanh. Công ty đã biết khai thác phát huy, sử dụng có hiệu quả nội lực tiềm năng đem đến từ bên ngoài thu được bằng thắng lợi rõ rệt về mọi mặt:

- Sản xuất kinh doanh có hiệu quả.
- Đảm bảo đời sống cho cán bộ công nhân viên,
- Làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.
- Sắp xếp, tổ chức lại lực lượng sản xuất.
- Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, công nhân viên có tay nghề cao.

Công ty CP HAPACO H.P.P mới thành lập được hơn 5 năm nên có thể nói thành tích mà công ty đạt được trong thời gian qua có ý nghĩa rất lớn với sự phát triển của công ty trong tương lai.

Một doanh nghiệp với đặc điểm nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm nên công tác quản lý, sử dụng và hạch toán nguyên vật liệu có vị trí hết sức quan trọng trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất. Qua quá trình nghiên cứu thực tế về công tác quản lý, sử dụng và hạch toán kế toán nguyên vật liệu tại công ty cho thấy công ty có rất nhiều cố gắng trong việc nỗ lực nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất kinh doanh nhằm đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế thị trường. Song qua thời gian thực tập nghiên cứu tại công ty CP HAPACO H.P.P, em nhận thấy trong công tác quản lý, sử dụng và hạch toán kế toán nguyên vật liệu ở đây đã có những ưu điểm nhưng cũng còn tồn tại một số hạn chế, em xin mạnh dạn đưa ra dưới đây, rất mong công ty tiếp tục



phát huy những ưu điểm đồng thời nhanh chóng khắc phục những nhược điểm để hoàn thiện hơn nữa công tác quản lý, sử dụng và hạch toán nguyên vật liệu trong thời gian tới.

### **3.2.1. Ưu điểm:**

Trải qua thời gian tồn tại và phát triển, Công ty CP HAPACO H.P.P đã thường xuyên đổi mới phương thức quản lý, đáp ứng yêu cầu không ngừng mở rộng quy mô sản xuất, chiếm được lòng tin của khách hàng. Việc xây dựng được cơ cấu quản lý phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty đã phục vụ đắc lực cho quá trình sản xuất, mang lại cho công ty một khoản lợi nhuận đáng kể, góp phần nâng cao đời sống của cán bộ công nhân viên và đóng góp một phần không nhỏ vào ngân sách của Nhà nước.

#### **- Về tổ chức quản lý kinh doanh:**

Với ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất giấy Duplex, giấy Kraft và giấy Duplex tráng phan, để tổ chức sản xuất công ty có hai phân xưởng chính là nơi đặt hệ thống máy sản xuất. Để đáp ứng được nhu cầu của thị trường, công ty đã không ngừng nâng cấp đầu tư dây chuyền công nghệ, thiết bị hiện đại tạo ra những sản phẩm có chất lượng cao, giá cả cạnh tranh. Sản phẩm của công ty được sản xuất ra từ những nguồn nguyên vật liệu tốt trong và ngoài nước.

#### **- Về tổ chức bộ máy quản lý:**

Với bộ máy quản lý được tổ chức gọn nhẹ thống nhất từ trên xuống dưới, công ty đã xây dựng quản lý theo hình thức trực tuyến – chức năng và hạch toán phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường, chủ động trong sản xuất kinh doanh, đảm bảo đứng vững trong điều kiện hiện nay. Với mô hình này các phòng ban nghiệp vụ có chức năng tham mưu và giúp việc cho giám đốc hoặc phó giám đốc, trực tiếp phụ trách các vấn đề thuộc chuyên môn nghiệp vụ của mình, đồng thời các phân xưởng bố trí thực hiện nhiệm vụ sản xuất từ công ty đưa xuống đảm bảo số lượng được giao.

#### **- Về tổ chức bộ máy kế toán:**

Công ty CP HAPACO H.P.P hiện có bộ máy kế toán tổ chức tương đối gọn nhẹ, hoạt động hiệu quả, thực hiện theo đúng chế độ hiện hành, phù hợp với quy mô của công ty theo mô hình trực tuyến chức năng. Với hình thức tổ chức kế toán tập trung, bộ máy kế toán đã phát huy hiệu quả của mình trong việc tăng cường hạch toán phục vụ cho quản lý công tác kế toán nguyên vật liệu.

Trong phòng Kế toán, các nhân viên kế toán có trình độ tay nghề phù hợp, nhiệt tình với công việc đã tạo điều kiện tốt cho công tác hạch toán.

Trong công tác hạch toán có sự phân công nhiệm vụ cụ thể đến từng cán bộ với từng phần hành kế toán một cách hợp lý. Các nhân viên kế toán phải chịu trách nhiệm trực tiếp trước kế toán trưởng về phần hành của mình, đảm bảo cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng kịp thời cho đối tượng sử dụng.

Cùng với sự nỗ lực phấn đấu của toán bộ cán bộ công nhân viên trong công ty, tập thể cán bộ phòng kế toán không ngừng trau dồi kinh nghiệm, trình độ nghiệp vụ của mình từ việc thu nhận, xử lý, nhập dữ liệu và công tác kết chuyển cuối tháng, tính giá thành sản phẩm, xác định kết quả kinh doanh. Việc sử dụng các chứng từ cũng như trình tự luân chuyển chứng từ thực hiện theo đúng quy định của Bộ tài chính ban hành. Thực hiện các chế độ hạch toán kinh tế, nộp thuế và các khoản nộp Ngân sách Nhà nước.

- **Về hình thức kế toán, chứng từ, sổ sách:**

Hình thức kế toán công ty áp dụng là hình thức Nhật ký chung. Đây là hình thức đơn giản phù hợp với quy mô của doanh nghiệp. Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, đây là phương pháp đang được sử dụng phổ biến ở nước ta. Công ty vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính. Hệ thống chứng từ được lập, kiểm tra, luân chuyển phù hợp với nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đồng thời phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính xác, đảm bảo thông tin nhanh nhạy, hiệu quả.

Hiện nay, công ty thực hiện việc lập báo cáo kết quả kinh doanh một năm

một lần, song hàng tháng công ty vẫn thực hiện xác định kết quả kinh doanh cho tháng đó và lập báo cáo quản trị để gửi lên ban lãnh đạo công ty để kịp thời theo dõi, đánh giá và có những biện pháp hữu hiệu nhất để có thể tăng doanh thu trong năm tới. đây là việc làm tốt công ty cần phát huy và thực hiện thường xuyên.

- ***Về công tác kế toán nguyên vật liệu:***

Góp phần làm nên vị trí quan trọng của Phòng Kế toán hôm nay phải kể đến bộ phận kế toán nguyên vật liệu đã phản ánh chặt chẽ, toàn diện tài sản, tiền vốn của công ty, cung cấp thông tin một cách chính xác và kịp thời, phục vụ tốt cho công tác quản lý, phân tích lập kế hoạch và công tác lãnh đạo. Công ty đã xây dựng được định mức sản xuất cho từng loại nguyên vật liệu nên đảm bảo cho việc tập hợp chi phí và tính giá thành. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán nguyên vật liệu, phương pháp này có nhiều ưu điểm vì hàng tồn kho, đặc biệt là nguyên vật liệu luôn được theo dõi, kiểm tra thường xuyên, liên tục, kịp thời, phù hợp với đặc điểm, lĩnh vực sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp sản xuất. Phương pháp hạch toán này đã giúp công ty quản lý, theo dõi kiểm tra nguyên vật liệu chính xác kịp thời hơn. Để hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, công ty áp dụng phương pháp thẻ song song. Với phương pháp này giúp cho phòng kế toán có thể theo dõi chặt chẽ từng loại nguyên vật liệu đồng thời việc kiểm tra, đối chiếu các sổ, các chứng từ cũng đơn giản. Các thẻ kho, sổ chi tiết và các loại sổ sách chi tiết khác có liên quan của phương pháp này được công ty mở và ghi chép đúng mẫu, kịp thời và đầy đủ.

- ***Về công tác quản lý và sử dụng nguyên vật liệu:***

Để tồn tại và phát triển ổn định công ty coi công tác quản lý là nhiệm vụ quán triệt hàng đầu, đặc biệt chú trọng công tác quản lý, hạch toán hàng tồn kho.

+ ***Công tác thu mua:*** Công ty có bộ phận chuyên chịu trách nhiệm thu mua và bốc xếp từ nơi bán về đến kho của doanh nghiệp, nguồn thu mua của công ty là tương đối ổn định với nhiều nhà cung cấp đảm bảo cho nguyên vật liệu luôn đáp ứng nhu cầu sản xuất, ít có trường hợp bị ép giá hoặc thiếu nguyên vật liệu cho

sản xuất. trong khâu nhập kho vật liệu, công ty đảm bảo có sự giám sát chặt chẽ giữa phòng kế toán với bộ phận thu mua và thủ kho bằng hóa đơn GTGT, biên bản kiểm nghiệm vật tư, phiếu nhập kho để xác định chính xác, đầy đủ về mặt số lượng cũng như giá trị nguyên vật liệu nhập kho.

+ *Khâu sử dụng:* Công ty căn cứ vào định mức nguyên vật liệu và kế hoạch tiêu thụ để chủ động có kế hoạch mua vật tư nên lượng tồn kho rất ít, giảm chi phí lưu kho, vốn không ứ đọng, giá thành sản phẩm sẽ hạ bớt phần nào.

Nguyên vật liệu được quản lý chặt chẽ, mọi nhu cầu sản xuất được lập kế hoạch từ trước và được giám đốc thông qua. Công tác xuất đảm bảo đủ giấy tờ, các phiếu, lệnh xuất. trong khâu xuất kho, công ty đòi hỏi sự chi tiết, rõ ràng và hợp lý về bộ phận sử dụng và mục đích sử dụng nguyên vật liệu cũng như mối liên hệ thông nhất giữa bộ phận sử dụng, thủ kho, phòng kế toán thông qua phiếu yêu cầu xuất vật tư, phiếu xuất kho, thẻ kho...

Chính sự thống nhất, chặt chẽ trong thủ tục nhập, xuất kho nguyên vật liệu đã giúp cho công tác quản lý, hạch toán nguyên vật liệu tại công ty được chính xác, đảm bảo vật liệu được sử dụng hợp lý, tiết kiệm chi phí trong sản xuất.

Dưới đây là bảng định mức kỹ thuật:

CÔNG TY CỔ PHẦN HAPACO H.P.P

**BẢNG ĐỊNH MỨC KỸ THUẬT**

**I) ĐỊNH MỨC NGUYÊN LIỆU.**

**A – Tỷ lệ phần trăm khối lượng các loại nguyên liệu có trong 1 tấn sản phẩm:**

**NGUYÊN LIỆU CHÍNH**

- LÈ TRẮNG (J1) : 15%
- LÈ GIẤY BÁO (J2,4) : 24%
- HÓA CHẤT TRẮNG PHẦN : 15%
- LÈ HÒM HỘP CARTON (J3) : 46%

**B – Định mức tỷ lệ hao hụt nguyên liệu chính trong sản xuất:**

- LÈ TRẮNG (J1) : 15%
- LÈ GIẤY BÁO (J2,4) : 30%
- HÓA CHẤT TRẮNG PHẦN : 15%
- LÈ HÒM HỘP CARTON (J3) : 30%

**II) ĐỊNH MỨC TÊU HAO NĂNG LƯỢNG.**

- Tiêu hao điện : 850 kwh / Tấn sản phẩm
- Tiêu hao than : 550 kwh / Tấn sản phẩm

**III) ĐỊNH MỨC HÓA CHẤT PHỤ TRỢ VÀ VẬT TƯ THAY THẾ.**

- 300.000 đ / Tấn sản phẩm

**IV) ĐỊNH MỨC TIỀN CÔNG LAO ĐỘNG TRỰC TIẾP**

- 280.000 đ / Tấn sản phẩm

Ngày 01 tháng 01 năm 2010

GIÁM ĐỐC

+ *Công tác bảo quản:* Công ty hiện có 2 kho để bảo quản và dự trữ, các kho đều được xây dựng nơi thoáng mát, sạch sẽ đảm bảo nguyên vật liệu được bảo quản tốt nhất, hạn chế ảnh hưởng của thời tiết, nhân viên thủ kho và bảo vệ có tinh thần trách nhiệm cao và trình độ chuyên môn tốt.

- Với nguyên vật liệu chính: giấy lè, giấy xén trắng ... là những vật liệu dễ bắt lửa, dễ bị ngấm nước nên không thể để ngoài trời. Công ty đã xây dựng một hệ thống kho làm nơi cất giữ vật liệu. Công ty cũng rất quan tâm tới vấn đề an toàn phòng cháy chữa cháy trong kho. Trong kho, các loại giấy lè, giấy xén trắng được phân loại và để riêng biệt => thuận tiện cho việc quản lý về số lượng nhập, xuất, tồn. Kho này có một thủ kho phụ trách và chịu sự quản lý trực tiếp của phòng Vật tư.

- Với nguyên vật liệu phụ, phụ tùng thay thế và công cụ dụng cụ, Công ty có những kho riêng biệt cho từng loại và có một thủ kho riêng phụ trách các kho này. Đặc điểm của nguyên vật liệu phụ, phụ tùng thay thế và công cụ dụng cụ là tuy số lượng ít nhưng rất đa dạng về chủng loại; điều này đã tạo nên khó khăn trong công tác quản lý.

### **3.2.2. Những mặt hạn chế còn tồn tại:**

*Thứ nhất, về việc luân chuyển chứng từ:* Việc luân chuyển chứng từ giữa phòng kinh doanh, phòng kế toán và thủ kho diễn ra thường xuyên, tuy nhiên, giữa các bộ phận, phòng ban này đều không có biên bản giao nhận, dễ xảy ra tình trạng mất mát chứng từ. Khi xảy ra mất mát chứng từ lại không biết quy trách nhiệm cho ai để xử lý, làm cho cán bộ công nhân viên thiếu trách nhiệm, buông lỏng việc quản lý chứng từ.

*Thứ hai, khâu thu mua và vận chuyển:* Trong quá trình thu mua và vận chuyển của công ty còn để nguyên vật liệu rơi vãi, tuy thủ kho đã có biện pháp quét dọn thu hồi nhưng với đặc điểm dễ rơi vãi thì công việc thu hồi vẫn không thể đảm bảo không có sự thất thoát. Như vậy sẽ dẫn đến lãng phí một lượng đáng kể và làm cho chi phí nguyên vật liệu tăng lên, giá thành sản phẩm tăng lên, làm ảnh

hưởng đến lợi nhuận của công ty. Mặt khác, lượng nguyên vật liệu hao hụt này được hạch toán vào Tài khoản 627 – Chi phí sản xuất chung, là sai nguyên tắc.

**Thứ ba, công ty vẫn thực hiện thủ tục nhập, xuất kho nguyên vật liệu mua về không qua kho:** việc hạch toán nguyên vật liệu đôi khi còn mang tính rườm rà như việc mua nguyên vật liệu dùng ngay cho sản xuất, kế toán không hạch toán thẳng vào chi phí nguyên vật liệu mà tiến hành làm thủ tục nhập kho sau đó mới làm thủ tục xuất kho. Do đó phải mất nhiều công sức và thời gian cho công việc này.

**Thứ tư, chưa lập sổ danh điểm vật tư để phục vụ cho việc quản lý vật tư:** Do nguyên vật liệu trong công ty rất đa dạng phong phú nên công ty đã tiến hành phân loại nguyên vật liệu thành:

- Nguyên vật liệu chính
- Nguyên vật liệu phụ
- Phụ tùng thay thế

Mặc dù có sự phân loại này nhưng phòng kế toán không lập sổ danh điểm vật tư.

**Thứ năm, về việc lập bảng phân bổ vật liệu:** Việc lập bảng phân bổ vật liệu của đơn vị không phản ánh từng loại vật liệu mà phản ánh tổng cộng Cho tài khoản 152, cách làm trên gây khó khăn trong việc quản lý vật liệu của doanh nghiệp.

**Thứ sáu, về việc ứng dụng phần mềm kế toán:** Mặc dù công ty đã trang bị hệ thống máy tính cho phòng kế toán nhưng chỉ giúp cho phần tính toán đơn thuần còn việc hạch toán chủ yếu vẫn thực hiện thao tác thủ công nên khối lượng công việc mà kế toán phải làm là rất vất vả. Điều này sẽ ảnh hưởng tới tiến độ thực hiện công việc và độ chính xác của số liệu.

### **3.3. Một số biện pháp góp phần hoàn thiện công tác quản lý, sử dụng kế toán nguyên vật liệu tại Công ty CP HAPACO H.P.P:**

Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu trước hết phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Các biện pháp hoàn thiện phải xây dựng trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài



chính, tôn trọng chế độ kế toán tài chính hiện hành tổ chức công tác kế toán ở các đơn vị kinh tế được phép vận dụng và cải tiến cho phù hợp với tình hình quản lý ở đơn vị mình, không bắt buộc phải dập khuôn theo chế độ nhưng trong khuôn khổ nhất định vẫn phải tôn trọng về quản lý tài chính.

- Hoàn thiện công tác kế toán phải phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp, phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hoàn thiện nhưng vẫn phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí vì mục đích của doanh nghiệp xét cho đến cùng là lợi nhuận.

Như vậy, trên cơ sở những yêu cầu của việc hoàn thiện và tình hình quản lý nguyên vật liệu tại công ty, em xin đưa ra một số ý kiến góp phần khắc phục những hạn chế trong công tác hạch toán nguyên vật liệu.

### **3.3.1. Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ:**

Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban, bộ phận. Mỗi khi luân chuyển chứng từ thì các bên giao và nhận chứng từ đều phải ký vào sổ. Nếu xảy ra mất mát chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm cho đúng người, đúng bộ phận để có biện pháp xử lý. Việc làm này giúp quản lý chặt chẽ các chứng từ của công ty, hơn nữa cũng nâng cao tinh thần trách nhiệm cho cán bộ công nhân viên đối với việc quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung.

#### **PHIẾU GIAO NHẬN CHỨNG TỪ NHẬP KHO HOẶC XUẤT KHO**

Từ ngày ..... đến ngày .....

Nhóm vật liệu (dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa)	Số lượng chứng từ	Số hiệu chứng từ	Số tiền
1	2	3	4

Ngày ... tháng ... năm ...

Người nhận (ký)

Người giao (ký)



**3.3.2. Khâu thu mua, vận chuyển:**

Nâng cao tinh thần trách nhiệm của người thu mua tránh tình trạng rơi vãi nguyên vật liệu, nếu rơi vãi vượt quá định mức cho phép phải hạch toán vào Tài khoản 152, không hạch toán vào Tài khoản 627.

**3.3.3. Hoàn thiện việc lập danh điểm vật tư:**

Hiện nay, nguyên vật liệu của công ty rất đa dạng và phong phú nên việc kiểm tra, đối chiếu, hạch toán cũng như tính giá vật liệu gặp nhiều khó khăn. Vì vậy, để thuận tiện hơn cho việc theo dõi, quản lý, kiểm tra từng loại nguyên vật liệu một cách có hệ thống và kế hoạch, theo em công ty nên xây dựng hệ thống danh điểm vật tư thống nhất toàn công ty. Sổ danh điểm vật tư là sổ danh mục tập hợp toàn bộ các loại nguyên vật liệu, được theo dõi theo từng loại, từng nhóm, quy cách vật liệu một cách chặt chẽ giúp công tác quản lý và hạch toán nguyên vật liệu ở công ty được thống nhất.

Để lập sổ danh điểm vật tư điều quan trọng nhất là phải xây dựng được bộ mã nguyên vật liệu chính xác, đầy đủ không trùng lặp, thuận tiện, hợp lý. Công ty có thể xây dựng bộ mã nguyên vật liệu dựa vào các đặc điểm sau:

- Dựa vào các loại nguyên vật liệu.
- Dựa vào các loại nguyên vật liệu trong mỗi loại.
- Dựa vào số thứ tự nguyên vật liệu được xây dựng trên cơ sở số liệu các tài khoản cấp 2 đối với nguyên vật liệu.

**Ví dụ:**

- Nguyên vật liệu chính: 1521
  - Giấy lẻ OCC: 1521 - OCC      Giấy lẻ OCC nội: 1521 – OCC1
  - Giấy lẻ OCC ngoại: 1521 – OCC2
- Nguyên vật liệu phụ: 1522
  - Bột trợ nghiền Repuling: 1522 - BTN
- Phụ tùng thay thế: 1524
  - Bánh răng hộp số: 1524 - BRHS

**SỔ DANH ĐIỂM VẬT LIỆU**

Ký hiệu		Mã số danh điểm	Danh điểm vật tư	Đơn vị tính	Ghi chú
Loại	Nhóm				
<b>1521</b>			<b>Nguyên vật liệu chính</b>		
	1521 - OCC	1521 – OCC1	Giấy lè OCC nội	KG	
		1521 – OCC2	Giấy lè OCC ngoại	KG	
	...	...	...		
<b>1522</b>			<b>Nguyên vật liệu phụ</b>		
		1522 - BTN	Bột trợ nghiền Repuling	KG	
	...	...	...		
<b>1524</b>			<b>Phụ tùng thay thế</b>		
		1524 - BRHS	Bánh răng hộp số	CAI	
	...	...	...		

**3.3.4. Hoàn thiện thủ tục nhập, xuất kho nguyên vật liệu:**

Khi công ty mua vật liệu ngoài thường có 2 trường hợp xảy ra:

- Trường hợp 1: Nguyên vật liệu mua về nếu dự trữ tại kho thì tiến hành thủ tục nhập kho, sau đó theo yêu cầu sản xuất của sản phẩm sẽ tiến hành xuất vật tư.
- Trường hợp 2: Do nhu cầu cần vật liệu ngay nên nguyên vật liệu mua về được chuyển thẳng tới bộ phận sản xuất. Trong trường hợp này, mặc dù không nhập kho nhưng kế toán vẫn tiến hành làm thủ tục nhập kho, xuất kho như trường hợp 1. Như vậy, việc thực hiện các thủ tục nhập xuất kho (trong khi không nhập, xuất kho) nhiều khi chỉ mang tính hình thức, sẽ hao phí về lao động kế toán, thủ tục rườm rà. Trường hợp này công ty chỉ cần làm thủ tục kiểm nghiệm vật tư và làm biên bản giao nhận vật tư làm căn cứ hạch toán chi phí nguyên vật liệu không qua kho, vừa giảm bớt thủ tục ghi chép cho kế toán và thủ kho, vừa phản ánh kịp

thời số liệu hạch toán hàng tồn kho.

**BIÊN BẢN GIAO NHẬN VẬT TƯ**

Ngày ..... tháng ..... năm .....

Chúng tôi gồm:

- Ông (bà): ..... Người cung ứng
- Ông (bà): ..... Người nhận

Đã tiến hành bàn giao sử dụng vật tư sau đây:

STT	Quy cách, chủng loại vật tư	Đơn vị tính	Số lượng

Đại diện bên cung ứng  
(Ký, họ tên)

Đại diện bên nhận  
(Ký, họ tên)

Biên bản trên được lập ngay tại chỗ, sau đó chuyển hóa đơn, biên bản lên phòng kế toán làm căn cứ ghi sổ kế toán.

**3.3.5. Hoàn thiện lập bảng phân bổ vật liệu:**

Mẫu bảng phân bổ vật liệu:

**BẢNG PHÂN BỔ VẬT LIỆU**

Ngày ..... tháng ..... năm .....

STT	TK ghi Có Đối tượng	Tài khoản 152			Cộng Có Tài khoản 152
		1521	1522	.....	
	TK 621 – CP NVL trực tiếp				
	- TK 6211				
	- TK 6212				
	TK 627 – CP SX chung				
	TK 642 – CP QLDN				
	.....				

Các cột dọc phản ánh các loại vật liệu dùng trong tháng tính theo giá thực tế. Hàng ngang phản ánh đối tượng sử dụng các loại vật tư theo từng khoản mục chi phí. Điều này tạo điều kiện cho các đơn vị theo dõi chặt chẽ cả về số lượng và giá trị vật liệu xuất dùng trong tháng của từng loại, từng nhóm, từng thứ vật tư.

### **3.3.6. Áp dụng công nghệ thông tin vào tổ chức công tác kế toán nói chung và kế toán nguyên vật liệu nói riêng:**

Hòa nhập với sự phát triển của công nghệ khoa học kỹ thuật và xu hướng tiên bộ trên toàn thế giới, việc áp dụng công nghệ thông tin trong hạch toán kế toán là hoàn toàn cần thiết. Công ty CP HAPACO H.P.P đã ứng dụng tin học vào việc hạch toán kế toán nhưng chỉ là những tính toán đơn thuần, công ty nên áp dụng phần mềm kế toán máy. Phần mềm kế toán có nhiều ưu việt:

- Thu thập, xử lý thông tin kế toán một cách nhanh chóng.
- Tạo điều kiện cho doanh nghiệp chủ động kiểm soát các thông tin tài chính.
- Chọn lọc thông tin cung cấp cho người sử dụng tùy theo mục đích sử dụng.
- Việc xử lý, trình bày, cung cấp các chỉ tiêu kế toán về hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp là liên tục, có căn cứ, đáp ứng yêu cầu sử dụng của các đối tượng khác nhau.
- Hơn nữa, việc sử dụng phần mềm kế toán có thể giúp giảm bớt nhân lực so với kế toán thủ công mà vẫn đảm bảo chất lượng công việc.

Chính vì những ưu điểm của việc áp dụng phần mềm kế toán máy, theo em công ty nên lựa chọn một chương trình phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của mình. Bên cạnh đó, công ty cần tổ chức các lớp đào tạo, hướng dẫn cho đội ngũ cán bộ kế toán sử dụng thành thạo linh hoạt phần mềm kế toán mà công ty áp dụng. Công ty có thể tự viết phần mềm theo tiêu chuẩn quy định tại thông tư 103/2005/TT – BTC của Bộ tài chính ký ngày 24/11/2005 về việc “Hướng dẫn tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm kế toán”. Công ty đi mua phần mềm của các nhà cung ứng phần mềm kế toán chuyên nghiệp như:

- Phần mềm kế toán MISA của công ty cổ phần MISA.
- Phần mềm kế toán EFFECT của công ty cổ phần EFFECT.

- Phần mềm kế toán Bravo của công ty cổ phần Bravo.
- Phần mềm kế toán SAS INNOVA của công ty cổ phần SIS Việt Nam.
- Phần mềm kế toán ACMAN của công ty cổ phần ACMAN.

### **3.3.7. Cần thiết phải có sự nghiên cứu, tìm hiểu thị trường:**

Mặc dù nguyên vật liệu hiện nay không thiếu, thậm chí một số nguyên vật liệu rất dồi dào nhưng các nguyên vật liệu này xuất phát từ nhiều nguồn gốc khác nhau, chất lượng khác nhau. Vì vậy, việc thiết lập những nguồn cung ứng nguyên vật liệu lâu dài rất quan trọng, điều này Công ty CP HAPACO H.P.P đã và đang làm được. Tuy nhiên, bên cạnh những nhà cung cấp quen thuộc, công ty cần có kế hoạch thăm dò, tìm hiểu thị trường để tìm ra nguồn cung ứng tốt nhất, đem tới cơ hội tăng chiết khấu, nhưng vẫn đảm bảo chất lượng có lợi cho doanh nghiệp.

Không những thế, tìm hiểu tốt thị trường còn giúp doanh nghiệp có những bước đi đúng đắn trong thu mua, dự trữ ở những thời điểm khác nhau, tránh tình trạng mua phải nguyên vật liệu với giá cao khi có sự khan hiếm hoặc thiếu nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất.

### **3.3.8. Xác định mức dự trữ tối thiểu và tối đa cho từng loại nguyên vật liệu:**

Trong nền kinh tế thị trường có sự cạnh tranh khốc liệt như hiện nay, nhiều biến động xảy ra có thể ảnh hưởng tới kế hoạch sản xuất của công ty và ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm. Do vậy, nếu công ty không xác định mức dự trữ nguyên vật liệu thì kết quả sản xuất của công ty có thể bị ngưng trệ làm ảnh hưởng tới kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, nếu công ty dự trữ nguyên vật liệu quá lớn sẽ làm ứ đọng vốn, gây khó khăn trong việc quay vòng vốn của doanh nghiệp và phát sinh các chi phí liên quan. Ngược lại, nếu dự trữ quá ít thì khi nguyên vật liệu trên thị trường khan hiếm hoặc giá cả tăng sẽ làm ảnh hưởng đến chi phí sản xuất kinh doanh của công ty.

Vì vậy, công ty nên xác định mức dự trữ hợp lý để giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm mà vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm và yêu cầu sản xuất khi

có yếu tố bất thường xảy ra thông qua báo cáo vật tư theo kế hoạch sản xuất, kinh doanh và báo cáo nghiên cứu thị trường.

### **3.3.9. Công tác kiểm kê nguyên vật liệu:**

Hiện nay công tác kiểm kê nguyên vật liệu tại công ty chỉ được tiến hành một năm một lần, công ty nên tiến hành kiểm kê thường xuyên hơn (một quý một lần). Như vậy sẽ đảm bảo nguyên vật liệu sẽ không bị thất thoát, hoặc nếu thất thoát cũng nhanh chóng tìm ra nguyên nhân để có biện pháp xử lý kịp thời, đảm bảo công tác quản lý nguyên vật liệu được tốt hơn.

### **3.3.10. Hoàn thiện việc tổ chức, phân tích tình hình sử dụng nguyên vật liệu:**

Thực tế cho thấy công tác quản lý nguyên vật liệu sẽ đạt hiệu quả cao hơn nếu doanh nghiệp nắm bắt được các chỉ tiêu về tình hình sử dụng của nguyên vật liệu, nhưng công tác phân tích tình hình sử dụng nguyên vật liệu tại công ty nhìn chung chưa thực sự được quan tâm và thực hiện. Theo em công ty có thể thực hiện việc phân tích tình hình sử dụng nguyên vật liệu như sau:

Để đánh giá chung các tiềm năng sử dụng nguyên vật liệu ta sử dụng chỉ tiêu hiệu suất sử dụng nguyên vật liệu:

$$\text{Hiệu suất sử dụng NVL} = \frac{\text{Giá trị sản lượng}}{\text{Chi phí NVL}}$$

Chỉ tiêu này biểu hiện một đồng nguyên vật liệu tham gia vào sản xuất trong kỳ đem lại bao nhiêu đồng giá trị sản lượng. hiệu suất này càng cao chứng tỏ chất lượng công tác quản lý và sử dụng nguyên vật liệu càng tốt.

Phân tích tình hình cung cấp nguyên vật liệu để khai thác tiềm năng và sử dụng nguyên vật liệu cho sản xuất phải thường xuyên và định kỳ, phân tích tình hình cung cấp nguyên vật liệu theo các yêu cầu sau :

- Thường xuyên phải kiểm tra nguyên vật liệu tồn kho so với định mức dự trữ để giải quyết tình hình định mức không hợp lý.
- Căn cứ vào tình hình cung cấp thực tế đối chiếu với các hợp đồng đã ký, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch cung cấp và tiến độ sản xuất để phát hiện

việc mất cân đối giữa nhu cầu và khả năng cung cấp, không thể thiếu hụt nguyên vật liệu dẫn đến ngừng sản xuất.

Phân tích tình hình cung cấp nguyên vật liệu:

$$\frac{\text{Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch cung ứng về khối lượng NVL loại } i \text{ (} i = 1, n \text{)}}{\text{Số lượng NVL loại } i \text{ thực tế nhập trong kỳ}} = \frac{\text{Số lượng NVL loại } i \text{ cần mua (theo kế hoạch trong kỳ)}}{\text{Số lượng NVL loại } i \text{ thực tế nhập trong kỳ}}$$

Sau khi phân tích tìm ra nguyên nhân cũng như biện pháp nhằm sử dụng tiết kiệm nguyên vật liệu mà vẫn đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất. Những nguyên nhân và biện pháp cải tiến thường có thể tiến hành trong các lĩnh vực sau:

- Thiết kế sản phẩm
- Công tác tổ chức quản lý
- Tay nghề của công nhân
- Việc cung ứng nguyên vật liệu
- Quy trình công nghệ ...

Bên cạnh việc thực hiện tốt công tác quản lý nguyên vật liệu theo định mức, kiểm tra chất lượng ngay từ khâu đầu vào công ty còn tiến hành theo dõi việc xuất nguyên vật liệu mang đi sử dụng, phát hiện kịp thời những bộ phận sản xuất không sử dụng đúng định mức, từ đó tìm hiểu nguyên nhân. Nếu là khách quan thì tìm cách giải quyết, nếu do chủ quan cá nhân hay tập thể cố ý gây ra thì công ty có biện pháp xử lý kinh tế hoặc hành chính. Công ty cũng cần có chế độ thưởng phạt nghiêm minh đối với cá nhân và tập thể nhằm tiết kiệm nguyên vật liệu và nâng cao năng suất lao động. Việc làm trên có tác động giáo dục, nâng cao ý thức trách nhiệm của người lao động, đồng thời người lao động cũng làm việc một cách sáng tạo hơn khi họ luôn tìm ra những biện pháp để cải tiến quy trình công nghệ sản xuất.

Phân tích tình hình sử dụng nguyên vật liệu vào sản xuất:

$$\text{Hệ số đảm bảo vật liệu cho sản xuất} = \frac{\text{Lượng NVL dự trữ đầu kỳ} + \text{Lượng NVL nhập trong kỳ}}{\text{Lượng NVL cần dùng trong kỳ}}$$

Phân tích tình hình sử dụng nguyên vật liệu vào sản xuất:

STT	Tên vật liệu	Đơn vị tính	Đơn giá	Hạn mức (Kế hoạch)			Thực tế (Sử dụng)			So sánh	
				Số lượng	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số lượng	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số lượng	Tỷ trọng (%)
	Cộng										

Qua bảng ta thấy được nguyên vật liệu nào dùng vượt tiêu chuẩn, nguyên vật liệu nào sử dụng ít hơn so với kế hoạch và nguyên vật liệu nào sử dụng vừa đủ. Từ đó tìm ra nguyên nhân những nhược điểm, phát huy những ưu điểm và khắc phục những nhược điểm và phục vụ đắc lực cho lãnh đạo khi đưa ra quyết định giúp cho việc quản lý và sử dụng nguyên vật liệu được tiết kiệm hạ giá thành sản phẩm.



## KẾT LUẬN

Qua thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần HAPACO H.P.P đã giúp em nắm bắt được thực tế công tác kế toán tại công ty từ khâu lập chứng từ kế toán, ghi chép hệ thống sổ kế toán,... Và đặc biệt được đi sâu vào tìm hiểu công tác hạch toán kế toán kế toán nguyên vật liệu tại công ty. Từ đó đã giúp em có cơ sở đối chiếu giữa lý luận và thực tiễn để củng cố và bổ sung thêm cho kiến thức lý thuyết được trang bị tại trường, rèn luyện kỹ năng của người cán bộ kế toán. Trên góc độ một kế toán viên tương lai, em thấy rằng cần phải nhận thức đầy đủ cả về lý luận và thực tiễn. Mặc dù có thể vận dụng lý luận và thực tiễn dưới nhiều hình thức khác nhau nhưng phải đảm bảo phù hợp cả về nội dung và mục đích của công tác kế toán. Những kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty mà bài khóa luận đưa ra tuy còn mang nặng tính lý luận song em mong đó cũng là tài liệu để doanh nghiệp tham khảo phục vụ cho công tác quản lý của doanh nghiệp.

Bài khóa luận được hình thành nhờ sự giúp đỡ tạo điều kiện của Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần HAPACO H.P.P, đặc biệt là các cô chú trong phòng Kế toán và các thầy cô trong bộ môn quản trị kinh doanh.

Em xin chân thành cảm ơn các bác, các cô chú trong Công ty Cổ phần HAPACO H.P.P đã hết lòng nhiệt tình giúp đỡ, cung cấp số liệu cho em hoàn thành bài khóa luận này. Em xin gửi lời biết ơn sâu sắc tới các thầy cô trong trường nói chung và toàn thể thầy cô trong bộ môn quản trị kinh doanh nói riêng đã tận tình dạy dỗ, chỉ bảo cho chúng em trong suốt quá trình học tập. Qua đây, em xin gửi lời cảm ơn tới thầy giáo Thạc sĩ Vũ Hùng Quyết đã trực tiếp hướng dẫn giúp em hoàn thành bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

*Hải Phòng, ngày 25 tháng 6 năm 2011*

Nguyễn Thị Thu Thủy

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Nhà xuất bản Tài chính năm 2006 gồm 2 quyển:
  - Quyển 1: Hệ thống tài khoản kế toán
  - Quyển 2: Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ kế toán và sơ đồ kế toán chủ yếu.
2. Lý thuyết và thực hành kế toán Tài chính của PGS.Nguyễn Văn Công
3. Số liệu kế toán và hệ thống sổ sách kế toán tại Công ty Cổ phần HAPACO H.P.P
4. Các bài khóa luận của khóa trước được lưu tại thư viện trường ĐHDL Hải Phòng